

góc nhìn
sử Việt

Trúc Khê

Cao Bá Quát

*"Một cậu học trò ngạo nghệ,
một thí sinh coi rẻ quan trường,
một khách giang hồ phiêu lãng,
một văn sĩ khinh đời ngạo thế,
một viên giáo thụ bất đắc chí,
một kẻ làm loạn đã đem về cho
gia tộc cái họa chu di."*



Xuất bản lần đầu năm 1940



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Duong Kobo's Book Club

*Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo*



SCAN TO JOIN

Trúc Khê

CAO BÁ QUÁT

Bản quyền © Trúc Khê

LỜI GIỚI THIỆU

Bạn đọc thân mến!

Lịch sử văn hóa của một dân tộc không phải của riêng cá nhân nào, chính vì vậy, việc bảo tồn, gìn giữ và phát triển lịch sử văn hóa cũng không phải riêng một người nào có thể gánh vác được, nó thuộc về nhận thức chung của toàn xã hội và vai trò của từng nhân tố trong mỗi chặng đường lịch sử. Lịch sử là một khoa học. Lịch sử không phải là việc thống kê sự kiện một cách khô khan rời rạc. Bởi mỗi sự kiện trong tiến trình đó đều có mối liên kết chặt chẽ với nhau bằng sợi dây vô hình xuyên suốt không gian và thời gian tạo nên lịch sử của một dân tộc.

Dân tộc Việt Nam trải hơn một nghìn năm Bắc thuộc, gần trăm năm dưới ách cai trị của thực dân, đế quốc, nhưng con cháu bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... vẫn kiên trì bền chí, tin tưởng ở quá khứ hào hùng, không ngừng tranh đấu hướng tới tương lai rộng mở vì độc lập tự do của đất nước.

Một dân tộc, một quốc gia muốn trường tồn và phát triển, ngoài việc đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật, điều quan trọng hơn nữa là phải có một nền tảng giáo dục vững chắc. Trong đó, giáo dục về lịch sử và lòng tự hào dân tộc là cần thiết để ghi khắc trong tâm trí các thế hệ, đặc biệt là tầng lớp thanh niên, ý thức về nguồn gốc dân tộc, truyền thống văn hóa và nội lực quốc gia, đồng thời giúp định hình góc nhìn thấu đáo về vai trò của từng giai đoạn, triều đại và nhân vật - dù gây tranh cãi - tạo nên lịch sử đó.

Chính vì những giá trị to lớn đó, vấn đề học tập, tìm hiểu lịch sử nước nhà hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của Nhà nước và toàn xã hội. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ Phát triển Sử học Việt Nam, Tạp chí Xưa và Nay... và rất nhiều những tổ chức khác

đã và đang kiên trì con đường thúc đẩy sự phát triển của nền khoa học lịch sử quốc gia, phổ biến tri thức lịch sử, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc tới toàn xã hội.

Đồng hành với mối quan tâm của toàn xã hội, Công ty Cổ phần Sách Alpha - một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, với tôn chỉ “Tri thức là Sức mạnh” - đặc biệt quan tâm tới việc góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về truyền thống văn hóa lịch sử đất nước.

Theo nhiều kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu của bạn đọc cho thấy, “lỗ hổng lịch sử” ở không ít người trẻ hiện nay hoàn toàn có thể bù lấp một phần dựa trên nhiều nguồn tư liệu, công trình nghiên cứu, sách cổ sách quý hiện đang được các Viện nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân lưu giữ. Để chung tay tái hiện một cách rõ nét những mảnh ghép lịch sử dân tộc, Công ty Cổ phần Sách Alpha đã triển khai dự án xuất bản mang tên Góc nhìn sử Việt với mục đích xuất bản lại và xuất bản mới một cách có hệ thống các công trình, tư liệu, sách nghiên cứu, sách văn học có giá trị... về lịch sử, bước đầu hình thành nên Tủ sách Alpha Di sản.

Cuốn sách bạn đang cầm trên tay là một trong những sản phẩm đầu tiên của dự án này.

Xin trân trọng giới thiệu.

Công ty CP Sách Alpha

TỰA

Về triều vua Tự Đức (1848 - 1888) giặc giã trong nước nổi lên rất nhiều, nhất là ở Bắc kỳ, có người mượn cớ nọ cớ kia để khởi sự cho dễ, có người đem lòng hâm mộ nhà Lê, tìm người dòng dõi để tôn lên làm minh chủ. Gần biên giới, giặc Tàu thừa cơ tràn sang quấy rối. Triều đình lấy làm lo ngại, cử ông Nguyễn Đăng Giai¹ ra làm Kinh lược Bắc kỳ. Ông Đăng Giai dẹp xong, thì một bọn khác nổi lên lấy danh là khởi nghĩa để tôn ông Lê Duy Cự lên làm vua. Bọn này thường gọi là “giặc châu châu” do một nhà danh nho đứng đầu. Nhà danh nho ấy là ông Cao Bá Quát.

Muốn biết thân thế ông, tôi xin giới thiệu quyển sách ông Trúc Khê Ngô Văn Triện. Ông Trúc Khê đã tra cứu tài liệu ở Viện Bác cổ², biên thành một quyển tiểu sử rất công phu, lời văn chải chuốt, câu chuyện phân minh, xem có phương pháp ổn đáng³, không thể dị nghị vào đâu được.

Đọc xong, tất có người tiếc cho ông Cao Bá Quát đã tự tay đem cái chân tài ra chôn vùi trong sự ô danh. Nhưng ta nên nhớ rằng phạm những việc như việc ông làm, nếu đã thất bại thì tất nhiên phải khép vào tội bất trung bất hiếu. Tuy vậy, cái tinh hoa của nhà cao sĩ không thể nào tiêu diệt đi được, muôn đời vẫn là phần thuần túy cho kho thi văn nước nhà.

Dù thế nào chăng nữa, tôi cũng xin nhường để độc giả phán đoán. Chỉ vì ưa đọc những sách chép lịch sử các bậc tiền bối, nên tôi đề tựa này, mong độc giả thưởng thức cái tài của một danh nho do ông Trúc Khê đã dày công nghiên cứu và giảng giải.

Ứng Hòe NGUYỄN VĂN TỐ

I:

DÒNG DÕI HỌ CAO Ở PHÚ THỊ

Nước non Kinh Bắc, vẫn là một danh khu của xứ Bắc Hà; mà họ Cao 高 ở vùng Phú Thị 富市 huyện Gia Lâm, từ đời Hậu Lê, vẫn là một cự tộc⁴, nổi đời khoa hoạn.

Người trội nhất trong họ ấy xưa kia là Cao Bái Hiên 高沛軒, làm đến Binh bộ Thượng thư ở triều vua Lê, kiêm lĩnh chức Tham tụng (thủ tướng) trong phủ chúa Trịnh.

Bái Hiên tiên sinh là một người có tiếng liêm khiết, quan làm đến tể phụ mà nhà vẫn thanh bần⁵. Trong khi chấp chính ở triều đình, được sĩ dân rất là mến phục.

Rồi đến Cao Cửu Chiếu 高久詔 lĩnh giáo chức ở huyện Gia Định (nay là Gia Bình thuộc Bắc Ninh), đào tạo nên nhiều người thành đạt, người ta đều khâm ngưỡng là một nhà đạo đức văn chương.

Còn ngoài ra, những người do chân khoa mục mà làm đến phủ thú, huyện lệnh cũng nhiều, và phần nhiều biết trọng đường thao thủ⁶:

Ngồi Đức Thủy khơi dòng kinh sử,

Phả Cao Dương treo chữ tấn thân.

Dõi đời khoa bảng xuất thân,

Trăm năm lấy chữ thanh cần làm bia.

Kể đến đời ông đồ Cao. Tuy đã từng bao năm nấu sủ sôi kinh, nhưng gặp hồi loạn lạc cuối Lê, ông không ra thi cử để cầu tiến đạt. Ông ở nhà đóng vai ẩn sĩ, vui với văn chương kinh sử; rồi sau khi bản triều bình định toàn quốc, trời quang mây tạnh, tiên sinh

thiết7 trường dạy học trò.

Bà đồ Cao là một người đàn bà rất hiền. Một tay bà buôn bán đảm đang, làm cho gia kế ngày một phong lưu, khiến chồng không bao giờ phải bận tâm về việc nhà, chỉ việc chuyên công đèn sách. Ông đồ lại hay có bạn khách lui tới. Mỗi khi bạn chồng đến chơi, bà lo thết đãi rất tươm tất. Có khi người bạn ở chơi hàng mấy ngày, cùng chồng bàn văn giảng sách, bà vẫn cứ tươi vui chiêu đãi, chẳng chút ngại phiền. Bà thật có thể đại biểu cho các bà đồ bà khóa ở nước ta về thói nho học ngày xưa. Đương buổi nho học thịnh hành, bằng vàng mũ bạc, còn là cái mục đích duy nhất của đời người con giai, ông Nghè ông Cống còn được cả xã hội tôn sùng, thì trong nữ giới, thực đã sản ra nhiều người hiền phụ với những đức tính nhân nại hy sinh rất đáng quý. Các bà đồ ngày xưa thường suốt một đời thắt lưng buộc bụng, chạy ngược đâm xuôi, hoặc buôn bán, hoặc củi canh, hoặc làm đủ các nghề vất vả nhọc nhằn để kiếm lấy tiền lương nuôi chồng ăn học. Bao giờ các bà cũng treo một cái hy vọng ở trước mắt:

Nữa mai tên chiếm bảng vàng,

Võng anh đi trước, võng nàng đi sau.

Bởi thế các bà lấy sự nuôi chồng ăn học là một cái bổn phận thiêng liêng của mình:

Hết gạo em lại gánh đi,

Hỏi thăm chàng học ở thi nơi nào.

Hỏi thăm đến ngõ thì vào,

Vai thì đặt gánh, miệng chào hỏi anh.

Tài giai lập lấy công danh...

Tuy nhiên, chẳng phải hết thảy bà đồ thắt lưng buộc bụng nuôi chồng ăn học, rồi đều đạt được cái ước nguyện võng anh võng nàng. Lắm bà theo đuổi cái huyền ảnh8 ấy cả một đời, cho đến lúc đầu bạc răng long, mà chồng vẫn chỉ là một ông đồ kiết9. Cái huyền ảnh ấy tan đi, các bà chẳng được tròn ý nguyện, cũng nên thương thật. Nhưng thực ra, các bà cũng đã thu được phần vinh dự của người làng nước khen tặng, vì đã nhất sinh10 tận tụy về nghiệp học của đức ông chồng.

Chúng ta ngày nay, chẳng muốn có những ông chồng quý, suốt

đời vui đầu vào trong việc nhai văn nhả chữ, trút cả gánh nặng gia đình cho vợ con; nhưng nghĩ đến những đắng hiên phụ ngày xưa, cũng không khỏi bồi hồi nhớ tiếc.

Cùng chồng kết tóc xe tơ, bà đồ Cao đã có vài lần thai sản, mà không nuôi được. Nhưng rồi một lần bà có mang, đến kỳ mãn nguyệt, bỗng sinh ra hai cậu con giai.

Hai cậu con giai này, tuy là mới sinh, đã có cái tướng mạo tuấn vĩ hơn người; ông bà yêu quý như là vàng ngọc trên tay, đặt tên cho người ra trước là Bá Đạt, người ra sau là Bá Quát. Đó là theo điển trong sách Luận ngữ, nói những người hiền sĩ đời Chu, có một cặp sinh đôi đặt tên như thế¹¹.

Đạt và Quát vì là hai trẻ sinh đôi, khí lực chẳng được đầy đủ, nên khi trứng nước thường có lắm tật bệnh. Nhất là Quát, đã có lần tưởng không nuôi được. Năm ấy Quát lên 2 tuổi, mắc chứng sài¹² liên miên đến hơn một tháng, rồi một buổi sáng, Quát trợn ngược đôi mắt và giật cả chân tay; bà đồ Cao đã khóc òa lên, tưởng là con đi đứt. Nhưng sau lại nhờ được một vị danh y giỏi về ấu khoa, chữa cho Quát được khỏi. Rồi từ ba tuổi trở về sau, anh em Đạt, Quát đều hay ăn chóng lớn, cứng cáp khỏe mạnh, không còn hay ốm yếu như buổi sơ sinh.

Giá lần ấy mà Quát mất đi, tuy có để sự buồn phiền cho ông bà họ Cao, nhưng đã là một cái may cho dòng dõi họ Cao sau này, vì sau đó bốn, năm mươi năm, dòng dõi họ Cao sẽ không vì Quát mà mắc phải cái họa diệt môn rất thê thảm. Thế nhưng trên đàn văn học Việt Nam, hình như có cái định số là đến thời gian ấy, phải được có sự chiếu rọi bởi những tia sáng của ngôi văn tinh ấy. Cho nên Quát dù ốm gần chết mà lại qua khỏi; Quát còn sống lại để trả cho văn học Việt Nam sau đây một nhà văn hào, một bậc thi thánh (Thánh Quát), làm rạng rỡ cho văn học sử, dù rằng sự sống ấy là cái mầm diệt môn của nhà họ Cao.

Dòng dõi của ông đồ Cao đến nay đã không còn ai rồi. Họ Cao ở Phú Thị tuy hãy còn người, nhưng đó là thuộc về ngành khác. Tuy nhiên, ta không có thể vì sự diệt môn này mà bảo nhà họ Cao đã là bất hạnh. Thực ra, trong cái bất hạnh, nhà họ Cao đã chiếm được phần đại hạnh. Họ Cao tuy chết, nhưng thanh danh nhà họ Cao vẫn còn sống mãi ở trong văn học sử với những áng văn kiệt tác của hai chú cháu Cao Chu Thần¹³. Người đời chỉ biết Chu Thần làm cho họ Cao chết, nhưng không biết chính ông đã làm cho họ Cao sống.

II:

CAO BÁ QUÁT HỌC TRÒ

Triều Nguyễn khai khoa, ông đồ Cao cũng có đi thi một lần nhưng không đỗ. Từ đấy ông không thi cử nữa, công danh sự nghiệp, có ý chờ ở hai người con tuấn dưỡng¹⁴ sau này. Đạt và Quát lớn lên, tư chất đều rất thông minh. Năm lên 5 tuổi, đã được cha bắt đầu dạy học sách Tam tự kinh: hai anh em ganh nhau, học đâu nhớ đấy. Ông đồ Cao vẫn mừng khắp khởi: “Hai đứa con ấy, có thể nối noi được tiên nghiệp của nhà họ Cao”. Năm 14 tuổi, hai người đã làm đủ được các thể văn. Nhất là Bá Quát, văn chương lại có vẻ trác lạc¹⁵ hơn văn của anh. Trong một bài văn, thường có những thần cú, lạc vào giữa những câu bình thường, làm cho cả một bài văn sáng trội lên; và lời văn rất hùng thể văn rất mạnh. Không những vậy, văn ông thường có những khi ngang tàng, những lời phong dật, không chịu ràng buộc ở trong vòng khuôn sáo. Bởi thế, bình phẩm về văn của hai con, ông đồ Cao thường nói:

“Văn của Bá Đạt hơn về khuôn phép nhưng kém về tài tứ; văn của Bá Quát hơn về tài tứ nhưng kém về khuôn phép. Dem cái tài tứ của Bá Quát hợp với cái khuôn phép của Bá Đạt, sẽ có thể trở nên một cái văn tài hoàn toàn.”

Ông thường đem lời ấy hiểu bảo¹⁶ hai con. Bá Đạt vẫn lấy lời cha để tự sách lệ¹⁷ mình nhưng Bá Quát, người có cái tính khí lãng tâng¹⁸, vẫn không chịu uốn ngòi bút rập vào khuôn phép của thời văn; vì ông thấy mỗi khi phải làm như thế thì hồn văn của ông như bị bóp chết.

Rồi hai anh em đến tập văn¹⁹ ở trường quan Đốc bản tỉnh. Chẳng bao lâu, anh em đã áp đảo được các sĩ tử ở trường tỉnh, và tiếng tăm “hai anh em nhà họ Cao” lừng lẫy cả một vùng Bắc Ninh.

Thiên tài càng phát việt²⁰, tiếng tăm càng lừng lẫy, thì cái đức

“kiêu” nằm sẵn ở trong tâm tính của nhà văn sĩ trẻ tuổi Cao Bá Quát cũng theo đó mà lớn lên dần. Những khi ngồi hội văn với các bạn bè, ông thường chẳng coi ai bằng mình, và thường nói:

“Cả thiên hạ có bốn bồ chữ, một mình tôi chiếm hai bồ, anh tôi Bá Đạt và bạn tôi Nguyễn Văn Siêu giữ một bồ, còn một bồ thì phân phát cho các kẻ học.”

Nhiều người khó chịu về cái nết kiêu ấy của Cao Bá Quát. Nhưng trong khi họ khó chịu, họ vẫn phải phục cái văn tài của ông lỗi lạc phi thường.

Khiếu văn của ông rất nhanh. Một lần ông ra chơi đình làng. Bấy giờ làng mới giao tiền cho lý trưởng, thuê thợ đắp đôi voi phục ở cửa đình. Voi đã đắp xong nhưng người làng đều nói ông ổng là lý trưởng đã ăn bớt tiền, nên voi đắp rất sơ sài chẳng có gì mỹ thuật. Bữa ấy trông thấy đôi voi, ông liền nghĩ ngay ra bốn câu thơ quốc âm đề lên mình voi để trêu chọc người lý trưởng rằng:

Khen ai khéo khéo đắp đôi voi?

Đủ cả đầu đuôi, đủ cả vôi.

Chỉ có cái kia... sao chẳng đắp!

Hay là lý trưởng bớt đi rồi?

Người lý trưởng xem thấy đoán ngay chỉ có gã học trò thông minh và ranh mãnh là Cao Bá Quát đã đề thơ nói chọc vạch mình, liền đập xóa những dòng chữ ấy.

Tại một làng kia cũng thuộc huyện Gia Lâm, có ông tú tài, tuy đã đỗ tiểu khoa nhưng các nhà văn thân trong hạt vẫn khinh là dốt, bảo chẳng qua ưa may mà đỗ. Một khi có một nhà phú thân tạ thế. Ông Quát bỗng nảy ra cái ý kiến muốn rửa tiếng dốt cho ông tú. Đám tang nhà phú thân này cử hành rất lớn, mời một vị đại khoa đến nhà để soạn đối trướng cho con cháu. Ông tú đối với nhà tang vì là chỗ tình quen nên cũng đến chơi. Bá Quát đến nói với ông tú xin đi theo hầu, tự nhận làm một kẻ môn sinh của ông tú. Ông tú hỏi:

- Cậu muốn đi theo tôi định để làm gì?

- Tôi muốn được đến đây để xem văn đối trướng của ông đại khoa, và may ra, hoặc cũng sẽ có thể giúp ích cho tiên sinh được.

Ông tú gặt đầu bằng lòng để Bá Quát đi theo hầu mình.

Thầy trò đến nơi, thấy chẳng những có ông đại khoa, lại còn nhiều các ông cử, tú trong huyện có mặt ở đấy. Ông tú vào, chẳng được các bạn văn thân kia để ý coi trọng chút nào. Ông ngồi vào cuối hàng; trong khi ấy thì ông đại khoa đương tựa mình bên cái gối xếp, rung đùi nghĩ văn đối trướng. Bá Quát nhìn những bức đối viết rồi treo ở nhà rạp, có bức để ông phục, cũng có bức để ông lắc đầu mỉm cười. Xem một lượt, ông lên đến gần chỗ ông đại khoa ngồi, thấy trên mặt cái tráp khảm, có tờ giấy trắng, ông đại khoa viết rập được hơn một dòng, nhưng còn bỏ bút ngồi nói chuyện với mấy ông bạn. Liếc mắt trông, Bá Quát biết ông đại khoa mở mào một bài trướng văn cho các cháu. Nhà văn trẻ tuổi, thông tuệ ấy, liền ra ngoài mượn giấy bút, soạn nổi cái bài ông đại khoa đương soạn dở dang. Ngọn bút thao thao như nước chảy sông Hồng, chỉ trong chốc lát đã soạn được bài trướng văn dài 4, 5 trang giấy. Thảo xong, Bá Quát vào đưa trình ông tú mà nói:

- Thưa thầy, con trộm phép quan nghề, nghĩ nổi cái bài văn trướng của ngài đương soạn dở, nhờ thầy coi xem văn con có được câu nào không?

Ông tú cầm xem, rồi các ông cử, tú ngồi gần, đều ngó vào xem cả. Ai nấy hết sức kinh ngạc, không ngờ người học trò nhỏ ấy, lại có cái văn tài mẫn tiệp và lưu lợi thế này. Bài văn ấy lần chuyển đến tay ông đại khoa, ông này càng ngạc nhiên hơn, hỏi gã học trò ấy ở đâu đến vậy. Ông tú bấy giờ đồng dặc nói:

- Bẩm quan Nghè cùng các quan viên văn thân, gã ấy là tên học trò tôi, đi theo hầu tôi đến đây.

Cử tọa bấy giờ đều nhìn ông tú bằng đôi mắt vì ngỡ22 kiêng dè, bởi nghĩ ông có được người học trò như thế thì chắc ông không phải là dốt, chẳng qua trước đây đã hiểu nhầm về ông thôi vậy.

Ông đại khoa gọi Bá Quát đến bên cạnh, rót chén nước chè tàu mời uống và bảo:

- Văn tài của cậu, tôi lấy làm phục lắm. Thánh nhân có nói:Hậu sinh khả úy23. Một ngày kia, biết đâu cậu chẳng hơn chúng tôi bây giờ.

Từ đấy ông tú không bị các bạn văn thân khinh dễ nữa.

Người ta nói khi vua Minh Mạng bắc tuần, ông Quát có sang Thăng Long xem vua. Ngự giá lên hồ Tây, ông cũng lên xem, nhân

giời nóng bức, ông cởi quần áo lội xuống hồ tắm. Kiệu vua đến nơi, quân lính thấy có kẻ vô lễ, bắt lên trời lại. Ông điềm nhiên không sợ hãi, trần truồng theo người ta dẫn đi. Vua thấy một đứa trẻ gan góc bước bình, gọi đến hỏi chơi. Ông xưng mình là học trò, vì đi xem vua mà gặp giờ nóng bức nên phải xuống hồ tắm mát. Vua phán:

- Nếu là học trò, để ta ra cho một câu đối, hễ đối được, sẽ tha cái tội thất kính cho.

Vua nhân trông xuống dưới hồ, nước hồ trong veo, thấy một con cá lớn đang đuổi bắt cá bé, ngài tức cảnh ra rằng:

Nước trong leo lẻo cá đớp cá.

Ông Quát ứng khẩu đối ngay rằng:

Giời nắng chang chang người trói người.

Vua rất khen ngợi, chẳng những tha tội lại còn thưởng cho nữa.

Lại một lần, ông Quát đi sang Thăng Long mua sách. Gặp vào kỳ bình văn ở nhà quan Đốc học, mà quan Đốc học bấy giờ là một vị đại khoa. Ông Quát đến dự nghe cuộc bình, mỗi khi nghe thấy một câu nào mà ông cho là tầm thường ông lại bịt mũi lắc đầu và khạc nhổ. Lính hầu thấy thế cho là vô lễ, bắt vào nộp quan Đốc. Quan Đốc vặn hỏi, Bá Quát tự xưng là một người học trò.

Hỏi học ai thì Bá Quát nói:

- Tôi học ông Trình ông Chu²⁴.

Thấy một anh học trò nói năng ngông ngáo, cử động khinh nhờn, quan Đốc cả giận, bảo:

- Nhà ngươi đã tự xưng mình là học trò, sao lại tỏ ra là một người thiếu lễ phép? Nếu là học trò thì ta ra cho một câu đối, đối được ta sẽ tha cả tội lỗi cho, bằng không đối được, ta sai lính đánh cho ba chục.

Đoạn quan Đốc ra rằng:

爾小生何處得來，敢說程朱事業？

Nhĩ tiểu sinh hà xứ đắc lai, cảm thuyết Trình Chu sự nghiệp?

Câu ra này nghĩa là: Anh là một gã trò nhỏ, ở đâu đến đây, dám nói

đến sự nghiệp ông Trình, ông Chu?

Chỉ trong thoát chốc, ông Quát đã đối liền ngay rằng:

我君子見幾而作，欲爲堯舜君民。

Ngã quân tử kiến cơ nhi tác, dục vi Nghiêu Thuấn quân dân.

Nghĩa là: Ta là bậc quân tử thấy cơ mà dấy, muốn làm cho vua và dân trở nên vua và dân đời Nghiêu Thuấn.

Quan Đốc tuy không bằng lòng về cái giọng xấc xược, nhưng bụng rất lấy làm khen phục. Chẳng những không trách phạt gì nữa, ngài lại thưởng năm quan tiền mà cho về.

Xem câu đối trên này, ta cũng có thể tưởng thấy cái khí phách, cái tư tưởng khác thường của ông Quát vậy.

III:

CAO BÁ QUÁT ĐI THI

Thừa xưa, học trò, muốn đi thi hương, trước hết phải lọt qua một kỳ khảo hạch. Kỳ khảo hạch này do quan Đốc học đứng đầu mở ra, thi những học trò trong hàng tỉnh để chọn lọc lấy người cho nộp quyền đi thi hương. Kỳ khảo hạch ấy thường mở trước khoa hương độ 5, 10 tháng.

Cao Bá Quát đi thi kỳ khảo hạch, chính ông đã đỗ đầu xứ, nghĩa là đỗ đầu cả các sĩ tử tỉnh Bắc Ninh. Kỳ hạch này có bài thơ đầu đề là Thiếu niên anh tuấn, làm bài thơ này ông Quát đã đề hai câu cuối thất niêm²⁵. Đó chính là một biểu hiện của cái tính không chịu ràng buộc của ông. Khi cái văn hùng đã tung bay, ngòi bút dưới tay Bá Quát nó muốn được ngang dọc tùy lòng không chịu tự giam ở trong những khuôn khổ chật hẹp. Những lúc ấy, ngòi bút kia muốn đùa bỡn cả với công danh của chủ nó, và sẵn chờ đợi để khinh bỉ những ai không chịu hiểu biết nó một cách khác hẳn lối thường. Ngòi bút ấy, chỉ hợp để dùng viết những văn chương tự do, chứ nếu đem vào trường thi để viết văn cử nghiệp, e rằng ít khi tránh khỏi những điều bất như ý. Cũng như tính tình kiêu túng của ông Cao Bá Quát, chỉ hợp cho ông làm một khách giang hồ nhàn tản, chứ nếu ông bước chân vào vòng sĩ hoạn, vào giữa chợ bán lợi mua danh, tranh quyền đoạt vị, thì sự lật đổ trên bước đường hướng tiến, ta cũng chẳng đáng lấy làm lạ chút nào.

Tuy nhiên, kỳ khảo hạch này, Bá Quát gặp được quan trường là người không cố chấp quá, nên ông không vì bài thơ ấy mà mất đỗ đầu. Bởi bài thơ tuy thất niêm, nhưng lại rất hay, và các bài khác cũng đều xuất sắc. Nên ông đỗ đầu xứ, tất cả sĩ tử Bắc Ninh không một ai lấy làm dị nghị.

Khoa Tân Mão niên hiệu Minh Mạng thứ 12 (1831), Cao Bá Quát đỗ á nguyên²⁶ trường thi Hà Nội, còn người anh cùng học sinh

đôi là Cao Bá Đạt thì trượt đỗ - ông Đạt đến khoa sau là khoa Giáp Ngọ, Minh Mạng thứ 15 (1834) mới đỗ cử nhân²⁷. Một vị quan trường có ra cho ông Quát một vế câu đối rằng:

一胞雙生，難爲兄，難爲弟。

Nhất bào song sinh, nan vi huynh, nan vi đệ.

Nghĩa là: Một bọc sinh đôi, khó định được ai là anh, ai là em.

Ông Quát đối lại :

千載一遇，有是君，有是臣。

Thiên tải nhất ngộ, hữu thị quân, hữu thị thần.

Nghĩa là: Nghìn năm mới có một cuộc gặp gỡ, có vua ấy phải có tôi ấy.

Nghĩa chính trong câu này thì chữ vua trở vào ông vua đương triều ngự trị, còn chữ tôi thì trở vào anh em nhà ông. Song vì câu ra ở trên, nói về hai anh em sinh đôi, thành ra khi đọc xuống câu dưới, tự nhiên người ta phải nhận được một cái nghĩa bóng, tựa như tác giả bảo trong hai người một người là vua, một người là tôi vậy.

Song cái nghĩa bóng lơ mờ ấy, người ta chỉ để mà thâm nghĩ: tay này có một cái khẩu khí ngang ngược; chứ cũng không đủ để bẻ bác cái câu đối rất hay này.

Đỗ khoa hương rồi, ông Quát lên đường vào Kinh đô thi hội.

Một thầy một tớ, quẩy níp²⁸ vào kinh: đường vô xứ Nghệ quanh quanh, đường vô xứ Huế như tranh họa đồ. Khi đi gần đến sông Gianh (Linh Giang), ông Quát sực nhớ vùng này có nhà danh sĩ Nguyễn Hàm Ninh (người làng Trung Ái, phủ Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình) mới đỗ giải nguyên (thủ khoa) trường Thừa (Thừa Thiên) khoa mới rồi. Ông có ý muốn được gặp mặt nói chuyện cho biết sức học của nhà danh sĩ ấy đối với mình hơn kém thế nào. Trong lúc đó, chợt thấy một chàng thiếu niên niên tuổi độ chừng 24, 25 cũng đương đi trên đường, ông bèn hỏi thăm:

- Tôi hỏi thăm bác: bác có biết làng ông thủ khoa Nguyễn Hàm Ninh cách đây xa hay gần không?

Người kia nhìn ông Quát có ý dò xét, rồi nói:

- Tôi biết. Nhưng bác hỏi thăm làng ông ấy để làm gì?

- Vì tôi nghe ông ấy là tay danh sĩ, muốn được gặp mặt để xem có quả thật là danh sĩ không?

Người kia lại nhìn ông Quát hỏi:

- Bác hẳn là một vị tân khoa, vào Kinh thi hội?

- Chính thế. Tôi trông bác cũng là một nhà nho sĩ, hẳn đã biết tiếng danh sĩ Bắc Hà là Cao Bá Quát, vừa đỗ á nguyên ở trường Hà Nội mới rồi?

- Mà danh sĩ ấy tức là người đương nói chuyện với tôi đây?

Ông Quát cười ha hả mà nói:

- Chính phải rồi.

Người kia cũng cười nói:

- Thế thì hay lắm. Ta cùng vào Kinh nhân thế. Bác muốn gặp ông Nguyễn Hàm Ninh, không cần tìm đến nhà nữa, cứ đi trên đường này, đi rào bước lên, rồi sẽ gặp ông ta, vì ông ta cũng vào thi Kinh.

Ông Quát bèn đi nhanh chân, mong để được gặp người muốn gặp. Nhưng đi đã khá lâu, vẫn chẳng thấy ai là Nguyễn Hàm Ninh cả, ông Quát chợt hỏi người kia:

- À, tôi quên chưa hỏi bác với thủ khoa Ninh, có là chỗ quen biết gì không?

- Sao lại không! Ông thủ khoa Ninh là thầy học tôi đấy.

- Thế à? Vậy chắc là bác có biết những thơ văn của ông thủ khoa. Bác làm ơn thủ đọc cho tôi nghe mấy bài.

- Thơ văn của thầy tôi nhiều lắm, nhưng xin thú thật, tôi chẳng nhớ được bài nào hết.

Ông Quát buồn bực:

- Lại! Học trò lại chẳng nhớ được bài thơ nào của thầy!

- Thật đấy mà! Vì tôi vô tâm. Bây giờ, trên quãng đường xa, nếu chúng ta muốn lấy thơ văn làm vui, bác nên ra đầu bài để cho tôi làm, rồi bác sửa chữa lại hộ.

Ông Quát bèn ra đầu bài thơ để người kia làm thì người kia làm rất nhanh chóng và thơ rất xuất sắc, khiến ông phải lấy làm kinh ngạc. Ông nghĩ bụng: học trò của Nguyễn Hàm Ninh mà còn như thế thì chắc ông ta là người có thực tài. Từ đó suốt dọc đường, hai người cùng làm thơ xướng họa.

Khi vào tới kinh, người bạn kia cùng ông Quát cáo biệt, hẹn chiều hôm sau ông Quát đến nhà ấy, phố ấy, sẽ có cả mình và tôn sư là Nguyễn Hàm Ninh ở đấy, vì nhà ấy là nơi ông Nguyễn Hàm Ninh vẫn ở trọ khi nào tới kinh. Chiều hôm sau, ông Quát đến chơi, té ra ông thủ khoa Ninh chính là người bạn đồng hành và cùng mình xướng họa thơ từ suốt dọc đường mấy hôm trước đó. Hai ông cũng buồn cười rũ rượi và từ đó kết nên một đôi bạn thân.

Khoa thi hội này ông Quát không đỗ, quan trường đã đánh hỏng ông về cái lỗi huê hiệp văn thư vào trường. Sự thực thì ông Quát chỉ có để quên trong tráp tờ giấy nhận thực của lý trưởng²⁹.

Song không bị hỏng về cơ ấy, ông tất cũng hỏng về cơ khác. Bởi vì “Thánh Quát” của chúng ta bấy giờ, tính tình ngông ngáo, cử động buông tuồng, đã khiến chẳng ai ưa được hết. Ông vào kinh chưa mấy bữa mà nhân sĩ ở kinh, người nào cùng ông giao thiệp, rất ít ai bằng lòng. Họ bảo nhau: “Cao Bá Quát mà đỗ đại khoa chuyến này, hắn sẽ xem người bằng nửa con mắt”. Các quan trường nghe tiếng ấy, cũng lấy làm khó chịu. Các ngài nói chuyện với nhau: “Đến có tài như ông Chu Công mà nếu kiêu căng, tài ấy cũng bằng vứt bỏ, huống chi là anh chàng họ Cao. Đã muốn kiêu, chúng ta tiếc gì mà chẳng cho hắn một bài học!”.

Quả nhiên rồi ông Quát bị hỏng.

Giã từ kinh địa trở về Bắc, ông Quát tức giận quan trường, càng nói năng những lời chẳng được từ tốn, nhân thế càng chiêu³⁰ lấy sự ghét gủa của chúng nhân. Cho nên, tuy ông đã đỗ á nguyên, vẫn chẳng được ai đề bạt để ra làm quan, rút lại, ông vẫn chỉ là nhà nho kiết như khi chưa đỗ.

Bị trượt bảng hội một kỳ, ông tuy lấy làm tức, nhưng không vì thế mà nguội chí tiến thủ. Bảng vàng mũ bạc, cái phần thưởng danh dự trên đàn văn học, ông tin rằng chỉ trong sớm muộn, tất chúng cũng phải đến với mình. Với cái văn tài của ông, ông cho rằng nếu mình không chiếm được cái danh ông bằng ông nghề, thì những kẻ khác chẳng qua là thằng xẩm vớ được miếng dôi, không có gì là xứng đáng cả. Từ đấy, ông lại vẫn trau dồi văn chương, nấu nung kinh sử, để đợi kỳ cá vượt vũ môn. Văn chương của ông mỗi ngày

càng đại tiến hơn trước. Vì nhà nghèo, ông phải kiếm chỗ dạy học để lấy lương ăn mà theo đuổi văn nghiệp.

Song sau đó trải hai khoa nữa, ông vào thi Kinh, tên Cao Bá Quát đều bị lạc ra ngoài. Thực ra thì quyển thi của ông dù có hoàn toàn, đồ được cũng đã là khó, vì ghét tính nét ông, người ta vẫn dụng tâm đánh hỏng. Huống chi cái khí cốt ngông ngáo của nhà văn sĩ họ Cao, trong khi hành văn, nó vẫn theo với ngọn bút mà tràn lan ra ở mặt giấy. Lại thêm quy tắc trường thi, ông ít khi giữ được trọn vẹn. Có lần trong quyển thi, ông viết đủ cả bốn lối chữ chân, thảo, triện, lệ, đó là một trò chơi mà trường quy không dung như thế. Vì những cố ấy nên ông lao đao mãi, quan trường rất dễ kiếm cớ để đánh hỏng, tuy họ vẫn thầm phục ông là tay văn sĩ có đại tài.

Thi càng không đỗ, ông càng tức người, giận đời, càng dùng lời nói câu văn để mắng người, chửi đời một cách cay chua. Vì thế, ông càng là cái đích để cho mọi người oán ghét; thứ nhất là các nhà đương đạo. Đời chẳng yêu ông, nhưng ông cố nhiên cũng không yêu đời được, đôi bên thành ra ly dị, đó chính là một cớ để ông gây nên việc biến ở Mỹ Lương sau này.

IV:

NHỮNG NGÀY NHÀN PHÓNG

Sau khi đã đỗ á nguyên và trước khi vào kinh lĩnh chức Hành tấu bộ Lễ, khoảng 10 năm giới, từ năm Minh Mạng thứ 13 (1832) đến năm Thiệu Trị thứ nhất (1841), đó là những ngày nhàn phóng của ông Cao Chu Thần. Những ngày ấy, tuy ông vẫn phải luyện văn đọc sách để mong chiếm lấy bằng giáp khoa, nhưng sự tập luyện không phải cần cù lắm như xưa, ông có rỗi thì giờ nhàn tản. Nhất là mấy năm về sau, thi hội trượt mãi, ông sinh phần uất và chán nản, thường đi lông bông đây đó, lấy văn chương để trêu ghẹo người thiên hạ, thành một kẻ lãng sĩ trong áng giang hồ.

Hồi đầu, ông được một ông huyện hưu trí ở trong làng Cửu Cao huyện Văn Giang³¹, đón về nhà để dạy con học. Trong làng này có tên cường hào, cậy tiền cậy thế mà lấn trên hiếp dưới, chính ông huyện cũng chẳng được coi vào đâu cả. Ông Quát lấy làm tức, để ý muốn nghĩ cách trừng trị tên cường hào ấy.

Nói đến cái nạn cường hào của dân ta hồi xưa, người đã biết rõ ai cũng phải lấy làm ghê sợ.

Dân ta xưa sợ quan như cọp. Nói đến cửa quan, nhiều người phải kinh hãi, họ coi như đó là một nơi kiếm thù đao sơn³². Cớ đó vì các quan ngày xưa thường hay đánh dân, ai hơi trái ý, quan sai lính nọc³³ cổ ra đánh mấy chục. Có người bị kiện cáo, lên hầu quan về, máu me đầm đìa cả quần áo, lê đi không được, chỉ vì vừa được ném mấy chục roi mây ở cửa huyện. Người bị đánh, nếu có tiền gửi cho lính huyện, chúng đánh nhẹ tay cho còn khá; nếu không có để chúng được chút sơ mũi, thì mỗi một đầu roi giáng xuống là một mũi gươm đâm vào cho nát thịt tan da. Không những dân, tổng lý có lỗi, cũng thường bị đánh đòn như vậy...³⁴

Cửa quan nghiêm khốc, dân đều phải lễ³⁵ mắt kính sợ, ít ai dám mon men đến, nên bọn hào mục mới dễ thi hành cái thủ đoạn lấn hiếp dè làn. Hạng cường hào này hoặc là một viên chánh lý, hay một viên chánh tổng phó tổng gì đó, đối với bề trên đã hết sức luôn cúi phụng thờ để được yên vị, tin cẩn thế là về đối với dân, chúng không còn kiêng dè ai nữa. Con cáo đã mượn được oai hùm, rồi sau chính nó cũng trở nên hùm thật. Bọn chúng hiếp đáp và bóc lột những dân lương thiện, ai hơi trái ý, chúng liền kiếm cách hoặc sẽ tìm dịp mà đánh trói người ta. Tiền công ruộng công của làng, chúng cứ việc tự do xâm thực. Mỗi vụ thuế khóa, mặc dầu chúng phù thu lạm bổ, người dân chỉ việc cầm cổ mà vâng theo. Tác giả từng nghe một viên chánh tổng ở một tổng thuộc huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông, bắt người trong làng đi qua trước cửa nhà hắn đều phải cúi đầu, vậy mà người làng cũng phải theo, như thế hắn bắt gì mà chẳng phải nghe; và chính trong tổng của tác giả, hiện giờ bia miệng còn truyền câu truyện tứ hung là Chân, Châm, Chiêu, Tán, đã từng hiếp đáp bóc lột dân trong tổng một cách khốc liệt. Bọn tứ hung ấy tức là 4 viên chánh, phó tổng Phương Canh³⁶ về khoảng đời Thành Thái (1889 - 1908) đó.

Ông Quát tức giận tên cường hào ở làng Cửu Cao, lập tâm trừ hắn. Gặp khi tên ấy xây một cái cổng gạch rất lớn, ông bèn làm một đôi câu đối, sai người học trò trá hình đến cho hắn để khắc vào cổng. Câu đối rằng:

蕩平正直看王道

Đăng bình chính trực khan vương đạo.

高大光明是我心

Cao đại quang minh thị ngã tâm.

Câu đối này có cái ý bóng ví mình như một ông vua; nhưng tên cường hào ít chữ, không hiểu được cái ý bóng ấy, đọc thấy hay hay, liền cho thợ khắc ngay lên cổng.

Sau đó ít lâu, nhà tên ấy có việc tế lễ, ông xui người bảo hắn sắm lọng vàng mà dùng cho được long trọng. Tên ấy khờ khạo, không biết lọng vàng chỉ là khí dụng của nhà vua, cũng sắm đôi lọng vàng để dùng.

Việc đến tai quan địa phương, tên cường hào ấy cổng khắc đôi câu đối nọ nhà có đôi lọng vàng kia, chứng tỏ là một kẻ có lòng tiếm nghịch³⁷, bị xử vào tội tử.

Từ ấy làng Cửu Cao thoát được cái ách của tên cường hào ấy. Nhưng cũng vì việc này mà về sau có kẻ mê tín, bảo cái kết quả của đời ông Quát, là do sự báo oán của tên cường hào này.

Sau vì thi hỏng, ông đâm chán cả nghề dạy học, đi lang thang đây đó, tìm sự khuây sầu giải muộn ở cây cỏ, núi sông. Có khi gặp hàng rượu, vào uống say mềm rồi khát khưởng³⁸ đến các trường học công, tư, đùa quan huân hay quan giáo này một bài thơ, gheo ông đồ hay ông tú kia một câu đối. Nhưng chỉ thoáng qua rồi lại đi, đi biệt, người ta muốn tìm để dò thăm tung tích xem đó là ai thì không thấy nữa. Bởi vậy vùng Bắc Ninh hồi ấy, những người hay tin huyền hoặc, cho là ông tiên Lã Đồng Tân xuống thủ học trò.

Một lần ông đi qua trong vùng huyện kia, tiền lưng đã khan, sức nhớ ông huyện là một người bạn cũ, có thể nhờ được, bèn đến trước huyện lỵ xin vào yết kiến. Nhưng tên lính hầu sau khi trở vào rồi ra nói:

- Quan tôi hiện giờ đương ngồi³⁹, xin ngài để đến một khi khác.

Thực ra thì lúc ấy ông huyện vẫn thức, chỉ vì không muốn tiếp nên sai lính ra nói vậy để chối từ. Ông Quát liền viết mấy câu thơ, đưa người lính cầm vào để trình ông huyện.

Một buổi hầu rồi một buổi ngồi,

Đâu còn nhớ chữ viễn phương lai.

Mới sang chừng ấy ngồi chừng ấy!

Sang nữa thì ngồi biết mấy đời?

Ông huyện xem thơ, liền sai lính ra mời vào, nhưng ông Quát đã đi xa rồi.

Một lần ông đi qua vùng huyện Siêu Loại, bụng đói chân mỏi, chợt thấy trong làng gần đấy có một cái đám ma, cỗ bàn khách khứa rất tấp nập, ông nhân nghĩ chơi đôi câu đối, viếng người chết không quen thuộc ấy:

Thấy xe thiên cổ xịch⁴⁰ đưa ra, không thân thích lẽ đâu khóc mướn;

Tưởng sự bách niên dừng nghĩ lại, nào can trường nên phải thương vay.

Nghĩ xong ông vào nhà đám, thấy mấy vị thân sĩ đương ngồi đánh chén ngắt ngưỡng, bèn đến tự xưng mình là học trò nghèo, qua đây, có nghĩ đôi câu đối kính viếng người mất, xin cho mượn giấy bút để chép. Mấy vị thân sĩ thấy ông chép câu đối ra rồi, đều phải khen phục và thì thầm bảo nhau:

- Xem tài điệu và cử chỉ ấy, người này tất lại là anh chàng cuồng sĩ Cao Bá Quát đây.

Họ chèo kéo mời ông ngồi chơi, năn nỉ gạn hỏi mãi ông mới chịu xưng tên họ thực. Ai nấy ân cần xin lỗi là không biết, rồi mời ông lên ngồi cùng bàn uống rượu.

Ông Quát cũng ham thú chơi cô đầu⁴¹ nữa. Nhà Nho khi có tiền, thường đến chỗ giáo phường hành lạc; cũng khi đón đào nương về nhà, cùng năm ba văn hữu, uống rượu nghe hát làm vui. Ông thường đặt câu hát cho đào nương hát. Đây tình tứ như là bài này:

佳人難再得

Giai nhân nan tái đắc⁴²

Trót yêu hoa nên dan díu với tình.

Mái tây hiên nguyệt gác chênh chênh,

Rầu rĩ bấy xuân về oanh nhớ.

風流才子多春思

Phong lưu tài tử đa xuân tứ,

腸斷蕭娘一紙書

Trường đoạn Tiêu nương nhất chỉ thư⁴³.

Nước sông Tương một dải nông chờ,

Cho kẻ đây người đây mong mỗi.

Bút rút nhẽ trăm đường nghìn nỗi,

Chữ chung tình biết nói cùng ai?

Trót vì gấn bó một hai.

Và đây những tình hoài phóng khoáng như là bài này:

世事升沉君莫問

Thế sự thăng trầm quân mạc vấn,

煙波深處有漁舟

Yên ba thâm xứ hữu ngư châu⁴⁴.

Vắt tay nằm nghỉ chuyện đầu đầu,

Đem mộng sự độ với chân thân thì cũng mệt.

惟江上之清風

Duy giang thượng chi thanh phong,

與山間之明月

Dữ sơn gian chi minh nguyệt⁴⁵.

Kho giờ chung mà vô tận của mình riêng,

Cuộc vuông tròn phỏ mặc khuôn thiêng.

Ai thành thị, kẻ vui miền lâm tảo,

Gỗ dịp lấy, đọc câu Tương tiến tửu:

君不見黃河之水天上來

“Quân bất kiến Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai.”⁴⁶

Làm chi cho mệt một đời!

Ông Nguyễn Văn Khái, một vị hiền quan thời bấy giờ, vẫn yêu tài của ông Quát lắm. Một lần nhân cưới cô hầu nguyên là một đào nương có tiếng ở tỉnh Bắc Ninh, ông Khái mời ông Quát đến uống rượu. Trên tiệc, ông Khái bảo ông Quát làm một bài hát để cho đào nương hát. Ông Quát làm ngay rằng:

北方有佳人，絕世而獨立

Bắc phương hữu giai nhân, tuyệt thế nhi độc lập⁴⁷.

Giá đã nên nhất tiểu khuynh thành,

Tiếc cho mình mà lại thương mình.

Còn chen chúc với đời chi mãi tá!

我亦思非寧作我

Ngã diệc tư phi ninh tác ngã,

人無不是佇看人

Nhân vô bất thị trữ khan nhân.

Trường thị phi trót đã qua chân,

Thôi đã biết chuyện đời là thế thế.

Thoi thắm thoát bóng dẫu đã xế,

Mới ngày nào mái tóc chấm ngang vai.

Cuộc đời thôi tiếc chi ai!

Ông Khái ngợi khen ông Quát là có cái văn tài mẫn tiệp. Nhưng một khách khác đùa nói:

- Câu hát tuy rằng đã hay, nhưng chưa được đượm màu phong vân nguyệt lộ. Trước tiệc cưới hôm nay, phải có một câu hát đầy vẻ phong vân nguyệt lộ (nhả nhót⁴⁸) mới là hay hoàn toàn.

Rồi ông Quát liền đọc :

Trước đã mắc lừa cùng cái vịt,

Sau càng thêm thẹn với non sông.

Sự dẫu có sự lạ lòng,

Ô tướng quân cùng Mao động chủ⁴⁹.

Sách có chữ âm dương đào chú...⁵⁰

Thay hóa công mà đúc lấy nhân tài.

Càng già càng dẻo càng dai.

Cử tọa liền cười vang khen là tài tình ranh mãnh. Ông Khái tặng ông ba chục quan làm tiền lộ phí. Ông đem tiền ấy uống rượu và đi hát vài hôm hết veo.

Giang hồ phiêu bạt, nay đó mai đây, đem văn chương ra để đùa cợt

với đời, ông Quát chẳng tính gì đến gia kế cả. Bấy giờ gia đình ông, đã thiên⁵¹ sang ở thành Đại La (bên ngoài thành Hà Nội) trên có mẹ già, nhưng ông Đạt phải lo phụng dưỡng; dưới có con dại, thì bà Quát phải gánh chần nuôi. Những khi lữ du chồn mỗi, trở gót về thăm, thấy cảnh nhà thanh bạch đơn hàn, bất giác cũng phải buồn thương cho đời cùng ách của con người tài tử. Bởi thế, chính hồi này, ông có làm bài phú Tài tử đa cùng. Trong bài, ông tự than về cảnh cùng ách, nhưng cũng bày giải cái khí tiết cao ngạo của mình; cái khí tiết ấy là chẳng chịu uốn mình luôn cúi người đời để mưu cầu lấy chút lợi danh, cơm áo. Ta hãy xem một đoạn trong bài phú ấy như sau:

Đói rau rừng; thấy thóc Chu mà trả, đá Thử Dương chơm chớm, xanh mắt Di⁵² nằm tốt ngáy o o

Khát nước sông, trông dòng đục không vợ, phao Vị Thủy lệnh đênh, bạc đầu Lã⁵³ ngồi câu ho khuỵ.

Trông ra nhấp nhố sóng nhân tình,

Ngoảnh lại vật vờ mây thế cố.

Ngán những kẻ tham bề khóa lợi, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực chốn hầu môn.

Biết bao tuồng mắng⁵⁴ cái gièm danh⁵⁵, áo giới lân trùn dưới cơ phu, mỗi gối quỳ mòn sân tướng phủ.

Khéo ứng thù những các quan trên,

Xin bái ngảnh cùng anh phường phố.

Khét lòng thế vị chẳng thà không,

Thơm nức phương danh nên mới khổ.

...

Xem những câu phú trên này, ta đã có thể tưởng thấy cái khí cốt cao ngạo của ông như thế nào.

V: CUNG CHÚC Ở KINH

Niên hiệu Thiệu Trị năm đầu (1841) quan tỉnh Bắc Ninh thấy Cao Bá Quát là người có tài học mà chẳng được dùng, bèn đệ mật tấu về kinh để tiến cử. Nhân thế, ông Quát được vời vào kinh, sung làm chức Hành tẩu bộ Lễ.

Bấy giờ ông Quát, tuổi cũng đã đến gần 40. Giang hồ lạc phách, lắm lúc ông cũng thấy chán cái đời mình chẳng có nghĩa gì. Mà mẹ già phơ phất mái sương, con thơ măng sữa vả đương bù trừ⁵⁶, bốn phận làm con làm cha và làm chồng, chưa có chút gì xứng đáng; đã một đôi lần, ông tự thấy thiên lương trách hỏi. Bởi vậy bây giờ, tuy được bổ vào một chức nhỏ, ông cũng chẳng nể nhận lấy, để mong gánh được đôi chút cái bốn phận ở gia đình; hơn nữa, còn mong có một sự tao ngộ may mắn sẽ đến sau này, có thể thi triển được đôi chút tài chí. Nhưng dù sao, không bao giờ vì một cơ gì, ông chịu uốn nắn cái phong cốt lãng tãng, cái tính tình phóng nhiệm. Tuy chỉ lĩnh một chức nhỏ trong bộ máy chính trị của triều đình Huế, cái triều đình rất trọng tôn ty đẳng cấp, nhưng nhìn ra chung quanh...⁵⁷ nếu có sự gì mà ý ông không hợp, đều không thể tránh khỏi ngòi văn trào hước⁵⁸ của ông.

Nhân gặp khoa thi, ông được xung vào chân sơ khảo ở trường Thừa Thiên. Trong khi chấm văn, ông thấy có một quyển văn hay mà viết phải một chữ phạm húy, chữ ấy đáng phải bớt nét (tĩnh hoạch) mà lại không bớt. Đúng phép thì quyển văn ấy dù hay đến đâu, đã viết phải một chữ phạm vào quốc húy là phải đánh bỏ, nếu phạm vào trọng húy thì lại còn phải tội là khác. Ông Quát vốn người phóng đạt, tự nhiên cho những quy luật ấy quá khắc nghiệt, và tự nhiên ông phải thương tiếc một quyển văn hay, chỉ vì một sự vô ý nhỏ mà phải bỏ đi. Nhân thế, ông nảy ra cái ý nghĩ chữa hộ người ta một chữ này. Khốn nỗi ở chốn quan trường chấm văn, không được phép có bút mực mà chỉ có bút son, làm sao mà chữa

hộ cho được? Ngừng một lát, ông lấy một mảnh giấy, hơ lên trên ngọn đèn để lấy muội khói rồi gọt sạch bút son, chấm quện vào cái muội ấy thay làm bút mực để chữa. Đoạn, ông cứ việc cho điểm vào quyển ấy để lấy như thường. Nhưng đến sau, người ta xét nhận ra sự tẩy máy này, mà thí sĩ⁵⁹ có quyển văn ấy là Phạm Gia Hạnh, ông Quát vì lỗi đó bị cách chức phải phát phối⁶⁰ vào Đà Nẵng (Tourane).⁶¹

Thời kỳ ở Đà Nẵng cũng không phải ngắn, ông nếm đủ mọi mùi tân khổ⁶². Cái buồn về thân thể, về cuộc đời, nhiều khi nó hành hạ ông, tưởng như không thể gắng gượng được. Ông giận đời và tiếc mình quá, nhiều lúc có cái cảm tưởng kiêu căng như Khuất Nguyên đời trước: Cõi đời đều mê, duy có ta tỉnh, cõi đời đều đục, duy có ta trong.

Gặp khi có sứ bộ Đào Trí Phú⁶³ sang Tân-gia-ba (Singapore) công cán, ông Quát được lệnh tha cho rời khỏi phối sở⁶⁴, theo sứ bộ đi để hiệp lực⁶⁵.

Được vậy, Chu Thần vẫn thản nhiên không lấy làm mừng rỡ. Trong khi đi sứ, một hôm Đào Trí Phú thết rượu cả sứ bộ. Chu Thần uống rượu say, ngâm hai câu thơ:

有酒令人醉

Hữu tửu lệnh nhân túy,

不知客是誰

Bất tri khách thị thù.

Nghĩa là:

Có rượu để ta say,

Chẳng biết khách là ai.

Hai câu thơ này, ông có ý tỏ ra khinh thường ông Chánh sứ, chẳng biết ông ta là người nào.

Ở Tân-gia-ba về, ông lại được phục nguyên chức, nghĩa là lại được làm Hành tẩu bộ Lễ. Vài năm sau, được thăng lên Chủ sự. Thời kỳ này, tuy ông vẫn còn là một chức nhỏ, nhưng lấy văn chương giao du với các nhà quyền yếu⁶⁶, được một số những danh công cụ khanh yêu trọng về tài học, tuy vẫn có khi người ta phải khó chịu về cái tính căn ngôn ngạo của ông.

Bấy giờ ở kinh, Tùng Thiện công Miên Thẩm⁶⁷ (tức sau là Tùng Thiện vương) có cùng với các nhà thi bá dựng ra Thi xã Mạc Vân, lấy phủ riêng của công làm hội sở của Thi xã và công⁶⁸ được bầu làm minh chủ. Những người có chân trong Thi xã, đều là những hoàng thân, quốc thích, danh công, cự khanh mà có tài thơ cả, như là Tuy Quốc công Miên Trinh⁶⁹ (sau được phong Tuy Lý vương), Tương An công Miên Bửu⁷⁰, Thọ Xuân công⁷¹, Hàm Thuận công⁷², Hoàng Hóa công⁷³ và các ông Phan Thanh Giản, Hà Tôn Quyền, Trương Đăng Quế, Nguyễn Đăng Giai, Nguyễn Văn Siêu... Thỉnh thoảng mọi người trong thi xã lại hội họp lại để cùng nhau xướng họa thơ từ. Thơ văn truyền đi, tiếng tăm của Thi xã lừng cả Bắc Nam, hầu⁷⁴ có cái giá trị như hội Tao Đàn ở dưới triều vua Lê Thành Tông vậy.

Từ sau buổi về kinh phục chức, một hôm ông Quát được người ta đưa cho xem những bài thơ xướng họa ở trong Thi xã. Ông lắc đầu bịt mũi, ngâm hai câu thơ rằng:

Ngán cho cái mũi vô duyên

Câu thơ Thi xã, con thuyền Nghệ An.

Đem cái mùi thơ của Thi xã, ví với mùi thuyền nước mắm Nghệ An, chúng ta có thể tưởng thấy các nhà thơ trong thi xã phải cảm giận thái độ kiêu ngạo của Cao Chu Thần đến thế nào. Song Tùng, Tuy⁷⁵ hai ông là những người có độ lượng và biết trọng tài. Trước đây các ngài đã từng nghe cái tài thơ văn của Chu Thần, và cũng nghe luôn cả cái tính ngông của ông này, cho nên khi được lọt tai câu ví von cay ác trên đây, hai ngài chẳng những không giận mà còn tự lún mình tìm đến để kết nạp nữa. Song hai ngài đến chơi mấy lần, ông Quát đều thác là đi vắng không chịu nghênh tiếp. Mãi sau mới có một lần Tùng Thiện công đến bắt gặp Quát đương hí hoáy làm những việc vặt trong nhà, vì nhà ông nghèo, không có tiền nuôi được tôi đòi⁷⁶. Từ đó hai ngài thỉnh thoảng lại đến chơi nhà ông trò chuyện kết thân. Thấy ông nghèo, hai ngài thường cấp giúp bạc tiền, nhiều khi lại trao tặng cho những hàng tơ lụa của hoàng đế ban cho mình nữa.

Thấy cái thái độ lễ hiền hạ sĩ⁷⁷ của Tùng, Tuy hai ngài, Chu Thần sinh lòng cảm mộ, từ đấy hai ngài đi lại thân mật và nhận lời mời gia nhập vào thi xã Mạc Vân.

Gặp thời vua Dục Tông (Tự Đức) lên trị vì, ngài là một ông vua hiếu văn, hết sức chán khởi văn phong, nên văn vận hồi ấy lại càng cực thịnh. Tùng, Tuy, Siêu, Quát bấy giờ đều nức tiếng ở kinh

là những tay văn chương cự phách. Trong làng văn mặc, người ta đã phải đặt ra một câu nói “Thần Siêu Thánh Quát” và vua Dục Tông, ngài đã có hai câu thơ này để khen ngợi bốn tay cự phách trên đàn văn thơ.

文如超适無前漢

Văn như Siêu Quát vô Tiền Hán,

詩到從綏失盛唐

Thi đáo Tùng Tuy thất Thịnh Đường.

Nghĩa là văn như của Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát thì đoạt được cả văn của đời Tiền Hán, thơ như của Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương thì lấn được cả thơ của đời Thịnh Đường. Tuy hai câu này không khỏi là quá khen, vì thơ văn của mấy nhà ấy, hễ cứ nói lấy bằng, chứ đâu đã lấn át được thơ văn Hán Đường, nhưng cứ xem đó, ta có thể biết địa vị của ông Quát ở trên đàn văn chương thời ấy thế nào.

Tấm lòng trọng tài đến quên cả mình là bậc quyền quý của hai ông Tùng, Tuy, đã khiến Chu Thần phải cảm kích vô cùng, mặc dầu ông là người có tính vẩn chẳng coi ai vào đâu hết. Một lần Chu Thần có người con ốm chết, ông đương buồn bã, chợt tiếp được Tùng Thiện công đưa đến tặng mấy thứ phẩm vật và kèm theo một bài thơ nữa. Chu Thần cảm động quá, chẳng những cảm lòng tốt của người, mà cũng cảm thương cho cái đời nghèo túng của mình, để bận người thương mà cứ thường tư cấp cho mãi, nhân làm một bài thơ luật để đáp lại Tùng Thiện công:

據梧蕭散自長歌

Cứ ngô tiêu tán tự trường ca,

瘦骨支離擁鬢華

Sấu cốt chi ly ủng mấn hoa.

老去文章知己少

Lão khứ văn chương tri kỷ thiếu,

貧來口腹累人多

Bần lai khẩu phúc lụy nhân đa.

鄉園夢阻三秋潦

Hương viên mộng trở tam thu潦,

兒女愁連薄暮鴉

Nhi nữ sầu liên bạc mộ nha.

誰道毛卿成碌碌

Thùy đạo Mao khanh thành lục lục,

平原門下更磋砣

Bình nguyên môn hạ cánh tha đà.

Hai câu cuối bài này nghĩa là:

Ai biết chàng Mao mà đến vậy,

La cà mãi dưới cửa Bình Nguyên!

Bình Nguyên quân, một vị hào quý rất hiếu khách ở đời Chiến Quốc, cũng giống như Mạnh Thường Quân; còn chàng Mao tức là Mao Toại, một thực khách của Bình Nguyên Quân, Cao Chu Thần tự than thân thế của mình cũng ở trong cảnh ngộ của chàng Mao Toại.

Ngoài sự đối với bọn Tùng Tuy hai vương những người có cái tài để ông phải phục và cái bụng để ông phải nể, thì tất cả nhân vật lớn bé ở kinh, người nào Chu Thần cũng nhìn bằng con mắt khinh thường hay cợt giễu cả.

Một lần có vị đại thần mời đến uống rượu buổi tối để làm thơ. Chu Thần đến lại không đội khăn. Và bài thơ ông làm ở trên tiệc rượu là bốn câu này:

有客請飲酒

Hữu khách thỉnh ẩm tửu,

不知客是誰

Bất tri khách thị thùy.

今夕是何夕

Kim tịch thị hà tịch,

天高明月知

Thiên cao minh nguyệt tri.

Nghĩa là:

Có khách mời uống rượu,

Chẳng biết khách người nào.

Đêm nay đêm gì nhỉ?

Trăng sáng biết trời cao.

Lời thơ tỏ ra trong con mắt ông, không coi vị đại thần ấy vào đâu cả.

Tại điện Cần Chánh thừa bầy giờ, có khắc đôi câu đối như sau:

子能承父業

Tử năng thừa phụ nghiệp,

臣可報君恩

Thần khả báo quân ân.

Nghĩa là:

Con hay nối nghiệp cha,

Tôi phải đền ơn chúa.

Chu Thần xem thấy, một hôm lấy bút đề vào câu đối ấy một dòng chữ rằng:

Tối hảo! Tối hảo! Cương thường điên đảo!

Nghĩa là rất hay rất hay nhưng cương thường đảo ngược.

Vua Dục Tông hỏi ông thế nào là cương thường đảo ngược. Chu Thần xin chữa lại đôi câu đối ấy như sau:

Quân ân thần khả báo,

Phụ nghiệp tử năng thừa.

Vẫn bấy nhiêu chữ, bấy nhiêu nghĩa nhưng ông đảo lại như trên thì chữ quân là vua đứng trên chữ thần là tôi, chữ phụ là cha đứng trên chữ tử là con, chẳng những xuôi thuận mà còn làm cho câu đối thêm vẻ cứng cáp. Vua và các quan đều phải khen phục sự chữa ấy.⁷⁸

Một hôm, vua Dục Tông chiêm bao thấy mình bật ngâm hai câu thơ, thơ là thơ chữ nho mà mỗi câu lại chen vào hai tiếng Việt. Hôm sau, vua buồn cười thuật chuyện và đọc ra cho các quan nghe. Hai câu rằng:

Viên trung oanh chuyển khê khà ngữ,

Dã ngoại đào hoa lấm tấm khai.

Nghĩa là:

Trong vườn tiếng oanh hót khê khà,

Ngoài đồng hoa đào nở lấm tấm.

Các quan đương lạ về hai câu thơ ấy, nhưng Chu Thần muốn trêu vua Dục Tông chơi, tâu ngay rằng:

- Muôn tâu: Hai câu thơ ấy không có gì lạ. Đó là hai câu tam tứ ở trong một bài thơ mà hạ thần đã có được nghe.

Vua Dục Tông hỏi toàn bài như thế nào, Chu Thần liền ứng khẩu đọc rằng:

Bảo mã tây phong huếch hoác lai,

Huênh hoang nhân tự thác đề hồi.

Viên trung oanh chuyển khê khà ngữ,

Dã ngoại đào hoa lấm tấm khai.

Xuân nhật bất văn sương lộ bộ,

Thu thiên chỉ kiến vũ bài nhài.

Khù khờ thi tứ đa nhân thức,

Khệnh khạng tương lai vấn tứ tài.

Nghĩa là:

Ngựa báu theo gió tây huých hoác lại,
Huênh hoang người tự theo về.
Trong vườn tiếng oanh hót khê khà,
Ngoài đồng hoa đào nở lấm tấm.
Ngày xuân chẳng thấy sương lộp bộp,
Trời thu chỉ những mưa bài nhài.
Khù khờ câu thơ đã nhiều người biết,
Còn khệnh khạng đem hỏi các nhà văn học.

Đó là Chu Thần bịa thêm ra sáu câu để trêu chọc vua Dục Tông chơi; nhất là hai câu cuối, cái ý xược của ông lại càng rõ lắm. Nhà vua cũng nhận biết, nhưng không lấy bằng chứng gì để trách phạt ông được, vả cũng phải khen phục cái tài biện bác của ông là kỳ.

Một lần, vua Dục Tông vời [79](#) Chu Thần vào để hỏi chứng về việc hai quan đại thần cãi nhau và đánh nhau. Ông vào lấy bút mực khai rằng:

不知意何，兩相鬭口。彼曰狗，此亦曰狗；彼此皆狗。以至鬭毆。臣見勢危，臣走。

Bất tri ý hà, lưỡng tương đấu khẩu. Bĩ viết cẩu, thử diệc viết cẩu; bĩ thử giai cẩu. Dĩ chí đấu ẩu. Thần kiến thế nguy, thần tẩu.

Chẳng hiểu vì sao, hai bên cãi cọ. Bên này rằng chó, bên kia cũng rằng chó; bên này bên kia đều chó. Rồi đến đấu võ. Thần thấy thế nguy, thần bỏ.

Một người bạn ông là tiến sĩ Nguyễn Nhạ, người tỉnh Thanh Hóa. Chẳng hiểu vì sao, hai người bất bình với nhau. Chu Thần nhân làm hai câu này để nói mánh ông Nguyễn Nhạ.

爾苟無牙何速我

Nhĩ cẩu vô nha hà tốc ngã!

吾猶有舌豈輸誰

Ngô do hữu thiệt khởi thâu thù!

Nghĩa là:

Anh nếu không nanh, chữa dễ hăm hè được với ta!

Ta còn có lưỡi, há đã chịu thua ai!

Nguyên tên ông Nguyễn Nha, ở trong chữ nha có chữ nha là nanh; còn tên của ông, trong chữ quát có chữ thiết là lưỡi. Có hiểu như thế mới thấy cái hay cái quái quắc của hai câu trên này được.

Đối với các vị đại thần trong triều. Chu Thần chẳng nề vì ai hết, và nếu có dịp, ông chỉ tìm cách để ngao xược mà chơi. Một ngày tết, Chu Thần viết đôi câu đối sau này để dán cổng:

衣錦尚絅，君子惡其文之著

Y cẩm thượng quýnh, quân tử ố kỳ văn chi trứ;

褒齊與晉，聖人不得已用權

Bao Tề dữ Tấn, thánh nhân bất đắc dĩ dụng quyền.

Hai câu này, kể về nghĩa đen thì nó là:

Mặc áo gấm mà dùng áo đơn phủ ngoài, đó là người quân tử ghét cái màu vẻ lòe loẹt. (Chữ trong sách Trung dung)

Khen nước Tề và ngợi nước Tấn, ấy là đáng thánh nhân bất đắc dĩ mà phải dùng cách quyền biến (Lấy nghĩa trong việc Khổng Tử chép kinh Xuân Thu).

Song độc giả nên chú ý ở cuối câu trên có chữ trứ; cuối câu dưới có chữ quyền, đó là Chu Thần định ngao xược chơi đối với hai vị đại thần ở trong triều hội bấy giờ là Hà Tôn Quyền và Nguyễn Công Trứ. Theo cái nghĩa bóng dùng để ngao xược của ông thì hai câu đối này nghĩa là:

Người quân tử không thể nào ưa được anh Trứ.

Đáng thánh nhân bất đắc dĩ mới dùng đến hạng anh Quyền.

Ông Nguyễn Công Trứ năm 70 tuổi về hưu, có làm một bài thơ lưu giản đưa cho các quan. Bài thơ rằng:

日對兒曹自解頤

Nhật đối nhi tào tự giải di,

今吾不似故吾時

Kim ngô bất tự cố ngô thì.

隨機傀儡供人笑

Tùy cơ khôi lỗi cung nhân tiếu,

逐驥年花屆古希

Trục ký niên hoa giới cổ hy.

老識不堪粧面目

Lão thức bất kham trang diện mục,

英華安用染鬚髭

Anh hoa an dụng nhiễm tu tỳ.

自憐毫末渾無狀

Tự liên hào mạt hồn vô trạng,

笑殺鴻山有是非

Tiểu sát Hồng sơn hữu thị phi.

Dịch nghĩa:

Ngày đối đàn con những mỉm cười,

Xưa, nay ta đã hóa hai người.

Tráo trăng trái lúc ra trò đối,

Lần thẩn này khi nặng tuổi già.

Mặt mắt khôn tô màu nắng sớm,

Râu ria chẳng nhuộm vẻ sương mai.

Mấy may nào chút nên công trạng!

Để thẹn non Hồng80 biết mấy mươi.

Bài thơ này, các danh công cự khanh ở kinh bấy giờ nhiều người họa lại để tiễn chân ông Nguyễn Công Trứ về hưu. Chu Thần cũng

có bài họa nhưng bài họa của ông có gửi ở trong đó cái ý mỉa
ma chế giễu:

羣山南望獨支頤

Quần sơn nam vọng độc chi di,

遙想先生未老時

Dao tưởng tiên sinh vị lão thì.

自古英雄無大異

Tự cổ anh hùng vô đại dị,

如今齒德見應希

Như kim xỉ đức kiến ưng hy.

嘗加世味終須酒

Thường gia thế vị chung tu tửu,

禁斷霜花不上髭

Cấm đoạn sương hoa bất thượng tỳ.

聞道鴻峯欲回首

Văn đạo Hồng phong dục hồi thủ,

豈應六十九年非

Khởi ưng lục thập cửu niên phi.

Dịch nghĩa:

Non nam một dải ngó xa xa,

Nhớ lại tiên sinh lúc chưa già.

Tự cổ anh hùng thường thế cả,

Bằng nay tuổi tác mấy ai mà.

Mùi đời nếm lắm cần pha rượu,

Râu mép phun nhiều cấm nhuộm hoa.

Nghe nói non Hồng quay cổ lại,

Lẽ nào nhâm cả những năm qua.

Ấy ta xem những cái cử động trên này của Cao Chu Thần, ta đủ biết ông ở kinh đô bấy giờ, khó lòng có được nhiều người thân mến. Người ta không thể thân mến để nhận lấy ở ông đáp lại những cái châm chọc cay độc do ở những tính tình đặc dị mà ra. Người yêu ông như được Tùng, Tuy rất ít, mà người ghét ông, muốn đẩy ông sa vào lưới phép, hoặc là phải rời khỏi kinh địa thì nhiều. Ông là cái đích để người ta nhìn thấy ở đấy những bài thơ hùng hồn hay những câu văn châm biếm, cùng là cái đích để người ta đổ vào tất cả những sự căm thù, sự ghét gủa, bảo là một kẻ kiêu căng, cuồng đẳng.

Rồi chẳng bao lâu, quả nhiên ông phải rời khỏi kinh địa thật: năm Tự Đức thứ bảy (1854), Cao Chu Thần phải thiên ra làm Giáo thụ Quốc Oai.

VI: GIÁO THỤ Ở QUỐC OAI

Chu Thần khi ấy tuổi đã khá cao. Phải thiệp ra làm giáo chúc ở một hạt hẻo lánh tại xứ Bắc kỳ, ông tự thấy buồn nản vô cùng. Thế là con đường trước mặt của ông, từ đây eo hẹp khó khăn, mong gì đến chỗ mà ông ước muốn!

Chu Thần sinh ra, chỉ để mà nhận thấy ở mình một cái thiên tài trác việt. Cái thiên tài ấy, ông đã tự nhận thấy nó trác việt ở mặt văn chương, mà ông tin rằng, nó còn có thể trác việt cả ở mặt chính trị...⁸¹ Về mặt văn chương, ông đã thấy cái thiên tài ấy, nó được phát triển một cách tận lượng rồi, nó đã đủ làm cho người đời phải kính phục rồi. Nhưng còn về mặt chính trị, ông vẫn thấy luôn là phải cần tìm lấy đất để được làm một cuộc thí nghiệm. Trong mình chứa một thứ hạt giống, tin rằng nếu có đất gieo ra, nó sẽ khai hoa kết quả một cách rực rỡ, hơn hẳn các thứ cây khoe khu xờ xạc của những kẻ khác. Vậy mà không kiếm được một tác đất để gieo thử, thì bức bối biết đến ngần nào.

Nhưng thực ra, chúng ta nay cũng chưa thể bằng vào đâu để tin được rằng: Nếu Chu Thần đắc thời đắc vị, thì tài chính trị của ông, cũng tất sẽ hơn người như tài văn chương.

Từ khi vào kinh cung chúc, Chu Thần chỉ được quanh quẩn ở bộ Lễ, từ chúc Hành tẩu thăng lên đến Chủ sự, chẳng qua vẫn chỉ là một thuộc viên trong cái bộ coi về giáo dục và lễ nghi. Cố nhiên về mặt chính trị, ông chưa từng được thi triển một chút gì. Hằng ngày, thấy những việc kinh quốc của các đại viên trong triều đình, ông thường dè bủ chê bai; có cái hùng khái là nếu mình được dùng, mình sẽ làm cho nước này được trở nên một nước thái hòa thịnh trị. Bấy nay, ông chưa bao giờ vừa lòng với chức vụ mà ông hiện nhiệm. Ông chỉ nghĩ đó là một cái bậc để sẽ bước lên một địa vị trọng yếu trong bộ máy chính trị sau này. Người quân tử làm

quan là để hành cái đạo của mình. Nhưng ông đã có bao giờ ở vào một địa vị hành đạo được đâu, mặc dầu cái đạo ông ôm ấp trong lòng, nếu được hành ra, sẽ hay dở thế nào, chúng ta chưa biết. Nhiều lúc một mình bạo bực, ông tự thương cho cái tài chí của mình không có chỗ đem dùng ra được; từng mượn lời Khổng Phu Tử để than thở: “Mạc ngã tri dã phù! Mạc ngã tri dã phù!”⁸²

Song giá cứ được còn cung chúc ở kinh thì cái hy vọng lớn lao, ông còn tưởng sẽ có ngày đạt tới. Nhưng nay hoạn trường ở kinh đô, đã không dung cho ông ấy ngồi lại đó nữa. Ông đã bị cái xã hội quan liêu, hơn nữa, cả cái xã hội văn học ở đó ghét gủa. Họ muốn ruồng đuổi ông đi để họ nhỏ được một cái đỉnh trước mắt. Bởi thế nên ông phải có sự xê dịch; xê dịch đi đâu? Đi lĩnh chức Giáo thụ ở phủ Quốc Oai, một hạt gần về sơn cước, có những hạng học trò nửa người nửa ngợm nửa đuôi uơi. Bị thiên tới đây, ông có cái cảm tưởng mình bị ruồng bỏ bị phóng trục như Khuất Nguyên thừa xưa, những chí nguyện hoài bão trong lòng, phút tàn lạnh đi như giấc mộng. Ông cũng phần uất, cũng căm người giận đời như Khuất Nguyên xưa vậy. Nhưng Khuất Nguyên xưa phần uất, để rồi đi đến bờ sông Mịch⁸³. Còn Cao Chu Thần phần uất thì đi đến bờ sông Hát (thuộc phủ Quốc Oai)...⁸⁴

Quốc Oai là một phủ thuộc tỉnh Sơn Tây, kiêm lý huyện Yên Sơn, cái huyện có những rừng núi chen lẫn với đồng bằng, đường văn học chưa có gì là thịnh vượng. Dân đó phần nhiều nghèo kiệt, càng là một cơ cho văn học phải chậm phát đạt. Học trò lơ thơ chẳng có mấy, mà phần nhiều khiêu học chậm chạp, bộ mặt lù đù. Chu Thần ở đây, hằng ngày ngoài những thì giờ ở nhà học, ông lại chỉ ngồi rú ở trong tư thất, ôm mối phần uất về cái tiền đồ của sự nghiệp công danh. Những văn thần trong hạt, Chu Thần chẳng thiết giao du với một ai. Ông cho rằng đến ở kinh đô, còn chẳng để cho ông tìm được bạn văn, huống chi là ở một hạt hẻo lánh này.

Hằng xem vài đôi câu đối ông viết dán ở trong phủ ấy:

Mô phạm dăm ba thằng mặt trắng,

Đỉnh chung chiếc rưỡi cái lương vàng.⁸⁵

(dán ở trường học)

Nhà trống ba gian, một thầy, một cô, một chó cái,

Học trò dăm đứa, nửa người, nửa ngợm, nửa đuôi uơi.

(dán ở riêng nhà)

Nỗi lòng buồn bực bất đắc chí của ông, đã tỏ ra ở những câu đối trên này.

Bấy giờ ông Nguyễn Bá Nghi⁸⁶ làm Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên. Ông Nguyễn là người hiếu văn, thường triệu tập các học trò họp lại làm bài và bình văn tại tỉnh lỵ, lại sức các trường phủ huyện gần tỉnh, hằng tháng có bài văn nào hay của những học trò xuất sắc thì gửi lên tỉnh để hội bình. Song ông Cao Chu Thần khinh khỉnh, không thèm nhìn nhỡ đến cuộc bình văn của quan Tổng đốc Nguyễn Bá Nghi. Mỗi khi trường phủ Quốc Oai có bài thơ bài văn nào hay, Chu Thần lại dẫn học trò lên chơi Sài Sơn để cùng bình với nhau. Có ai hỏi sao lại lên tận đỉnh núi bình văn thì Chu Thần nói:

“Lên núi bình văn để cho khỉ nghe chứ ở dưới đất thì cho ai nghe!”

Câu nói ấy đến tai quan Tổng đốc Tam Tuyên. Biết là câu nói xỏ xiên mình, ông Nghi tức lắm, nhân lại tránh nhỡ đến một mối hiểm cù.

Nguyên ông Nguyễn Bá Nghi từ hồi còn lĩnh chức ở Kinh, đã bị Chu Thần chơi một miếng cay lắm.

Hồi ấy, ông Nghi trong việc chức vụ, có phạm một điều nhầm lỗi gì, nhờ được quan Thượng thư bộ Lại làm ngơ đi cho, ông cảm ơn, tìm đến nhà riêng quan Thượng để tạ.

Chu Thần bấy giờ làm chức Hành tẩu ở bộ Lễ, một chức quan rất nhỏ. Nhưng vì có thi tài, nên thỉnh thoảng thường được các vị đại thần mời đến uống rượu làm thơ.

Khi ông Nghi đến tạ ơn quan Thượng thư bộ Lại, giữa lúc quan Thượng thư đương ngồi đối ẩm với Chu Thần. Ông Nghi phục xuống lạy quan Thượng thư hai lạy để tạ ơn; vì thừa xưa, quan dưới vào yết quan trên, cái lạy như thế là thường lắm. Chu Thần lúc ấy, đáng nhẽ nên đứng dậy mới phải. Nhưng ông chẳng những không đứng, vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng uống rượu, mà đến khi ông Nghi lạy xong, ông còn nhìn mặt ông Nghi mà nói đồng:

- À! Nguyễn Bá Nghi! Tôi biết. Chẳng biết về đường chính trị của ông ta thế nào, chứ về văn chương thì dốt lắm.

Ông Nghi tái mặt, khí tức đầy lên đến tận cổ, không nói được lời nào.

Đến nay, ông đã làm nên đến Tổng đốc Tam Tuyên, mà chàng thi

sĩ nông xược ấy chỉ mới là một chức Giáo thụ ở dưới thuộc hạt của ông, vậy mà còn vẫn tỏ ra cái thái độ khinh ông ra mặt, ông tự thấy trong lòng bức bối không thể chịu nổi.

Song, ông Nghi dù có cái ý muốn trả thù ông Quát, mà rồi lại nghĩ cũng khó có cách gì trả được. Nhất là sợ ông Quát có cái văn tài lỗi lạc, có tiếng tăm ở trong văn giới, nếu trêu đến lão, lão đem cái sở trường mà đánh mình những chỗ sở đoản, chẳng khéo khiến mình thương tổn mất uy danh. Chi bằng hăng giả điếc làm ngơ để chờ một cơ hội tốt. Sau đó không lâu, ông Nghi quả đã được một cơ hội để rửa hờn cũ: Ông Quát tự đi vào con đường gian hiểm và bị làm một kẻ tù lỗi ở dưới viên môn của ông Nghi.

VII: VIỆC MỸ LƯƠNG ĐI ĐẾN CÁI VÀ DIỆT TỘC

Xưa nay bình luận về Cao Bá Quát, có nhiều người thiên vị lắm, họ thiên vị bởi tâm lòng yêu mến văn chương. Những người ấy, họ không phải hoàng phái triều Nguyễn, việc loạn Mỹ Lương, không hề đem lại một nguy tượng cho quyền lợi của họ chút nào; họ lại sinh không đồng thời với Cao, những nét ngông ngạo của Cao, họ chỉ thấy là câu chuyện thú, không thấy tức bực khó chịu như những người đồng thời chút nào. Do đó, họ chỉ biết được thừa hưởng cái di sản tốt đẹp của Cao để lại là văn chương, sinh mỗi lòng yêu mến Cao, rồi vì lòng yêu ấy mà phát ra những lời luận bình thiên vị. Như là có người chối rằng: việc Chu Thần dấy loạn là việc không có, chẳng qua bị người ta ghét gủ vu hãm mà phải tội đó thôi. Lại như có người nhận việc dấy loạn là có thật, nhưng lại đem tăng bốc lên, họ bảo Chu Thần có tư tưởng cách mạng, và gọi việc loạn ở Mỹ Lương là việc khởi nghĩa, cốt để làm tôn giá trị của Chu Thần. Những người ấy, nếu quả vì lòng yêu văn chương của họ Cao, mà cố ý che đậy hoặc tô điểm làm cho sai sự thực đi, thì họ chính là những người phạm tội với lịch sử.

Nên biết Cao Chu Thần dù sao cũng đã là người trong lịch sử. Sinh những năm sau, chúng ta muốn tìm lấy sự thực đã qua những năm về trước của cái xã hội cái quốc gia mà ta hiện sống. Tìm lấy sự thực, đó là cái khẩu hiệu duy nhất của chúng ta trong khi nghiên cứu lịch sử, chúng ta không bằng lòng cho những ngòi bút bị sai khiến bởi lòng yêu, ghét, làm cho sai một sự thực nào.

Yêu văn chương của Chu Thần ư? Một thứ văn chương đủ cả màu hoa lệ, màu tiêu sắt⁸⁷ và màu hùng tráng của Chu Thần, bảo rằng ai mà không phải yêu! Nhưng văn chương đáng yêu thì ta cứ yêu, còn những cái gì nếu không yêu được ở Chu Thần, ta nên cứ giữ

thắng ngay mà bình luận. Như thế mới phải là thái độ của ta đối trước lịch sử. Ta không vì yêu mà chối rằng: Việc nhà họ Cao nổi cuộc phản kháng triều đình là việc không có; cũng không vì yêu mà gọi việc ấy là việc khởi nghĩa, vì gọi như thế, ít ra ta cũng là kẻ vô học, không hiểu nghĩa chân chính của hai chữ khởi nghĩa thế nào.

Theo sự xét nhận của tôi bằng những tài liệu, chứng cứ còn lại, thì việc biến Mỹ Lương là việc có thật; mà việc ấy chỉ là cái việc cuồng vọng của nhà văn sĩ họ Cao bất đắc chí, chứ chẳng phải là việc do một cái tư tưởng cách mạng sáng suốt đã sản sinh ra.

Cao Chu Thần là người có một thiên tài, điều đó, không ai còn chối cãi nữa rồi. Cái thiên tài ấy, đã biểu lộ ở phương diện văn chương, để lại cho văn học giới của chúng ta ngày nay một tập thi ca vừa Hán văn vừa Việt văn, nhất là hán văn, ta phải nhận là một áng văn kiệt xuất. Song con người có thiên tài ấy, lại phải cái bệnh là không thềm nghĩ gì đến đường kiếm thức. Ông không chịu khắc chế tính tình, để cái kiêu ngạo là một tính xấu ở trong người nó được nảy nở tự do, lấn át cả những đức tính khác. Cái tính kiêu ngạo ấy dựa vào với cái thiên tài mà mặc sức rông rở, kết quả là làm cho hầu hết người trong xã hội, ai gần ông cũng không chịu nổi, phải sinh lòng ghét gủa, muốn xa.

Chúng ta đừng nên chê cười những người đồng thời với Chu Thần, bảo họ là những người độ lượng chật hẹp, không biết trọng tài. Chúng ta hãy thử tưởng tượng giá mình ở vào địa vị của những người đồng thời ấy xem. Ai mà chịu được khi thấy Chu Thần lắc đầu bịt mũi để chê văn của mình! Ai mà chịu được khi nghe Chu Thần nói bình văn với dưới đất biết cho ai nghe, phải lên núi bình văn với khỉ! Cùng là biết bao những cái ngôn ngữ cử động kiêu căng khác! Khổng Phu Tử có nói: Có tài như Chu Công mà kiêu thì tài ấy cũng đến bằng bỏ. Vương Dương Minh có nói: Trăm nghìn tội ác đều từ một chữ ngạo sinh ra. Kiêu ngạo quả là một ác đức của người đời. Văn hay rằng xưa nay nghệ sĩ, mấy ai có được những đức hạnh hoàn toàn, vì nghệ sĩ phải đâu là một nhà đạo đức? Một nhà hiền triết? Song người ta chỉ có thể khoan dung và chịu đựng được nghệ sĩ khi nào nghệ sĩ thiếu những bản vụ đối với tự thân, chẳng hạn như thân thể hàng tháng không buồn tắm, quần áo hàng tuần không buồn thay, hay là be bét rượu chè, có khi quá chén đến nôn ra giữa chỗ đông người, như Thái Bạch họ Lý và Tản Đà họ Nguyễn⁸⁸. Nhưng còn cái bản vụ đối với người khác, người mà thiếu thốn thì đi ra ngoài đời, ít ai có thể chịu đựng được, dù người ấy là một nghệ sĩ. Thứ nhất là lại thiếu cái đức khiêm cung, cái đức mà ai cũng cần có để dùng trong trường giao

tế, thì ôi thôi, còn ai có thể chịu đựng được người ấy bao giờ? Cho nên, chúng ta sinh sau, không phải khó chịu về cái tính kiêu ngạo của nhà văn sĩ họ Cao, chúng ta cũng nên suy lượng cho những người đồng thời, người ta ghét gủ và chèn chế họ Cao, tưởng cũng chẳng có gì lạ.

Cao quả thực là người có tài, tiếc vì ông thả rông cái tính kiêu căng, coi suốt đời không ai bằng mình hết. Nhân thế, tự nhiên ông bị đời ghét gủ, nên trên đường đời, ông gặp toàn những bất như ý. Với cái tài của ông, ông cho rằng nếu đời mà công bằng ra thì mình, khoa tất phải đỗ đến Thám bảng⁸⁹, hoạn tất phải làm đến Tế phụ⁹⁰. Ông nghĩ như thế, thực ra cũng không là quá đáng gì lắm. Song đời vì không ưa cái tính tình kiêu ngạo của ông, nên họ đã hết sức chèn chế, làm cho ông từ khoa đến hoạn, đều bị tởa chiết, không thể nào đạt được ý nguyện. Kết quả ngày nay đầu ông đã điểm hai thứ tóc, mà đường sĩ hoạn, ông còn lụi ở một chúc giáo thụ quèn. Bình sinh đọc sách thánh hiền, ông thấy như mình đã lượm lặt được một cái tài chính trị khá cao, vì ông lúc ấy, vẫn chỉ là một nhà nho học hoàn toàn. Cái tài chính trị ấy, ông vẫn mong được thi triển ra ở một ngày kia đắc thời đắc vị. Song cái ngày kia ấy, đến nay ông thấy là không bao giờ đến. Ông ôm mối phần uất, nhìn triều đình Huế cho đến tất cả những quan lại trong triều ngoài quận bằng đôi mắt căm thù...⁹¹

Bỗng một hôm ngồi nhàn đọc sách, tình cờ đưa mắt đến chỗ: “Ông Thang đuổi vua Kiệt ở đất Sào Nam, ông Võ Vương đánh vua Trụ ở đất Mỵ Dã”. Trong lòng bất giác có xúc cảm, ông đặt sách xuống, vỗ về mà nói rằng:

“Đời gặp hôn quân ám chúa, làm sao ta lại không có gan làm những sự nghiệp Võ Thang! Ta phải làm! Ta phải đứng lên! Được làm vua, thua làm giặc, chứ khư khư giữ lấy cái chúc giáo thụ làm gì!”

Thế là từ đấy, Chu Thần ngày đêm mơ tưởng cái sự nghiệp Thang Võ, tuy rằng vì vua ngự trị bấy giờ, chẳng phải đâu như là Kiệt Trụ.

Dạo ấy ở Bắc kỳ, các tỉnh Tuyên, Cao, Thái, Lạng, thỉnh thoảng thường có giặc giã nổi lên quấy nhiễu. Trong đó có những đám suy tôn một người tự xưng là con cháu nhà Lê, để cho dễ hiệu triệu lòng dân. Bởi sau mấy mươi năm nhà Lê mất nước, dân Bắc bấy giờ cũng hãy còn có người tưởng nhớ nhà Lê. Mà chẳng đâu xa, chính ở hạt Sơn Tây, lúc đó cũng có một đám rục rịch khởi sự, định phò Lê Duy Cự một người cũng xưng là con cháu nhà Lê

đứng làm thủ lĩnh.

Giữa lúc Chu Thần đương mang một cái chí chọc giời khuấy nước, thì nghe mong manh thấy việc của bọn Lê Duy Cự. Ông cho là một cơ hội tốt lòng giời đưa đến. Nghĩ bọn ấy, chẳng qua thừa dịp nhiễu nhiễu nổi lên, vị tất đã có chí khí lớn; mà Lê Duy Cự kia, chưa hẳn đã là con cháu nhà Lê thật; vả trong bọn, chắc đâu đã có tay học vấn để làm lãnh đạo, thế thì dù quả có chí lớn cũng vị tất đã làm nên thân. Nay nếu có mình tham dự vào, lấy cái danh sẵn có của mình, lập tức làm cho bọn họ được nổi to thanh thế. Mình sẽ đóng vai Gia Cát, chỉ dẫn cho họ về quân sự và về chính trị. Thanh thế đã mạnh thì với các đảng loạn ở mấy tỉnh kia, mình sẽ có thể chiêu dụ về một cánh với mình được cả. Khi thế lực đã tràn lan ở khắp mấy tỉnh, quan quân nhà Nguyễn, chắc không thể đánh dẹp nổi nữa, đất Bắc kỳ này, khó gì mà chẳng sẽ nằm được vào trong tay ta. Định được Bắc kỳ, ta sẽ dưỡng uy sức nhuệ⁹² trong ít lâu, rồi ruổi dài vào Trung, Nam, để...⁹³ họ sáng mắt nhận thấy cái tài phi thường của Chu Thần này cả về thánh văn lẫn thần võ. Khi đại công đã cáo thành, nếu mệnh giời ở họ Lê kia, thì ta ít nhất cũng là một đại thần đương quốc, ta sẽ đem cái học trị bình ra để kinh doanh việc thiên hạ; nếu mệnh giời về ta, lúc đó tự nhiên ta cũng chẳng trái được mệnh giời. Vậy một cơ hội tốt, ta không nên bỏ qua. Ta phải bỏ chỗ tối, tìm ra chỗ sáng. Bỏ một chức Giáo thụ quèn này để gia nhập với bọn Lê Duy Cự kia, biết đâu chẳng phải để ta sẽ làm nên một vị Thái Tổ sáng nghiệp của họ Cao ở làng Phú Thị⁹⁴, biết đâu chẳng phải để tìm đường mở cho lịch sử Việt Nam một thời kỳ tốt đẹp của nền vương đạo.

Chu Thần chí đã quyết định, thế rồi một hôm trường phủ học Quốc Oai bỗng thấy mất quan Giáo thụ, người ta đều ngạc nhiên không hiểu là quan Giáo thụ họ Cao đi đâu. Nhưng cách đó không lâu thì có phong thanh ở Bắc Ninh là Giáo thụ Quốc Oai Cao Bá Quát lén về tỉnh nhà để hoạt động một cuộc mưu loạn.

Năm Tự Đức thứ 7 (1854), mùa thu tháng 8, quan Hộ đốc Bắc Ninh là Nguyễn Quốc Hoan⁹⁵ được tin cáo giác là Cao Bá Quát đương ngầm ngầm hoạt động trong hạt Bắc Ninh, rủ người vào đảng để định nổi loạn, ước kỳ cùng kéo đến đánh úp lấy thành Hà Nội. Quốc Hoan dò bắt mấy người, tra hỏi thì quả có sự thực, bèn lập tức chuyển tấu về kinh. Vua Dục Tông (Tự Đức) liền truyền chỉ ra cho Nguyễn Quốc Hoan và Tổng đốc Hà Ninh (Hà Nội, Ninh Bình) là Lâm Duy Thiếp phải hết sức thám nã, kỳ cho bắt được tất cả đảng loạn; người nào tố giác đều thưởng cho tiền bạc.

Thế là ở Hà Nội, Bắc Ninh cho đến Sơn Tây, đều có những cuộc bắt

bớ. Những người bị bắt có người đứng, nhưng phần nhiều người bị bắt oan. Quan lại mấy tỉnh đều chuyên chú vào việc bắt Cao Bá Quát, nhưng họ Cao trốn tránh mau lẹ, không tài nào bắt được.

Từ khi bỏ chức, Cao tìm đến giao thiệp với Lê Duy Cự và đầu mục đảng kín là bọn Nguyễn Kim Thanh, cùng đồ tính việc khởi sự. Cao lại rủ thêm được mấy người hào mục trong vùng vào đảng là Đinh Công Mỹ, Bạch Công Trân... Ở Sơn Tây dần xếp tam yên. Cao dẫn bọn Nguyễn Kim Thanh phái người xuống các huyện thuộc tỉnh Hà Nội chiêu mộ đồ đảng còn mình thì lên về Bắc Ninh hoạt động, định quân ba tỉnh cùng nổi lên một ngày rồi kéo ập về đánh lấy thành Hà Nội để làm căn bản và trương thanh thế. Lấy được Hà Nội là nơi trung khu của đất Bắc, bấy giờ mới phân binh đi đánh lấy các tỉnh, sự thành công chắc sẽ dễ dàng.

Về Bắc Ninh, Cao kiếm được Nguyễn Khắc Quyết, một người hào mục, đã giàu có lại nhiều thủ hạ, cũng nhiệt tâm theo với chí hướng của mình, bèn ủy cho Khắc Quyết đứng làm lãnh tụ cho việc quân ở tỉnh Bắc.

Không may rồi công việc mong manh tiết lộ, đảng khỏa có ít nhiều người bị bắt, nhất là Cao càng bị truy nã riết lắm. Cao vội từ Bắc Ninh lên sang Sơn Tây, cùng với các đồng chí hội hợp, bàn sự mau gấp khởi sự. Thế là mùa đông tháng Mười, cuộc loạn bắt đầu phát tác ở hạt huyện Mỹ Lương.

Mỹ Lương là một huyện thuộc về miền núi tỉnh Sơn Tây, nhiều chỗ hiểm tuấn dễ cho việc dụng võ. Cuộc nổi loạn lên, Lê Duy Cự được mọi người suy tôn lên làm Minh chủ⁹⁶. Cao Bá Quát được tôn làm Quốc sư, Nguyễn Kim Thanh làm chức Binh bộ Thượng thư, còn Đinh Công Mỹ, Bạch Công Trân, Nguyễn Văn Thực và các người đầu mục khác, đều mỗi người xưng một chức vị.

Tờ hịch truyền đi các nơi do Cao thảo ra, trong đó kể những chính sự đổ nát của vua quan bấy giờ và nhắc lại những ân sâu đức cả của Hoàng Lê ba trăm năm, nay cần phải trừ kẻ hôn bạo để dựng lại cơ nghiệp Hoàng Lê thừa trước, để cứu vớt sinh dân khỏi vùng nước lửa. Lời văn lâm ly khích thiết, khiến người xem dễ phải cảm động.

Trên lá cờ đầu may bằng vóc vàng, đề haidòng chữ:

平陽蒲坂無堯舜

Bình Dương Bồ Bản vô Nghiêu Thuấn

Mục Dã Minh Điều hữu Võ Thang.

Nghĩa là ở Bình Dương và ở Bồ Bản⁹⁷ không có những bậc vua hiền như Nghiêu, Thuấn, thì ở Mục Dã ở Minh Điều⁹⁸ phải có những tay cách mệnh như Võ Thang.

Quân sĩ dưới cờ tập hợp lại có tới hàng nghìn; khí giới là những thứ giáo mác côn kiếm, cũng có súng nhưng mà ít lắm. Từ hạt Mỹ Lương kéo tràn đi đánh phá các huyện.

Trước đây vào khoảng tháng Năm, ở hai tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh có nạn châu chấu phá hại mùa màng rất dữ. Những châu chấu này hình như tự bên Tàu bay sang, có con thì đầu đỏ mình đen, có con thì đầu đen mình đỏ. Chúng bay từng đoàn ở trong không, che rợp cả giới, không biết ức triệu nào mà kể. Chúng cắn phá lá tre lá mía và mạ lúa ngô đậu, đổ xuống cánh đồng nào là cánh đồng ấy phải xơ xác tan tành. Quan dân hết sức tìm cách bài trừ, treo thưởng hễ ai giết được châu chấu đựng được đầy một cái hộc, sẽ thưởng cho tám tiền quý⁹⁹, song tai nạn vẫn không giảm đi được mấy, mùa màng rất là thiệt hại. Những người hay tin tưởng triệu, bảo đó là điềm báo trước nạn binh đao. Chợt khi việc loạn ở Sơn Tây xảy ra, và đồng thời đảng vũ của Cao Bá Quát cũng nổi lên ở Bắc Ninh, nhiều người cho là ứng nghiệm, nhân thế họ gọi đảng loạn ấy là Giặc Châu chấu.

Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên là Nguyễn Bá Nghi tiếp được tin cảnh báo, lập tức một mặt tâu về triều đình xin cho thêm binh đến để phòng sai phái. Triều đình truyền lấy 500 quân ở Thanh Hóa đưa đến Sơn Tây.

Đảng loạn ở Mỹ Lương chia ra làm hai chi để đi đánh phá các nơi, một chi tràn xuống phía đông và một chi đi sang phía bắc. Chi đi sang phía bắc bị quân Nguyễn Bá Nghi đánh phá thua vỡ, phải qua sông chạy trốn sang hạt Vĩnh Tường, kéo đến đánh huyện Tam Dương¹⁰⁰ và đốt cháy huyện thành. Còn chi tràn xuống phía đông thì qua huyện Yên Sơn, ruổi dài xuống các hạt Ứng, Hòa, Thanh Oai ở tỉnh Hà Nội, phủ thành Ứng Hòa và huyện thành Thanh Oai cùng bị phóng hỏa đốt cháy. Các hạt trong hai tỉnh này, quan dân đều xao động nhốn nhác.

Triều đình ngoài việc khiến tướng điều binh đi đánh dẹp, lại treo giải thưởng để bắt Cao Bá Quát. Ai bắt sống được Cao đem nộp, sẽ thưởng 500 lạng bạc; giết chết được thưởng cho 300, và còn

thưởng cho quan chức nữa.

Vì quân triều đình đánh gấp rút nên thế lực đảng Cao dần dần suy nhược, tan rã, khó lòng thu thập được. Cao để ý trông mong thế lực viện trợ của đảng mình ở tỉnh Bắc Ninh do Nguyễn Khắc Quyết đứng làm thủ lĩnh. Thì vừa khi ấy, Nguyễn Khắc Quyết cũng từ Bắc Ninh, đem hơn một nghìn đồ đảng sang Rừng Ngang ở hạt Sơn Tây để tìm kết hợp lại với Cao. Nhưng trong khi hai quân chưa liên hợp được với nhau, Phó lãnh binh Sơn Tây Nguyễn Ngao đem quân đón đánh, bắt sống được Quyết, thế là những đồ đảng cũng tan vỡ hết.

Cao trở về Mỹ Lương thu thập những lực lượng hãy còn sót lại, đem đến tiếp viện cho cánh quân đóng ở Yên Sơn đương phải chống nhau với Lê Thuận Đại cũng là Phó lãnh binh Sơn Tây. Nhưng sau một trận kịch chiến của hai quân, loạn đảng thua to, bị giết chết hơn một trăm người, bị bắt sống hơn tám mươi người. Cao và Nguyễn Kim Thanh, Nguyễn Văn Thục đều ở trong số người bị bắt sống ấy¹⁰¹.

Dư đảng vỡ chạy, kéo đến huyện Chương Đức, ập vào đánh phá huyện thành và đốt cháy; tri huyện là Đặng Tư Chiến phải bỏ huyện chạy trốn.

Bấy giờ những tay lãnh tụ của đảng loạn, người đã bị bắt, người đã bị giết, hoặc còn người nào thì thấy thế nguy đã tìm đường lánh trốn, thành ra đảng loạn như con rắn không đầu. Nhân thế sau đó, dư đảng chỉ hoành hành được trong ít bữa, rồi bị quân triều lần lần đánh tan hết cả.

Nhất là đến khi người ta đem đầu Cao Bá Quát đi bêu ở khắp mấy tỉnh, thì đảng loạn càng tan vỡ một cách rất mau.

Sau khi bị bắt, Cao Bá Quát bị giam ở ngục thất Sơn Tây, rồi lại bị đóng cũi đưa xuống Hà Nội. Nằm ở trong ngục, tuy biết sớm tối sẽ phải rụng đầu ở dưới lưỡi dao của đao phủ, nhưng ông chẳng lo sợ gì hết. Đến lúc cùng đường hết đất, nhà nho đã lấy chữ lạc thiên tri mệnh để yên ỷ cõi lòng. Cái khẩu khí rộng rãi, cái tính tình ngông ngạo, ông vẫn không vì đến bước mạt lộ mà chịu đem vui đi, bởi thế, ông đã có hai câu tức cảnh trong ngục rằng:

Một chiếc cùm lim chân có đế,

Ba vòng xích sắt bước thì vương.

Cái mộng đế vương, như hãy còn phảng phất ở trong tâm não.

Tuy nhiên, có những khi nghĩ đến tình nhà, nghĩ đến dòng dõi nhà họ Cao, ông không khỏi đau đớn trong lòng. Anh ông là Cao Bá Đạt đương lĩnh chức Tri huyện Nông Cống (Thanh Hóa), vì việc ông khởi sự mà bị bắt giải về kinh. Dọc đường, đau đớn nỗi nhà tắt không khỏi cái vạ diệt môn, ông Đạt cắt đầu ngón tay lấy máu, viết một tờ biểu kêu thương để lại, rồi tự đâm cổ mà chết. Con giai ông là Bá Phùng, Bá Thông, đều đã bị bắt giam cả, chờ ngày điếu ra pháp trường để chịu chung với một số phạm phẩm thê. Cháu gọi ông bằng chú ruột là Cao Bá Nhạ (con ông Đạt) hiện còn chạy trốn. Nếu may mà trốn thoát rồi vui hơi nấu vết, đổi họ thay tên, họa chẳng dòng dõi họ Cao còn lưu lại được một sợi tơ mỏng manh. Nhưng sự trốn thoát, nào đã có lấy gì làm chắc! Đau đớn nhất là bà thân mẫu của ông, tuổi ngoại thất tuần, mình già sức yếu, mà con cháu bị chu diệt hết, phỏng bà còn có thể sống được với đau khổ, với đói rét không? Nghĩ đến từ mẫu lúc này đương xót xa khổ cực vì mình, Chu Thần giàn giụa nước mắt và muốn kêu gầm lên mấy tiếng cho hả phần uất. Ông tự nghĩ mình là người con bất hiếu đối với từ mẫu, đối với tiên thế, nhưng việc đã đến vậy, còn biết làm sao! Ông càng căm thù cái luật pháp hà ngược người ta định ra, truyền từ đời xưa đến đời nay, từ nước Tàu sang nước Nam: đối với những người coi là phản nghịch thì giết lây đến cả tộc thuộc. Ừ, ta là người không phục bọn họ, cất quân phản kháng, nay ta thua trận bị họ bắt sống được, họ cứ đem đầu ta mà chặt, đem thân ta mà vằm, có gì lại hèn đến nỗi phải giết cả đến anh em và con cháu ta; những người không cùng với ta một ý tưởng, không chung với ta một hành động.

Ngoài những lúc nghĩ đến tình nhà mà trong lòng bút rút, Chu Thần lại vẫn vui với câu thơ vẫn phú, không tỏ ra sợ hãi cái chết chút nào. Có lúc ông còn mong cho cái chết chóng tiến, để ông được sớm thoát khỏi cái cõi đời mà chung quanh, toàn là những kẻ thù nghịch, cái cõi đời bất nhân, nó chẳng đem đến cho ông một sự gì thỏa chí.

Làm được câu thơ hay, ông thường ngâm vang cả trong ngục. Lính canh can thiệp, ông quát lớn:

- Lũ chúng bay bảo nhau nhốt ta, chỉ có thể ngăn cấm được ta làm giặc, nhưng chẳng thể ngăn cấm được ta ngâm thơ.

- Ngâm thơ ở trong ngục thì cho ai nghe?

- Ở trong ngục hay ở đâu, ta cũng chỉ ngâm để ta nghe mà thôi. Chúng mày tưởng ngâm ở ngoài thì lũ chúng mày có thể nghe nổi được thơ ta đấy hử?

Mấy chữ lũ chúng mày ở đây, ông dùng để trở vào tất cả những người trong giới chính trị và văn chương của thời bấy giờ. Thái độ ngông ngạo, ông vẫn giữ y nguyên, dù ở trong vòng tù ngục.

Chẳng mấy bữa, Chu Thần bị giải về nguyên quán ở làng Phú Thị để chịu án xử quyết. Hai con là Bá Phùng, Bá Thông cũng cùng cha chịu chết một cách ai oán. Trước lúc rụng đầu dưới lưỡi dao của đao phủ, Chu Thần còn ứng khẩu đọc hai câu rằng:

Ba hồi trống giục đù cha kiếp,

Một nhát gươm đưa bỏ mẹ đời.

Giết Cao rồi, người ta đem thủ cấp đi bêu khắp mấy tỉnh để dư đảng thấy mất thủ lĩnh sợ hãi mà phải giải tán, bêu chán rồi người ta đem nghiền nát mà vút xuống sông.

Cái đời tài hoa, lãng mạn và ngông ngạo của nhà danh sĩ họ Cao, kết liễu ở đây; nhưng còn để lại mối công luận thị phi cho người thiên cổ.

Ông Nguyễn Văn Siêu Phương Đình, nguyên là bạn cũ, bấy giờ làm Ân sát Hưng Yên, có đôi câu đối sau này để viếng anh em ông họ Cao:

嗟哉冠古才名，難弟難兄，不世偶生還偶死。

已矣到頭事勢，可憐可惡，混塵留醜亦留芳。

Ta tài quán cổ tài danh, nan đệ nan huynh, bất thế ngẫu sinh hoàn ngẫu tử.

Dĩ hỹ đáo đầu sự thế, khả liên khả ố, hốn trần lưu xú diệc lưu phương.

Nghĩa là:

Thương thay tài điệu tốt vời, khó anh, khó em¹⁰², một cặp cùng sinh lại cùng thác;

Thôi nhĩ sự cơ đến vậy, đáng thương, đáng ghét, nghìn năm dây xấu cũng dây thơm.

Câu đối này, ông Siêu tỏ ra hâm mộ tài danh của anh em họ Cao. Trong câu, có chữ cổ và chữ đầu, nói bóng về sự chết của nhà họ Cao, rất có ý vị. Song ông Siêu cũng chỉ làm để viếng thăm đó thôi, chứ sau khi Chu Thần khởi biến, thì trong cõi học, ai chứa ở nhà

một bài thơ bài văn nào của Chu Thần, đều phải thiêu hủy cả đi kẻo nhờ vạ lây, còn ai dám công nhiên làm câu đối viếng sau khi Chu Thần bị tử hình nữa!

Cao Bá Nhạ, khi cha bị bắt ở huyện Nông Cống, biết mình nếu không chạy trốn, sẽ khó lòng thoát chết, khó lòng giữ lại cho nhà họ Cao mình còn chút dây rế, vì thế phải ăn mặc cải dạng, trốn ra ngoài bắc. Ban đầu còn lật đật, lang thang, nay đây mai đó; về sau ông đến ở một làng thuộc hạt Mỹ Đức (Hà Đông), vùi tên giấu họ, làm nghề gõ đầu dăm ba đứa trẻ, kiếm kế sống qua ngày. Ở đấy, ông đã có lấy vợ sinh con, hình như mới sinh được vài người con gái mà thôi, sống cái đời hiền lành của một nhà dân lương thiện, cái đời cùm rúm của một nhà nho nghèo kiết.

Trải tám năm giờ, lẩn lút dưới chân núi Hương Sơn, tưởng rằng đã có thể thoát khỏi oan ngục. Không ngờ họa biến nó vẫn còn dỗi theo ông mãi. Có kẻ tố giác, một ngày kia thốt nhiên ông bị quan quân kéo đến vây bắt, đóng cũi đem lên tổng giam ở ngục thất Hà Nội, rồi lại chuyển sang ngục Bắc Ninh, người ta cố muốn cắt đứt dây rế của một dòng họ Cao.

Ở trong ngục, ông Nhạ có viết một bài văn Trần tình bằng chữ Hán, theo lối tứ lục, và một khúc Tự tình bằng tiếng Việt, theo lối song thất lục bát, để đưa cho các nhà đương đạo, mong được thoát tội. Hai bài này, văn rất lâm ly, tình rất bi thảm, dẫu người sắt đá đến đâu, xem tới cũng khó cầm lòng được. Song ông cũng không vì thế mà được thoát tội, ông vẫn phải đầy đọa ở trong hình ngục để cho thật hả hờn giận của triều đình đối với dòng họ Cao đã sinh ra một người như Bá Quát là kẻ “bất thần”. Sau ông Nhạ hình như bị phát vãng lên mạn đường ngược, rồi chết ở đấy.

Hiện nay tại làng Phú Thị, dòng dõi hai ông họ Cao đã không còn ai nữa. Tuy có mấy người họ ấy, nhưng không phải xuất ở dòng này.

VIII:

VĂN CHƯƠNG NHÀ HỌ CAO

Tận đây, tôi nói ông Cao Bá Quát có tính kiêu ngạo, tôi nói việc nổi loạn của ông là việc có thật mà không thừa nhận là việc công nghĩa, nhưng không vì lẽ ấy để tôi kém yêu kính ông về văn tài.

Ông kiêu ngạo ư? Thì đã có người đương thời họ khó chịu, mà họ cũng đã trả lại ông những miếng đau độc lắm rồi.

Còn ông nổi loạn ư? Thì đó lại là việc tranh vương đồ bá...[103](#) có can gì đến tôi và những ai đâu, cứ chi lại vì việc ấy, đối với ông sinh lòng hờn ghét?

Những việc ấy, nếu có cái chỗ đáng chê khi khắc lên cân đạo đức, thì để dành phần cho các nhà đạo đức. Còn chúng ta, những kẻ đi vào trong vườn văn học của tổ quốc, chúng ta chỉ biết sùng trọng họ Cao, chú và cháu, là những người có công với phần tươi đẹp của vườn hoa văn học nước nhà.

Thật vậy, văn chương của chú cháu họ Cao, Bá Quát và Bá Nhạ, đã làm cho một góc vườn văn học nổi bật hẳn màu sắc lên. Văn chữ Hán, như tập thơ Cao Chu Thần, văn chữ viết, như bài Tự tình Cao Bá Nhạ, thật là những áng văn thiên cổ bất hủ. Chúng ta sùng kính họ Cao, chính về phương diện văn chương ấy. Vậy trừ những bài đã thuật ở trên kia, dưới đây lại xin trích lục một ít những văn phẩm của nhà họ Cao.

赴南宮出郊門別諸弟子

Phó Nam cung xuất giao môn biệt chư đệ tử

Cao Bá Quát

悠悠辭故國

Du du từ cố quốc

漫漫向長路

Man man hướng trường lộ

出郊天微涼

Xuất giao thiên vi lương

行色帶疎雨

Hành sắc đới sơ vũ

弟子送我行

Đệ tử tống ngã hành

相隨不忍駐

Tương tùy bất nhẫn trụ

豈是男兒情

Khởi thị nam nhi tình

掩面淚如雨

Yểm diện lệ như vũ

憶我昔年遊

Úc ngã tích niên du

已爲浮生誤

Dĩ vi phù sinh ngộ

此別又安之

Thử biệt hựu an chi

往事空回首

Vãng sự không hồi thủ

入世有文章

Nhập thế hữu văn chương

逃名何所慕

Đào danh hà sở mộ

多謝諸少年

Đa tạ chư thiếu niên

戀我獨焉取

Luyến ngã độc yên thủ.

Dịch ra quốc văn

Ngoài thành chào biệt các học trò để đi thi Kinh

Xa xa từ [104](#) đất cũ,

Thăm thăm lên đường dài.

Ngoài thành trời lạnh lạnh,

Lấm tẩm hạt mưa mai.

Học trò tiễn ta đi,

Bước theo không nở rời.

Nam nhi mà thế ư?

Nước mắt đầm đìa rơi!

Nhớ xưa ta đã từng,

Đường xa rong ruổi hoài.

Chuyến này lại lẻo đẻo,

Nào chắc đã ăn ai!

Vào đời có văn chương,

Thì đem mà góp chơi.

Đa tạ các thiếu niên,

Quyến luyến tình không phai.

道逢餓夫

Đạo phùng ngạ phu

Cao Bá Quát

踽踽誰家子

Vũ vũ thù gia tử

衣破笠不完

Y phá lạp bất hoàn

倏從南方來

Thúc tông nam phương lai

向我前頭嘆

Hướng ngã tiền đầu thán

問子何所憂

Vấn tử hà sở ưu

自云長艱難

Tự vân trường gian nan

家貧業醫卜

Gia bần nghiệp y bốc

我來走長安

Ngã lai tẩu Trường An

長安無病人

Trường An vô bệnh nhân

羣醫如邱山

Quân y như khâu san

零丁望歸路

Linh đình vọng quy lộ

極目雲漫漫

Cực mục vân man man

二日典空篋

Nhị nhật điển không khiếp

三日輟糲餐

Tam nhật xuyết ung xan

逢人但俟喜

Phùng nhân dẫn ngu hỷ

欲言聲屢乾

Dục ngôn thanh lữ can

噫子且休淚

Y tử thả hươ lệ

一饋與子歡

Nhất quỹ dĩ tử hoan

悠悠逆旅中

Du du nghịch lữ trung

百年誰自寬

Bách niên thù tự khoan

慢也莫驟咽

Mạn dã mạc sậu yết

暴盈非壯顏

Bạo doanh phi trắng nhan.

Dịch ra quốc văn

Đường gặp người đôi

Một con người thất thiếu,

Áo rách, nón tươi bời.

Chợt từ phía Nam lại,

Cùng ta năn nỉ lời.

Ta hỏi: “Bác buồn gì?”

Thưa rằng: “Tình cảnh tôi:

Nhà nghèo làm thầy thuốc,

Lên kinh mong cầu tài.

Kinh đô chẳng ai ốm,

Thầy thuốc như núi đồi.

Cùng kẻ phải quay về,

Đường mây nghìn dặm khơi.

Ngày hai cố chiếc tráp,

Ngày ba nhịn đói dài.

Gặp ai vẫn tươi tỉnh,

Muốn nói những nghẹn lời.”

- Ôi thôi bác ngừng lệ,

Cùng ta dùng bữa chơi.

Trăm năm trong quán trọ,

Ung dung nào mấy ai!

Thong thả đừng nuốt vội,

Chợt no dễ khốn người.”

過浴翠山

Quá Dục Thúy sơn

Cao Bá Quát

天地有斯山

Thiên địa hữu tư sơn

萬古有斯寺

Vạn cổ hữu tư tự

風景已奇絕

Phong cảnh dĩ kỳ tuyệt

而我亦來此

Nhi ngã diệc lai thử

我欲登高岑

Ngã dục đăng cao sầm

浩歌寄雲水

Hạo ca ký vân thủy

有約乃違斯

Hữu ước nãi vi tư

凡事大都爾

Phàm sự đại đô nhĩ.

Dịch ra quốc văn

Qua núi Dục Thúy

Trời đất có non này,

Muôn thửa có chùa ấy.

Phong cảnh đã kỳ tuyệt,

Mà ta cũng đến đây.

Ta muốn lên ngọn cao,

Hát vang, mây nước dậy.

Hẹn thế mà được đâu,

Phàm việc đều như vậy.

題陶娘舍 題 鄧 鵬 閣 下

Cao Bá Quát

古人不識今人恨

Cổ nhân bất thức kim nhân hận

纔到傷離說盡情

Tài đáo thương ly thuyết tận tình

明日欲辭南浦道

Minh nhật dục từ nam phổ đạo

何人更唱北宮聲

Hà nhân cánh xướng bắc cung thanh

寒依孤館冰霜少

Hàn y cô quán băng sương thiểu

霧合深村草樹平

Vụ hợp thâm thôn thảo thụ bình

笑殺潯陽醉司馬

Tiểu sát Tầm Dương túy Tư mã

青衫何事淚縱橫

Thanh sam hà sự lệ tung hoành.

Dịch ra quốc văn

Đề nhà ả đào

Khổ hận xưa, nay cũng một nguồn,

Bao nhiêu ly biệt bấy nhiêu buồn.

Bến nam mình sắp câu từ già,

Cung bắc ai còn tiếng nỉ non?

Cửa quán lạnh lòng cơn gió hắt,

Ngàn cây mù mịt lớp sương tuôn.

Tầm dương quá ngắn chàng Tư mã,

Vật áo can chi lệ chảy dồn!

橫山望海歌

Hoành Sơn vọng hải ca

Cao Bá Quát

君不見海上白波如白頭

Quân bất kiến hải thượng bạch ba như bạch đầu,

怒風撼破萬斛舟

Nộ phong hám phá vạn hộc châu

雷驅電搏慘人目

Lôi khu điện bách thảm nhân mục

中有點點浮輕鷗

Trung hữu điểm điểm phù khinh âu

海氣捲山山似指

Hải khí quyện sơn sơn tự chỉ

山北山南千萬里

Sơn bắc sơn nam thiên vạn lý

功名一路幾人閒

Công danh nhất lộ kỳ nhân nhàn

冠蓋紛紛我行矣

Quan cái phân phân ngã hành hỹ.

Dịch ra quốc văn

Bài ca Đèo Ngang trông bể

Bạn chả thấy mặt bể lô xô sóng bạc đầu,

Con thuyền bạt gió lạc về đâu?

Sóng dồn chớp giạt bao thê thảm,

Chìm nổi kìa xem mấy cái âu [105](#).

Khí bể đùn đùn trên đỉnh núi,

Muôn dặm đường xa, trời muốn tối.

Công danh bước trước mấy ai ngừng!

Chen chúc buồn ta chân luống mõi.

題察院裴公燕臺嬰語曲後

Đề sát viện Bùi Công Yên Đài anh ngữ khúc hậu

Cao Bá Quát

衡岳太行天下山

Hành Nhạc Thái Hàng thiên hạ sơn

黃河江漢天下水

Hoàng Hà, Giang, Hán thiên hạ thủy

誰遣三尺繩床間

Thùy khiển tam xích thăng sàng gian

疊疊重重見流峙

Điệp điệp trùng trùng kiến lưu trì

此中無數聖賢傑

Thử trung vô số thánh hiền kiệt

與我往來盡知己

Dữ ngã vãng lai tận tri kỷ

病中忽坐坐忽起

Bệnh trung hốt tọa tọa hốt khởi

闔吾兩目閉吾耳

Hạp ngô lưỡng mục bế ngô nhĩ

澄神滌慮默以遊

Trùng thần dịch lự mặc dĩ du

若身吾歷步吾履

Nhược thân ngô lịch bộ ngô lý

起予者誰裴欽使

Khởi dư giả thùỳ Bùi khâm sứ

腳底江山萬餘里

Cước đế giang sơn vạn dư lý

歸來滿腹貯圖經

Quy lai mãn phúc trữ đồ kinh

咄咄男兒真快事

Chuyết chuyết nam nhi chân khoái sự

嗟我閉戶雕虫哆口咬文字

Ta ngã bế hộ điêu trùng sở khẩu giảo văn tự

有如尺蠖量天地

Hữu như xích hoạch lượng thiên địa

自從帆海歷巴山

Tự tông phàm hải lịch Ba san

始覺六合何茫茫

Thủy giác lục hợp hà mang mang

向昔文章等兒戲

Hướng tích văn chương đẳng nhi hý

世間誰是真男子

Thế gian thù thị chân nam tử

枉箇平生讀書史

Uông cá bình sinh độc thư sử

燕臺使者老世途

Yên đài sứ giả lão thế đồ

尚學嬰言欲何俟

Thượng học anh ngôn dục hà sǎi

君不見高臥室中倦遊士

Quân bất kiến cao ngọa thất trung quỵện du sĩ.

四壁名山爛如綺

Tứ bích danh sơn lạn như y

禽尚高蹤不可攀

Cầm Thượng cao tung bất khả phan

一名羈絆長如此

Nhất danh ki bán trường như thử

嗚呼一名羈絆長如此

Ô hô nhất danh ki bán trường như thử

白髮青袍吾老矣

Bạch phát thanh bào ngô lão hỹ.

Dịch ra quốc văn

Đề sau khúc Yên đài anh ngữ của quan Đô sát Bùi công

Thái Hàng Hành Nhạc non cao

Hoàng Hà, Giang, Hán biết bao rộng dài,

Xó giường cuộn khúc hôm mai,

Non xa nước lạ đường phơi cạnh mình.

Thánh hiền hào kiệt gần quanh,

Cùng ta đi lại ra tình chí thân.

Gượng đau vùng dậy bước lần,

Bịt tai nhắm mắt thả thần xa chơi:

Tinh thần bay vượt ngàn khơi,

Chính mình dường được xa chơi cõi ngoài.

Ai bằng quan sứ Yên Đài,

Giang sơn nghìn vạn dặm dài ruỗi dong.

Khi về chứa đựng đầy lòng,

Đời nam nhi, ấy mới không uổng mà.

Nhai văn nhá chữ buồn ta,

Con giun còn biết đâu là cao sâu.

Tân gia từ vượt con tàu,

Mới hay vũ trụ một bầu bao la.

Giật mình khi ở xó nhà,
Văn chương chữ nghĩa khéo là trò chơi.
Không đi khắp bốn phương giới,
Vùi đầu án sách uống đời làm giai.
Bùi công sứ giả Yên Đài,
Mòn chân thế lộ, khiêm lời anh ngôn.
Thương ai bó gối nằm tròn,
Ngùi trông bốn mặt danh sơn rõ ràng.
Cao nhân dấu cũ mơ màng,
Chút danh chi để buộc ràng thân nhau.
Nỗi mình tưởng đến mà đau,
Chút danh theo đuổi, mái đầu hoa râu.

TỰ TÍCH CỦA CAO BÁ QUÁT

Dòng chữ thảo này thiên cơ sở chí, lạc bút định bất phí tưởng (Tứ thơ tự nhiên đã đến, hạ bút xuống không cần tốn công suy nghĩ) là câu của ông Quát phê khen vào bài thơ của một người bạn là ông thủ khoa Nguyễn Hàm Ninh, người Quảng Bình. Nguyên chữ ở bản gốc nhỏ hơn, đây chúng tôi dùng máy ảnh phóng to thêm ra¹⁰⁶.

TỰ TÌNH KHÚC

Cao Bá Nhạ
Tĩnh giấc mộng ngâm câu ký vãng¹⁰⁷,
Trải tám thu ngày tháng như thoa,
Chiếc thân tựa bóng quan hà,
Nỗi niềm tâm sự giảng già thấu chăng?
Thơ cao ẩn tay đăng¹⁰⁸ nên tập,
Bức linh đài¹⁰⁹ bút rập vào tranh,

Bằng khuâng mình tiếc cho mình,
Xa xa nói với xanh xanh giải lòng.
Ngòi Đức Thủy¹¹⁰ khơi dòng kinh sử,
Phả Cao Dương treo chữ tấn thân,
Dõi đời khoa bảng xuất thân,
Trăm năm lấy chữ thanh cần làm bia.
Đèn Mông Chính¹¹¹ canh khuya một ngọn,
Màn Trọng Thư¹¹² năm trọn nửa vây,
Chim hồng mong chắp cánh mây,
Năm xe kinh sử một tay vẽ vôi.
Lửa Thái Ất¹¹³ đêm soi Lưu Hưởng,
Cầu Thăng Tiên¹¹⁴ ngày tưởng Tràn Khanh,
Gót chân coi nhẹ vân trình,
Văn chương dốc túi, công danh giặt cờ.
Nền thế nghiệp đã nhờ gia ấm,
Miền hoạn đồ lại lằm thiên ân,
Trước sau trải mấy mươi lần,
Môn phong vẫn giữ trung cần dám sai.
Ngẫm tiên phụ¹¹⁵ nửa đời khổ tiết,
Để mai sau một ít vi danh,
Hoạn giai nhỏ mọn đã đành,
Trong vòng Thú Lệnh¹¹⁶ phẩm bình còn khen.
Dấu trung ấn in miền mây trắng,
Chữ mục dân bóng dựng non vàng,

Bức tranh treo chữ tuần lương,
Ngư dương hát lúa117, Hà Dương vịnh đào118.
Giá cầm hạc so vào Triệu Biện119,
Thư phượng hoàng đưa đến Mao Khanh120,
Móc mưa ơn đội thánh minh,
Thanh minh (?) hai chữ góp danh với đời.
Vườn Lý Bạch121 chưa vui đào mạn,
Nhà Tử Văn122 nổi trận phong ba,
Thương ôi hảo sự tiêu ma,
Tấm lòng băng tuyết phút hòa trần ai.
Mảnh bạch ngọc thiêu người khách tử,
Lưỡi đoản đao123 cắt chữ phù sinh,
Nhân gian ai kẻ thương tình,
Trăm năm công luận phẩm bình về sau.
Nổi gia thất mặc dầu tạo hóa,
Đàn nhi tôn gửi cả nhân gian,
Ơn sâu dám quản thân tàn,
Còn mong gò cáo hồn oan lại về124.
Bình dầu phá còn lễ cốt cách,
Gương dù tan vẫn sạch trần ai,
Thương thay một khóm hàn mai,
Hai cành ấ lạnh ra hai tấm lòng.
Giác vinh nhục sinh không một khoảng,
Bia thị phi để tạc còn dài,

Thế gia kẻ khóc người cười,
Muôn đời để sạch, muôn đời để dơ.
Cuộc phù thế thờ ơ mệnh bạc,
Chốn dạ đài chếch mác lòng son,
Quyết mình há tưởng đến con,
Tưởng khuôn phúc thiện ngấm còn về sau.
Phó ngạnh tích 125 mặc dầu sinh tử,
Chắc lý đình dạy chữ hiếu trung,
Cho nên lòng cũng đành lòng,
Dẫu khi biến cố còn trong luân thường.
Mối tâm sự để gương non nước,
Mảnh huyết tình giải trước thần minh,
Cầu kia ai gọi Tân tình(?),
Chiếc bia Trục Lệ 126 rành rành bên sông.
Đạo con lấy hiếu trung làm trọng,
Nỗi thế thường xem mỏng xem khinh,
Phù sinh một sợi tơ mảnh,
Giữ gìn di thể như hình thiên kim.
Nhạn sa nước nổi chìm bể khổ,
Yến e cung tìm đỗ cây lành,
Đường ngang những sợ chông chênh,
Khăng khăng quyết giữ tấm thành như sơn.
Áo bạch trữ 127 dầu cơn mưa nắng,
Khăn ô luân 128 đội nặng gió sương,

Cảnh mai chếch mác càng thương,
Câu thơ tang tử¹²⁹ giữa đường càng đau.
Ngàn non Thái một màu mây bạc¹³⁰,
Dạt chân bèo lưu lạc bể oan,
Gập ghềnh từng bước gian nan,
Một vùng khách địa muôn vàn thương tâm.
Lòng hiếu dưỡng trăm năm đã lỡ,
Lời di danh hai chữ còn mang,
Trong khi biến, chẳng khác thường,
Đến điều cùng quá lại càng kiên trinh.
Thu nước mắt gia tình biếng cạn,
Thấm mồ hôi vận hạn lâu qua,
Tràng đình ngoảnh lại xa xa,
Khởi câu “Chiết Liễu”¹³¹ ai là cố nhân.
Ghe chân bước phong trần mới trải,
Nặng lòng ơn sơn hải chưa đành,
Nước mây mình biết cho mình,
Giời dành tuế nguyệt đất dành điền viên.
Thú thôn ố ao nghiên ruộng chữ,
Mẫu giang sơn cơm sử áo kinh,
Pha hòa hai chữ trọc thanh,
Đổi mùi lữ khách thay hình hàn nho.
Người mến cảnh giang hồ nên thú,
Cảnh yêu người tân chủ phải duyên,

Lần hồi trong tám chín niên,
Gối nhàn tạm chợ, mối phiền tạm khuây.
Vườn riêng lấy cỏ cây làm bạn,
Năm dài xem én nhận bay qua,
Song hồ ngày tháng lân la,
Một hai hoàng quyền, năm ba tiểu đồng.
Tráp Vĩnh Thúc¹³² tay phong tay mở,
Tập Thiếu Lăng¹³³ câu lựa câu ngâm,
Thờ ơ thân thể phù trầm,
Khi giông trước gió khi nằm dưới giăng.
Khuôn tạo hóa dầu rằng phong sắc¹³⁴,
Nợ phù sinh phó mặc bi hoan,
Thôn cư riêng thú bàn hoàn,
Đem thanh giải trọc, đem nhàn giải ưu.
Túi Tư mã¹³⁵ gỡ câu thánh phú,
Vườn Đào Am¹³⁶ quyền chủ thần hoa,
Mấy phen điểm tuyết yên hà,
Cúc mười lăm khóm, mai và bốn cây.
Giác thanh dạ¹³⁷ cơn say cơn tỉnh,
Ngày lưu niên¹³⁸ khi lạnh khi nồng,
Phần du¹³⁹ nẻo bắc ngừng trông,
Nước non cách mấy mươi trùng xa xa.
Câu lũ cảm lệ hòa nét mực,
Chữ gia tình thấm tắt lòng son,

Mắt trông, Vương Sán đã mòn¹⁴⁰,

Tay đề, Hường Tú vẫn còn ngẩn ngơ¹⁴¹.

Tình ly biệt thờ ơ góp lại,

Mối ưu sầu gỡ mãi chưa xong,

Lỗi oan chót mấy năm ròng,

Ngày mong chữ gấm, đêm mong chiếu vàng¹⁴².

E đất khách lỡ đường la vông¹⁴³,

Khép cửa sài dăm lỏng gót chân,

Bao nhiêu những sự xa gần,

Hư không phó mặc bụi trần bay đi.

Chữ nghĩa lý lòng ghi dạ tạc,

Điều thị phi mắt nhắc tai che,

Cô trung quyết giữ lời thề,

Để hồn di thể đi về cho an.

Nước Châu Thủy đầy tràn buổi sáng,

Mây Na Sơn bằng lăng ban chiều,

Có ai qua lối Hoạn Kiều,

Cho nhờ gửi nhắn ít nhiều bi ai.

Tình Kiều Tử¹⁴⁴ hôm mai đăng đẳng,

Hồn quan sơn mưa nắng dải dầu,

Xa trông tầm tã giọt châu,

Gần trông phải gượng mối sầu ngậm cay.

Gối vò võ đèn khuây đêm vắng,

Cửa lơ thơ rèm chắn ngày thâu,

Cảm hoài khi lựa mấy câu,
Nghêu ngao đồng tử tiêu sầu năm ba.
Đuôi con mắt châu sa thấm giấy,
Đầu ngón tay máu chảy pha son;
Người đau phong cảnh cũng buồn,
Thông gầy như trúc, cúc mòn như mai.
Mối tâm sự rối mười phần thảm,
Gánh gia tình nặng tám năm dư;
Khi ngày mong bức xá thư,
Khi đêm than bóng, khi trưa hỏi lòng.
Hương thề nguyện khói nồng trước gió,
Tờ tố oan mớ ngổ giữa giờ;
Tờ oan kể hết bao lời,
Hương thề sao chữa thấu nơi Cửu trùng?
Ngẫm đời trước vốn không oan trái,
Sao kiếp này vướng mãi gian truân?
Lo xa thôi lại nghĩ gần,
Thôi ngơ ngẩn sớm, lại trần trọc khuya.
Ngơ ngẩn nhẽ đường kia nổi nọ,
Ngao ngán thay phận nhỏ sâu to;
Một mình riêng những đắn đo,
Thường tình nhi nữ khôn dò sâu nông.
Thôi dĩ vãng đã không kéo lại,
Còn tương lai liệu phải đền bồi;

Họa may cảm động đến trời,
Lấy thân mà trả nợ đời cho thân.
Dầu đầy kiếp phong trần dám sá,
Giải được lòng khuyển mã là vinh;
Một là mở tấm đan thành,
Hai là rửa tiếng nguyệt bình chê bai.
Để tiên tổ ngậm cười chín suối,
May gia khương còn nổi về sau;
Hay ra lại rặng cơ cừu¹⁴⁵,
Hèn ra sơn thủy tiêu sầu cũng khoan.
Cho nên nổi gian nan sá kể,
Liệu rồi ra tìm thế gỡ dần;
Thôn trang tìm thú ân cần,
Một phần thê tử hai phần thảo hoa.
Tưởng khuây khỏa ngày qua tháng tới,
Bồng hải hùng gió thổi mưa chan;
Nổi chìm chìm nổi bể oan,
Mấy năm hầu cận một cơn lại đầy.
Nặng kiếp trước vò giấy chi mãi?
Ngẫm tình này oan trái sao cân?
Nghĩ thân mà ngán cho thân,
Một thân mang nợ mấy lần chưa thôi.
Chữ bạc mệnh ai ơi xót với,
Câu đa đoan trời hỏi thấu chăng?

Gấm thay ngọn lửa đốt rừng,
Đập tàn tàn lại bùng bùng bùng không.
Ghé cho kẻ mọc lông trong bụng,
Đặt nên điều vẽ bóng ngoài môi;
Ngựa hươu thay đổi như chơi,
Giấu gương đầu lưỡi, thọc dùi trong tay.
Gây ra sự chia cây rụng lá,
Để cho ai chìm cá dạt bèo.
Năm ba kẻ thước người hèo,
Ngõ Nhan lôi cái đàn biểu đập tan¹⁴⁶.
Gà eo óc vừa tàn giấc mộng,
Nhặng vo ve sức động hồn kinh¹⁴⁷.
Tiểu đồng thốn thức chung quanh,
Thê nhi lăn lóc bên mình khóc than.
Phút nửa khắc muôn ngàn thê thảm,
Trong một mình bảy tám biệt ly;
Ngoảnh vào ái ngại thê nhi,
Ngoảnh ra án cũ cầm thi, ngại ngần.
Lay ngọn cúc gió dẫn lẫn lóc,
Thăm cảnh mai sương khóc chan hòa.
Trông hoa đau đớn cùng hoa,
Ai ngờ từ đấy hóa ra vô tình.
Áo xóc xếch nửa mình chấp nối,
Tóc loăn xoăn trăm mối bông bong.

Sâu dài chia nửa vào song,
Bước ra dùng dằng lại trông trở vào.
Hồn khuê phụ lao đao lặng ngắt,
Người hương quan quanh quất thương thay.
Bèo mây lỡ bước từ đây,
Nước non tiễn khách là ngày hai năm.
Đau đón nỗi kẻ thăm người hỏi,
Ngẩn ngơ buồn miệng nói chân đưa.
Giọt phiền lai lãng như mưa,
Rượu phiền chẳng nhấp say sưa những sầu.
Bể càn liêu ngâm câu ly hợp,
Khuất ngàn dâu qua lớp đoản tràng;
Bước sầu ai vẽ giữa đàng,
Mây in sắc lúa nửa vàng nửa xanh.
Sương thấm lối gập ghềnh từng bước,
Gió lẩn càn xao xác tai nghe;
Đoái trông cầu quán so le,
Cỏ ngăn lối ngõ cây che mái nhà.
Mòn con mắt nẻo xa đàng đẵng,
Chồn bước chân dậm thẳng ngùi ngùi;
Sông quanh chín khúc mấy hồi,
Con đường man mác mười thôi nhọc nhằn.
Cầu Ô Mê¹⁴⁸ mấy lần mây lại,
Ngàn Hương Sơn¹⁴⁹ một dải núi đưa;

Lối này lạc bước từ xưa,
Ai ngờ thơ thần bây giờ lại đây.
Bóng thấp thoáng yển bay buổi tối,
Tiếng mau thưa quyên gọi dặm trường;
Những là sợ gió e sương,
Thương thân chua xót, nghĩ đường xa xôi.
Chuông cổ tự điểm hồi rộn giục,
Trống quan thành vừa lúc sưa không;
Sầu kia ai kẻ xiết lòng,
Chiều thôi lại tối, đêm xong lại ngày.
Gông ba thước ai bầy nên nợ,
Cũi một gian khéo giở ra trò;
Mới qua là kẻ văn nho,
Mà nay đổi dạng tù đồ bởi đâu?
Tắm tức nổi ngậm sầu nuốt giận,
Thổn thức thay thở vắn than dài;
Đến nay mới rõ thói đời,
Giả tình trước mặt dối lời sau lưng.
Trận gió thổi vang lồng trống giục,
Lối bụi mù chen chúc quân gian.
Tám vai quấy nặng người oan [150](#),
Gần xa trăm miệng đồn ran phố phường.
Bên năn nỉ người thương người hỏi,
Ngoài xôn xao kẻ nói kẻ cười;

Phong tao ra dạng con người,
Dịu dàng nét mặt ra loài văn nhân.
Nỡ đày đoạ phong trần nặng kiếp,
Để tơ vương oan nghiệp lạ đời.
Đã đày một đoá hoa mai,
Phẩm tiên lưu lạc trần ai lạ lòng.
Nhờ nhật nguyệt soi trong can phế,
Xin giang sơn giải vẽ tâm trường.
Nặng lòng trân trọng lời thương,
Thương nhau là khách qua đường biết sao!
Qua cửa mạch151 cao cao cửa đỏ,
Trông lục nhai152 lồ lộ gác vàng;
Những quen xó xỉnh điển trang,
Hải hùng nghi vệ công đường viễn vông.
Mặt bảo kính153 soi lòng ky lữ,
Đuốc linh tê154 thấu chữ ký oan;
Bức tranh vẽ bước gian nan,
Thanh thiên bạch nhật niềm đau giải trình.
Nay phó xuống Đông thành155 tạm trú,
Mai truyền sang Bắc Lộ156 ruổi ra;
Thân sao như gánh hàng hoa,
Sớm qua chợ sớm, chiều qua chợ chiều.
Người đất khách phó liêu mưa nắng,
Thuyền sông mê chở nặng biệt ly.

Tràng đề một dải xanh rì,
Nước trôi đỏ thắm mây đi trắng ngần.
Hồn phần tử mười phân lưu lạc,
Cõi phong ba mấy bước nổi chìm.
Sóng đào kêu mãi không im,
Giọt sương rả rích hầu êm lại tràn.
Dâu cao thấp qua ngàn bến Ái¹⁵⁷,
Cây mau thưa ngoảnh lại huyện Gia¹⁵⁸.
Thương tâm này nước non nhà,
Cảnh còn như cũ, người đà khác xưa.
Đường lẩn lút gió đưa mưa rước,
Cõi phong trần mây ngược nước xuôi.
Sông sâu một gốc chia đôi,
Lối sâu trăm dặm một thôi đoản tràng.
Ô chéch chéch xế ngang non bạc,
Sếu xa xa bay lạc ngàn xanh;
Giang sơn thêm nặng ly tình,
Giang thành vừa sớm, sơn thành lại hôm.
Trời đất tối hơi lam giục già,
Mây kéo cơn tầm tã sa mưa;
Ớn trên thắm thía cho chưa?
Ớn giờ trước đã mau thưa đượm nhuần.
Ví đây kiếp phong trần cho bỏ,
Cũng xét tình oan khổ với nao;

Dầu rằng đất thấp trời cao,
Người còn trăm miệng, lẽ nào một thân.
Nghe hiến chỉ truyền ran lệnh tiến¹⁵⁹,
Giục tinh sương đối diện công đình;
Thực hư may được rành rành,
Mười tay mười mắt phân minh giữa giờ.
Việc yêu quái tăm hơi mù mịt,
Điều oan vu xương thịt báo đền;
Lạc đàn trong bấy nhiêu niên,
Nào ngờ thấy giáo cho nên lụy mình.
Loài đồng khí¹⁶⁰ đã đành nặng nợ,
Lòng bình di¹⁶¹ sao nỡ bỏ hoài?
Ngón tay còn có ngắn dài,
Hướng chi lành dữ lòng người khác nhau.
Sóng bình địa trước sau trùng điệp,
Gió phi tai¹⁶² đơn kép giày vò.
Càng ngày hoạn nạn càng to,
Cha con cùng một chuyến đò bể oan.
Một chiếc bóng giang san giải tỏ,
Bấy nhiêu lâu thôn ố ân cần.
Nhỡ nhàng đến bước gian truân,
Dẫu là hiền trí khôn phần nài sao.
Lánh cho khỏi tanh tao là quý,
Giữ được điều liêm sỉ là hay.

Lòng kia đen trắng gian ngay,
Gió giăng bầu bạn lâu nay biết lòng.
Đã chắc hẳn đứng không then bóng,
Nào tưởng đâu lá bỗng ngược cành;
Chắc rằng gấn bó đan thành,
Chút thân chẳng bận hôi tanh mảy may.
Sao đến nỗi tai bay vạ lạc,
Thà bỏ thân đầy nước cành cây;
Thân sao thân đến thế này,
Mấy năm giữ sạch, một ngày bụi dơ.
Ơn tiên thế bao giờ báo đáp?
Nợ phù sinh mấy kiếp đền bồi?
Phù sinh thôi thế thì thôi,
Dầu thân chuộc lại cũng đời bỏ đi.
Sao gia vận biến đi đến thế,
Nào tiên nhân tích lũy [163](#) để đâu?
Cao cao xanh ngắt một màu,
Biết rằng có thấu nguyên đầu cho chẳng?
Chữ khổ tiết khăng khăng cầm chắc,
Nợ đa truân dằng dặc cố theo;
Trước sau vẫn chút bấy nhiêu,
Nặng vì cốt nhục phải liều phát phu [164](#).
Tình phụ tử cay chua đến ruột,
Nỗi thất gia đau buốt tận xương;

Từ nay nhả nhủ thể thường,
Ai ơi xin chớ ngâm chương Mộng hùng165.
Hồn nghĩa lý chơi giọng mây bạc,
Lệ văn chương sái lạc166 suối vàng;
Mai sau còn kẻ tình thương,
Vài thiên ai cảm mấy chương phẩm bình.
Luống tích thiện sao không phùng thiện,
Chưa minh oan lại đến hàm oan;
Băng hồ rơi xuống lằm than,
Thà cho một chén tân toan đi đời.
Khi lên xuống Tam thai Bích lạc,
Lúc đi về Ngũ nhạc Huyền đô.
Thoảng không trăm giận nghìn lo,
Trải chân bến khổ, qua đò sông mê.
Còn vương nổi đề huề nhiều ít,
Nỡ liêu thân vĩnh quyết sao đành.
Tiên phần167 còn gửi mây xanh,
Xót thân lưu lạc phù bình bấy lâu.
Nợ đại tạo mai sau khoan thải168,
Chút hiếu trung may lại báo đền;
Cho nên ngậm tử nuốt phiền,
Cẩn rằng cố chịu trăm nghìn thương tâm.
Nhà huyền bấy nhiêu năm lưu lạc,
Thân bèo trôi một bước một đau;

Hoặc là thấu đến cao sâu,
Tấm lòng tác cổ mai sau còn dành.
Lại còn nỗi gia đình tự tặc¹⁶⁹,
Đau đớn lòng cố phục cù lao;
Phúc xưa mòn mỏi thế nào,
Chút lòng thanh bạch nữa nào mất không.
Ngẫm đau đớn khuê phòng gối lẻ,
Bỗng vì đâu chia rẽ mối tơ?
Liều bỏ đôi chút cảnh trơ,
Bao giờ bìu dím, bao giờ bỗng mang?
Đã cay đắng nhiều đường rộn rã,
Lại nhục nhằn đến cả vợ con,
Mấy năm chút nghĩa ôn tồn,
Gieo đào trả hận lòng còn băng khuâng.
Đường kia nợ nửa chừng bể bọt,
Nỗi trước sau trăm món ngổn ngang.
Mắt kia thác cũng còn giương,
Hồn kia muốn dứt còn vương nỗi này.
Đành tiền kiếp chịu đầy lấm cát,
Mong tái sinh nhờ hạt móc mưa.
Phúc nhà còn mảnh sợi tơ,
Họa may báo đáp còn chờ về sau.
Thân nghĩ lại cùng sầu đã chán,
Số xui ra vận hạn sao đành;

Ví liễu quyết chẳng tiếc mình,
Sạch mình đã vậy, thế tình còn nghi.
Khuôn tạo hóa dầu nguy còn phúc,
Tấm linh đài khỏi nhục là vinh;
Bo bo hãy gắng lấy mình,
Bấy lâu gìn giữ sao đành liễu đi.
Xin tạo hóa phù trì chớ bỏ,
Để thế gian xem rõ kẻ lắm;
Đen nào dơ được đan thâm¹⁷⁰,
Sầu nào ngăn được cao ngâm dỗi ngày.
Gần mùa hạ chim bay đuổi thỏ,
Rắp đầu thu ngọn gió cuốn mây;
Lọt then ngày tháng hơi may,
Đồng hồ thánh thót vơi đầy năm canh.
Nam cai¹⁷¹ khuất non xanh man mác,
Thái Hàng xa mây bạc lần vắn;
Hồn bay ngàn dặm cũng gần,
Trong năm mươi khắc năm lần thấy cha.
Chợp sức thúc la đà gối bị,
Nằm lại ngồi rầu rĩ chiếu manh;
Hóa công khéo giữ nhàn tình,
Đem người yên thủy bỏ vành lao lung.
Đem lầm đục vấy trong băng tuyết,
Rắc bụi trần điểm vết khuê chương¹⁷².

Then mau khóa kín một đường,
Hổ thân loan hạc ra tuồng chó dê.
Chiếc ngựa trắng¹⁷³ đi về góc bể,
Đàn chó xanh¹⁷⁴ lẻ tẻ bên trời.
Một mình với bóng là hai,
Rèm buồng mỏng mảnh song cài so le.
Mòn con mắt đi về Hương Lĩnh¹⁷⁵,
Ngổ tằm lòng với mảnh phù vân;
Phù vân bay lại cho gần,
Gửi về Hương lĩnh ân cần mấy câu.
Ngồi tựa gối dài dầu với gió,
Mới đâu chừng đêm nọ tới nay;
Hơi may heo hắt từ tây,
Giang nam phong vị độ rầy ra sao?
Nần nỉ với hai sao bến Hán¹⁷⁶,
Dải trường giang giới hạn đông tây.
Hai sao soi biết nạn này,
Xin cho thất tịch¹⁷⁷ cùng ngày đoàn viên.
Vàng trăng trước về miền vân thủy,
Soi những người thiên lý tương tư;
Đi qua vườn cũ lơ thơ,
Thử xem án cũ cầm thư thế nào.
Trông đàn yến bay cao phấp phới,
Sịch then song gọi với trước màn;

Tiền đây nhờ gửi chữ tình,
Chờ xuân nhẩn gửi chim xanh còn chầy.
Tình nam bắc thâu ngày qua tháng,
Sầu biệt ly với sáng đây chiều,
Nỗi riêng nhớ ít tưởng nhiều,
Cậy ai về nẻo Thước kiều hỏi tin?
Quanh mao ốc178 gió hiên trăng mái,
Dải tình giang rượu sớm thơ chiều;
Nào thơ nào rượu dập dìu,
Trông giăng tựa gió đều hiu một mình.
Những say tỉnh Bắc kinh mưa gió,
Vẫn mơ màng phòng cũ chiếu chăn;
Gối sầu cách ánh mây Tần,
Băn khoăn tay áo chân quần ở đây.
Án nọ đỡ ngang mây179 sớm tối,
Nay tháng ngày no đói với ai?
Gió thu một tiếng bên tai,
Thuần lư180 sức nhớ đến mùi Giang Nam.
Kìa ngọn núi in làm bút giá181,
Nọ đám mây mở lá thi bình182.
Bút xưa trang điểm chữ tình,
Bình thi cuốn gửi Hồ Đình bấy lâu.
Tưởng thư viện những sầu cách diễn,
Nghĩ hoa viên càng ngán xa xôi.

Giếng vàng một lá thu rơi,
Quan sơn nghìn dặm mấy hồi tương tư.
Rắp mượn cá đem thư nhắn hỏi,
Thoắt nghe chim tựa gối ngẩn ngơ.
Trông hoa luống nặng tình xưa;
Tiếc hoa luống ngại nắng mưa dãi dầu.
Dễ khuây khỏa trăm sầu ngàn giận,
Những sứt sùi thở ngẩn than dài.
Biệt ly ai kẻ xiết lời,
Vì hoa cách mặt cho người thương tâm.
Người đưa rượu hỏi thăm Bành Trạch¹⁸³,
Kẻ say trăng tìm khách Đào Chu¹⁸⁴.
Nào ai trang điểm màu thu,
Hoa vàng chén bạc tạc thù với ai?
Miền Dữu Lĩnh¹⁸⁵ tin mai gấn bó,
Đỉnh Cô Sơn¹⁸⁶ mối gió đợi chờ.
Muốn mang chén rượu câu thơ,
Lạnh lòng trong tuyết hững hờ dưới trăng.
Chồi tiểu mạch vừa chùng hơn thước,
Tay chủ nhân ngày trước vun trồng,
Dầu khi sương tuyết lạnh lòng,
Xa xôi dám phụ tấm lòng kiên trinh.
Mây vô định bay quanh ngoài mái,
Trăng hữu tình soi lại trước sân;

Non Đông tin tức cách ngăn,
Tường vi rầy đã mấy lần khai hoa187?
Nhắn hỏi tiễn xuân la188 mấy khóm.
Vẻ tiên hồng trang điểm đường nao?
Lầu trang gió bốn giảng chào,
Kim thoa đưa nhớ tiễn đau cắt buồn?
Vườn thược dược thâu mồn cửa trúc,
Dãy ba tiêu chen chúc song hồ:
Biệt ly vắng ngắt cảnh thu,
Thanh cư ai vẽ nên đồ Võng Xuyên189?
Nhắn hỏi đến mộc liên hai ngọn,
Phóng tin hoa gần gần gió may,
Hoa kia hãy nhắn thu này,
Buổi thu còn vắng người say trước đình.
Tiếng tất xuất190 bên mình giục già,
Ngọn trà my trước giá lơ thơ;
Buổi thu chớ ngại công chờ,
Con ong cái kiến ỡm ờ giờ thay.
Nhờ tin gió hỏi cây thạch lựu,
Thu hầu sang hạ cửu191 gần qua;
Đan tâm còn chút gọi là,
Giữ gìn băng ngọc đừng pha bụi trần.
Đường hoa trải mưa xuân lác đác,
Cánh lan tiêu bay lạc lối ngoài;

Với ai khoe tía khoe tươi,
Trận vàng ngân ngại những người nghiêng sương.
Tưởng sơn trúc thạch hương đã ngán,
Hỏi bồ đào long nhãn càng đau;
Hong mai rả rích giọt châu,
Hững hờ sương tảo, dải dầu sương cam¹⁹².
Góp trăm mối đem làm tâm sự,
Tính trăm hoa đầy cả gió sương.
Chập chờn say tỉnh giữa đường,
Hoa kia có biết đoạn trường này chẳng?
Nỗi ly hận nói năng sao xiết,
Tình tương tư nào biết bao nhiêu.
Tính xem ly biệt ít nhiều.
Thương cho mai cúc nặng điều tương tư.
Nhờ trận gió gửi thư thăm hỏi,
Mượn bóng trăng giải nỗi ân cần.
Giá đành phong nguyệt chủ nhân,
Nỡ nào đầy đọa phong trần xót thương.
Xin hoa chứa phong quang như cũ,
Chủ nhân còn đoàn tụ có khi;
Trả cho sạch nợ lưu ly,
Tân toan rửa hết đến kỳ cam lai.
Gửi tình trọng thay lời thương nhớ,
Cậy đồng tâm lo đỡ ít nhiều,

Có khi chau chuốt đàn biều,
Khi trưa phơi sách khi chiều tưới cây.
Lúc thanh hạ¹⁹³ đặt bầy giá bút,
Buổi rồi dài lau chuốt án thơ,
Dưới đèn giở thước xe tơ,
Sửa sang áo rét đợi chờ thu qua.
Tình khuê các gần xa lắm nỗi,
Người quan sơn sớm tối một mình,
Trông về trời bể mệnh mông,
Lúc đi còn vướng mối tình tư quy.
Ngàn nam mẫu vừa khi canh tác,
Dải tây giang ngọn nước đầy vơi;
Dưới trăng thuyền trúc thả thanh thời,
Phong lưu năm ngoái là người năm nay.
Xếp tình cũ từ đây trở lại,
Hoài công đâu kể mãi việc nhàn,
Đã đành hội, biệt, bi, hoan,
Mặc khuôn tạo hóa tuần hoàn nghĩ chi.
Chữ thông tắc¹⁹⁴ phải tùy sở ngộ,
Lẽ thị phi không hổ với đời;
Chiếc thân đứng giữa cõi người,
Trên trời nhật nguyệt dưới trời sơn xuyên.
Chứa trong bụng đầy thiên kinh sử,
Đội trên đầu nặng chữ quân thân,

Bầu trắng giá ngọc trắng ngần,
Dầu đầm giọt nước phong trần chang hoen.
Lối kim cổ là miền liêm sỉ,
Bìa thị phi còn để nhục vinh;
Mắt tai hiện truyện thánh kinh,
Lẽ đâu cầm độc ô danh quan thường¹⁹⁵.
Nhờ tạo hóa rộng đường phúc trạch,
Giăng thiên la¹⁹⁶ vết sạch hung ngoan;
Một phen cười với thế gian,
Rồi ra tùy ngộ nhi an¹⁹⁷ xin đành.
Hãy đem món thường tình xếp lại,
Tạm tính điều thế thái để ra;
Đêm đêm lặng hỏi giới già,
Thân này ô trọc hay là thanh cao?
Còn tiên thế ít nhiều dư phúc,
Chắc linh đài chín khúc đan tâm;
Hóa cơ vãng phục¹⁹⁸ chẳng lằm,
Để cho tác thiện lục trăm¹⁹⁹ lẽ đâu?
Thu nước mắt nghĩ câu thận độ²⁰⁰,
Giong ngọn đèn ngâm khúc mặc ai²⁰¹,
Bút nghiên tiêu khiển ngày dài,
Chẳng vì tân khổ bỏ hoài quang âm²⁰².
Nhân thông thả lại ngâm quốc ngữ,
Đem thủy chung tình tự nói năng;

Nôm na câu được câu chẳng,

Đỡ khi buồn bã lại dâng một cười.

HẾT

PHỤ LỤC

Để độc giả hiểu hơn về cuộc nổi dậy Mỹ Lương do Cao Bá Quát đứng đầu, chúng tôi xin trích đăng bài viết Giấc châu châu của tác giả Sở Cuồng (Lê Dư) được đăng trên Tạp chí Nam Phong, phần Quốc ngữ, tập 163.

GIẤC CHÂU CHÂU²⁰³(Truyện Cao Bá Quát 高伯适)

Ông Cao Bá Quát hiệu là Mẫn Hiên 敏軒, lại hiệu là Chu Thần 周臣, con một ông đồ người làng Phú Thị, huyện Gia Lâm 嘉林, tỉnh Bắc Ninh.

Ông với ông Cao Bá Đạt 高伯達 là anh em sinh đôi. Khi sinh ra thì ông Đạt ra trước, nhưng khi ông còn bé không chịu gọi ông Đạt là anh, ông thường nói vì trong bụng mẹ thì ông ngồi trên, nên ông mới ra sau.

Đến lúc lớn hai anh em đều thông minh lạ thường, mà ông anh lại có phần thông minh hơn, mới lên bảy tám tuổi đã nổi tiếng là thần đồng. Có một hôm ông đi tìm thầy đến học, gặp hôm ông thầy ra bài kinh nghĩa đầu đề là “Tử tại Tề văn thiêu”, ông thầy bảo ông làm, ông hạ bút làm xong ngay, có câu rằng: “Bình thủy tương phùng, tử thị tha hương chi khách 萍水相逢, 子是他鄉之客; Quan sơn nan việt, tử vi thất lộ chi nhân 關山難越, 子爲失路之人²⁰⁴, cố tử lại Tề văn thiêu 故子在齊聞韶.” Trình lên ông thầy học rất khen ngợi. Năm ông mười ba tuổi, một hôm ra đồng chơi về, gặp các học trò ở trường về, ông hỏi rằng: “Hôm nay thầy ra bài gì?” Học trò nói: “Thầy ra bài phú Hàn tín diếu ngư 韓信釣魚賦, lấy vẫn là thời vị ngộ hê 時未遇兮.” Ông về nhà liền cầm bút viết ngay một bài, bài phú ấy đến nay vẫn còn truyền tụng, mà các bậc danh nho đời bấy giờ, cũng đều phải phục là một bài kiệt tác.

Năm ông mười bốn tuổi, bấy giờ đương đời vua Thiệu Trị, gặp có khoa thi hương, anh em ông cùng vào thi; lúc vào kỳ đệ nhất, làm

văn chỉ một lát xong ngay, ra sân trường đá cầu chơi, quan trường thấy vậy, gọi mà bảo rằng: “Hôm nay là ngày tranh khôi đoạt giáp, mọi người ai cũng ngồi yên để làm văn, mà sao hai anh lại phóng đảng như vậy?” Ông thưa rằng: “Khoa này may được các quan ra đầu đề không lấy gì làm khó, anh em tôi đã làm xong cả rồi, vì cửa trường chưa mở, nên anh em tôi chơi cho đỡ buồn.” Quan trường nghe nói lấy làm lạ, hỏi rõ gốc tích, rồi ra cho một câu đối rằng: “Nhất bào song sinh, nan vi huynh, nan vi đệ 一胞雙生，難爲兄，難爲弟”, ông đối ứng khẩu ngay rằng: “Thiên tử nhất ngộ, hữu thị quân, hữu thị thần 千載一遇，有是君，有是臣.” Quan trường kinh phục, lập tức sai mở cửa cho anh em ông ra. Khoa ấy hai anh em ông cùng đỗ cử nhân, hôm xướng danh người ta thấy ông đầu còn để hoa roi, ai cũng khen là hiếm có. Lễ ra thì quan trường đã lấy văn của ông được đỗ Á nguyên, nhưng đến lúc đem vào bộ duyệt, lại để ông xuống số cuối.

Đức Thiệu Trị thường biết tiếng ông là bậc đại tài, vời ông vào kinh, sai ông làm bài phú để thử tài, đầu đề là Chu tuy cựu bang 周雖舊邦 lấy văn là Chu tuy cựu bang, kỳ mệnh duy tân 周雖舊邦其命維新²⁰⁵, ông cầm bút viết xong, dâng ngay lên vua, ngài khen là hay, muốn ân tứ cho ông là tiến sĩ cập đệ; nhưng các quan quyền thần can rằng: “Xin đợi đến chánh khoa sẽ lấy cho đỡ là phải”.

Vài năm sau ông vào kinh thi hội, lúc đi đến tỉnh Nghệ An, đi qua trường học của một ông tiến sĩ về hưu quan đang dạy học, ông cùng ông Đạt vái chào bước vào, rồi ngang nhiên đến ghế ngồi, gặp hôm ấy trong trường đang bình bài phú Ma trử thành trâm có câu rằng: “Khả thung hốt nhĩ khả phùng, tín khả ma nhi bất lân 可椿忽爾可縫信可磨而不磷; Chí độn phản thành chí mẫn, trí lực cửu nhi công thành 至鈍反成至敏知力九而功成.” Ông tiến sĩ kia đang ngồi gật gù khen tấm tắc, anh em ông thấy vậy bịt mũi đi ra, các học trò tức giận toan đánh, ông tiến sĩ bảo rằng: “Không nên, những người này tất là bậc phi thường”. Nhân sai người cố mời ông trở lại, anh em ông lại trở vào, ông tiến sĩ kia hỏi rằng: “Câu văn này từ ý rất hay, làm sao các quan bác lại cười?”. Ông thưa rằng: “Cái công hiệu ma trử, không phải một ngày nên được, mà hai chữ “hốt nhĩ” thì rất sai văn lý”. Ông tiến sĩ lấy làm phải, nhờ ông chữa lại cho. Ông liền đổi làm hai chữ “chuyển tác 轉作”. Ông tiến sĩ bèn mời ông ngồi bàn luận văn chương, ông đối đáp thông hoạt như nước chảy, cả trường đều kinh ngạc; ông tiến sĩ rất kính phục bảo rằng: “Văn lý của ông rất là mật sát, sau này vào quỳnh uyển ngọc đài, chả ông thì còn ai nữa”.

Khi bấy giờ có ông Nguyễn Siêu 阮超, là Phương Đình 方亭, cũng là một bậc tài danh có tiếng, nên người đời bấy giờ truyền tụng là

Thần Siêu Thánh Quát.

Có một khi ông Siêu phụng mệnh đề cái núi non bộ và cái bể cảnh, ông Siêu chưa biết nghĩ thế nào cho hay, bèn bảo ông đề giúp, ông đề rằng:

Sơn nhược hữu thần hô Hán tuế;

山若有神呼漢歲

Hải như sinh thánh thiếp Chu ba.

海如生聖浹周波206

Ông Siêu cũng phải lấy câu đề ấy là tuyệt bút. Lại một khi ông vào hầu cụ bảng nhân trông thấy cụ đề cái cối giã trầu bằng ngà voi một câu rằng:

Tích vi sơn lâm khách,

昔爲山林客

Kim tác thảo nha thần.

今作爪牙臣

Ông trông thấy mỉm cười mà đi ra, cụ bảng sai học trò ra chạy theo hỏi ông, ông nói rằng: “Như vậy thì lấy cả con voi làm cối giã trầu ư?” Học trò bèn mời ông trở lại, cụ bảng bắt ông đề thử xem sao, ông đề rằng:

Thượng tượng dĩ chế khí,

尚象以制器

Một xỉ vô oán ngôn.

沒齒無怨言

Cụ bảng cũng chịu là hay chữ. Đời bấy giờ có ông Tùng Quốc công207 và Tuy Lý công là hai vị hoàng tử đời Minh Mệnh, thơ văn hay có tiếng, hai ông thường mời ông vào làm thơ, trong ba đêm ông làm được ba mươi bài, mà đều đáng truyền tụng cả, lúc ông ra ngoài, nói chuyện với người ta rằng: “Đêm hôm qua ta đã áp đảo được cả ông Tùng ông Tuy rồi”.

Bấy giờ có một nhà đạo nho là ông Nguyễn Văn Khải阮文楷 rất ái

trọng ông, ông Khải nhân mới cưới một cô nàng hầu là một người ả đào ở tỉnh Bắc Ninh, liền bảo ông làm một bài hát chơi, ông cầm bút viết ngay một bài rằng:

“Bắc phương hữu giai nhân, tuyệt thế nhi độc lập 北方有佳人，絕世而獨立, giá đã nên nhất tiểu khuynh thành, trọng cho tài mà lại tiếc cho mình, còn chen chúc với đời chi mãi tá? Ngã diệc tự phi ninh tác ngã 我亦自非寧作我, nhân phi bất thị tả khan nhân 人非不是且看人, vòng thị phi chót đã quá chân, thôi đã biết chuyện đời là thế thế! Thôi thắm thoát bóng dâu đã xế, mới ngày nào mái tóc mới ngang vai. Của đời ai kém chi ai!”

Ông Khải rất lấy làm khen ngợi, lại ép ông rằng tất phải làm một bài dùng những tiếng tục thì mới thú. Ông bắt phải đem rượu uống đã rồi mới làm. Lúc đem rượu ra, ông uống một chén liền đọc ngay rằng:

“Trước đã mắc lừa cùng cái vịt, sau càng thêm thẹn với con sông. Sự dẫu có sự lạ lùng, ô tướng quân cùng mao động chủ. Sách có chữ âm dương đào chú, thay hóa công mà đức lấy nhân tài; càng già càng dẻo càng giai!”

Ông Khải nghe lấy làm thú, tặng cho ông ba chục quan tiền, ông đem đi chơi rượu đi hát, vài hôm hết cả rồi lại vào chơi, ông Khải lại tư cấp cho rất hậu, mà cũng không có câu yếm bạc ông.

Ông văn đã hay, chữ lại tốt, người Tàu đã từng có câu khen rằng: “Văn như Siêu Quát vô Tiền Hán 文如超适無前漢, thi đáo Tùng Tuy thất thịnh Đường 詩到從綬失盛唐”. Nghĩa là văn như văn ông Siêu ông Quát thì văn đời Tiền Hán cũng phải thua, thơ đến như thơ ông Tùng ông Tuy thì đến thơ Thịnh Đường cũng còn kém. Chỉ vì ông có tính tự phụ khinh người, thường nói rằng: “Cả thiên hạ chỉ có mình ta có một mắt, còn thì đều không có mắt cả”. Ông lại thường nói rằng: “Cả thiên hạ có hai bồ chữ, ông Siêu với ông Đạt được một bồ, còn một bồ thì tung khắp thiên hạ.”²⁰⁸ Cũng vì ông có tính kiêu căng như vậy, nên mấy lần thi hội, đều phải quan trường ghét mà đánh hỏng, ông lấy làm căm tức lại càng cố chí học hành, nhưng thi mãi cũng vẫn bị truất lạc.

Đến năm Thiệu Trị nguyên niên, được bổ làm chức Chủ sự, ra chấm sơ khảo trường thi Thừa Thiên, ông cùng với quan đồng viện là ông Phan Nhạ 潘迓 làm gian, lấy khói chụp đèn làm mực, chữa hai mươi bốn quyển văn của học trò, sau lấy đồ được năm quyển. Lúc thi xong, dư luận ồn ào, quan giám sát trường vụ là ông Hồ Trọng Tuấn 胡仲濬 dâng sớ đàn hạch, án nghĩ xử tử hình;

đức Thiệu Trị nghĩ ông là sinh chỉ làm càn mà thôi, không phải là có tình tư túi gì, gia ân giảm cho làm tội giảo giam hậu, sau lại được xử miễn nghị, bắt đầu đi hiệu lực theo ông Đào Trí Phú 陶致富 sang Tây Ban Nha²⁰⁹. Ông đi đường có ý ngạo mạn khinh ông Đào, thường ngồi đầu thuyền uống rượu ngâm thơ rằng: “Hữu tửu linh nhân túy 有酒令人醉 ná tri khách thị thù 那知客是誰.” Lại một câu rằng: “Nhập thế công thần thành trụ tằng 入世功臣成墜甑, xử thời kỹ nghệ học đồ long 處時技藝學屠龍.” Hai câu này đều là ngạo mạn cho ông Đào là ngu dốt vậy.

Sau ông lại được vào làm quan trong Nội các, lúc ấy các quan như ông Thân Văn Quyền 申文權, ông Nguyễn Công Trứ 阮公著 đều là người có danh vọng có thể lực ở trong triều, người ta ai cũng phải vì nể, mà ông thì có ý coi thường khinh bỉ, thường có câu đối chế nhạo hai ông ấy rằng:

Y cảm thượng quýnh, quân tử ố kỳ văn chi trứ,

衣錦尚絅君子惡其文之著

Bao Tề ý Tấn, thánh nhân bất đắc dĩ dụng quyền.

褒齊懿晉聖人不得已用權²¹⁰

Lại thường hiềm khích với ông tiến sĩ Nguyễn Bá Nha 阮伯迓 mà dán nhà một câu đối rằng:

Nhĩ cẩu vô nha hà tốc ngã;

爾苟無牙何速我

Ngô do hữu thiệt khởi thâm thù.

吾猶有舌豈輸誰

Ông bình sinh kiêu bạc đại loại như vậy, mà cũng vì thế nên phải các quan ghen ghét bài xích mà không được đại dụng.

Đến năm Tự Đức thứ bảy, được bổ làm giáo thụ phủ Quốc Oai (Sơn Tây), ông thường tự phụ là đại tài mà phải khuất làm quan hạ liêu, trong lòng thường uất ức, thường dán ở nhà trường một câu đối rằng:

Mô phạm năm ba thàng mặt trắng,

Đĩnh chung chiếc rưỡi cái lương vàng.

Khi lên chơi núi Sài Sơn có câu rằng:

Di lai bắc khuyết sơn vuư hảo;

移來北關山尤好

Sản khước tây thành nguyệt cánh minh.

剗却西城月更明

Đến tháng Mười năm Tự Đức thứ bảy, bấy giờ ông đang làm giáo thụ phủ Quốc Oai, thừa lúc ấy trong nước đang có giặc Tàu ở miền tỉnh Tuyên, Cao, Thái, Lạng, bèn phỉnh dụ các thổ dân ở Quốc Oai, Mỹ Lương, lấy giấy làm cờ, vót gỗ làm gươm, đề mấy chữ vào cờ rằng: Bình dương Bồ bản vô Nghiêu Thuấn 平陽蒲阪無堯舜, Mục dã Minh điều hữu Vũ Thang 牧野鳴條有武湯; rồi tế cờ ở hạt Mỹ Lương, suy tôn Lê Duy Cự 黎維柜 (tức cả Đồng), Lê Duy Uẩn 黎維緡 (tức cả Huân). Duy Cự tự xưng là Thiên hạ nguyên súy Hoàng giang chánh thống chánh giá đại nhân 天下元帥黃江正統正駕大人. Ông Quát thì tự xưng là Quốc sư 國師, định ngày kéo quân về hạ tỉnh thành Hà Nội. Sau vì mưu tiết lộ, quan quân ở Hà Nội và Bắc Ninh đuổi kịp quá, ông bèn trốn lên Sơn Tây, âm dụ những tên thổ mục ở Sơn Tây là Đinh Công Mỹ 丁公美 và Bạch Công Trân 白功珍 tự đồ đảng kéo đến cướp bóc ở các làng Hoàng Xá, Lật Sài, huyện Yên Sơn, quan tổng đốc Sơn Tây phái quan chánh phó lĩnh binh đem quân đi đánh, quân giặc thua trận phải kéo sang phủ Vĩnh Tường, rồi đốt phá thành huyện Tam Dương; ông Quát thì trở về Mỹ Lương để cùng Bạch Công Trân làm ứng viện. Rồi đem quân đến phá đốt các hạt phủ Ứng Hòa và huyện Thanh Oai, đóng tại làng Đồng Dương, phải quan quân tỉnh Hà Nội đánh tan, ông lại từ Mỹ Lương qua phủ Vĩnh Tường đến đốt phá thành huyện Tam Dương, lại đem quân đốt phá các miếu Quốc Oai và Yên Sơn.

Ông Nguyễn Bá Nghi thấy tình giặc như vậy, bèn tâu xin thêm quân, triều đình liền phái 500 lính Thanh Hóa, kéo lên hội tiểu, lại thuyền thưởng hễ ai bắt sống được tên phỉ cừu ngục xưng Quốc sư là Cao Bá Quát, sẽ thưởng cho năm trăm lạng bạc, ai giết chết được, sẽ thưởng cho ba trăm, và ban thưởng chức hàm cho. Bấy giờ quan phó lĩnh binh là Lê Thuận Đại đem quân đến đánh tan giặc ở huyện Yên Sơn; ông Quát quân thua bị tử trận. Quan quân bắt sống được những tên đầu mục là ngục thượng thư Nguyễn Kim Thanh 阮金聲, ngục phó vệ Nguyễn Kim Thực 阮金實, chém được hơn một trăm thủ cấp và bắt sống được hơn tám mươi người. Triều đình sai đem bêu đầu ông Quát ra các tỉnh Bắc kỳ và tây đem bỏ sông.

Còn Duy Cự và Duy Uẩn lui về đóng ở huyện Chương Đức, viên huyện ấy là Đặng Tư Triễn chạy trốn. Phỉ mục là Nguyễn Quy Phán 阮規判 (tức tổng Đài) và Nguyễn Văn Liệu 阮文料 (tức lý Liệu) đem lại đem quân kéo xuống đánh trộm phủ thành Nam Sách, viên tri phủ trốn chạy, quan bố chính Hải Dương là Lê Bá Đĩnh 黎伯錠 đem binh tượng đến vây, Lê Cự cùng tướng là Lý Tống 李宋 ở Hoàng kinh nghe tin, đem quân đến cứu, Bá Đĩnh phải kéo quân lui, Duy Cự vào đóng tại phủ thành.

Sau Duy Cự trận thua bị bắt, còn Duy Uẩn không biết trốn đâu, quan quân đóng cũi giải Duy Cự về kinh.

Lúc giải đi đường qua miếu vua Lê Thái Tổ ở làng Bó Vệ tỉnh Thanh, Duy Cự xin vào bái tổ, rồi làm lễ tam sinh để tế, đọc một câu thơ rằng:

Ngô sinh bất phụ thử sơn hà,

吾生不負此山河

Thiên địa vô tình khả nại hà?

天地無情可奈何

Viễn biệt sầu văn Nam phổ khúc.

遠別愁聞南浦曲

Hoàn hương tu tụng Đại phong ca;

還鄉須誦大風歌

Thiên niên cố quốc tinh linh tại,

千年故國精靈在

Nhất khứ anh hùng ảm hận đa;

一去英雄飲恨多

Dao bái miếu đường chung nhật cảm,

遙拜廟堂終日感

Y nhiên tích thụ phát kim hoa.

依然昔樹發今花

Ông Duy Cự tế xong tự tử mà chết.

Lại có người nói là ông Quát bị bắt ở trận tiền, giải về đến Hà Nội người ta thương ông ấy, lấy tên tù diện mạo giống ông đem thay, ông Quát trốn lên tỉnh Lạng Sơn đi tu, được mấy năm nữa mới chết.

Khi xưa ông Quát mới thi đỗ, làm thầy học ở nhà ông huyện Tiền Hải, ông huyện kia là chân tú tài xuất thân làm đến chức tri huyện về hưu trí, làm thủ phủ làng Cửu Cao, huyện Văn Giang, trong làng ấy có tên cai tổng Khả là tay hào phú không chịu phục, ông huyện làm việc gì ở làng thường phải cai tổng ngăn phá, ông huyện căm tức, về mưu với gia sư, ông Quát bèn bày mưu sai người học trò nghèo đến nhà cai tổng xin ăn, cai tổng thử hỏi văn thơ đều thông thạo, nhân lúc ấy nhà cai tổng đang chữa cái cổng ngoài, nhân làm giúp cai tổng một câu đối rằng:

Đăng bình chính trực khan vương đạo;

蕩平正直看王道

Cao đại quan minh thị ngã tâm.

高大光明是我心

Cai tổng lấy làm hay, liền khắc ngay vào cổng. Lại một hôm nhà cai tổng Khả chứa việc làng, đem xôi gà ra đình làm lễ, lấy lọng vàng che mâm, ông tri huyện kia khiến người đi giác cai tổng tiếm lọng, dám mình che lọng vàng, lại viện dẫn câu đối ở cổng làm chứng, và bày đặt ra nhiều việc khác để vu oan cho, cai tổng Khả bèn phải tội xử tử.

Lúc cai tổng Khả sắp phải hành hình, sai vợ lấy nhiều giấy bút để vào trong quan tài mà bảo rằng: “Nay cái oan của ta không giải được, xuống âm phủ thế nào ta cũng kiện cho minh bạch, làm cho đứa bày ra cái mưu này, cũng phải quả báo như ta”. Về sau nhà cai tổng và nhà ông huyện kia cũng bại hoại; ông Quát mắc phải nạn này, người ta bảo là cái ác báo của cai tổng Cửu Cao, nhưng đó là câu chuyện hoang đường không nên tin vậy.

Lại có người nói khi ông Quát làm giáo thụ phủ Quốc Oai, ở làm gia sư một nhà trong hạt ấy, ông tính hay rượu, tên cai tổng có chí khí khởi nguy, nhân lúc ông say rượu rủ ông đi, nên ông mới mắc vào tội bạn nghịch.

Ồi! Anh em một nhà ông, nói đến văn chương, thì thật là một

hạng nhân vật bậc nhất ở nước ta, chỉ vì gặp những sự không may, đến nỗi tan nhà nát cửa, mà những văn chương sự nghiệp của các ông cũng vì thế mà mất dần đi hết, chẳng qua chỉ còn được một vài bài thơ chép trong Cao Chu Thần thi tập, thực đáng tiếc thay!

Ông Quát đã chết rồi, con là Cao Bá Phùng 高伯逢, Cao Bá Thông 高伯通 cũng đều phải xử tử, người bạn ông là ông Đinh Nhật Thận 丁日慎 cũng bị tình nghi là đồng đảng với ông, phải bắt giam ngục; quan lang trung là ông Nguyễn Kim Xuyến 阮金釧 là thông gia với ông Đạt, bấy giờ đang cáo bệnh về ở nhà, cũng bị xử là tri tình mà không tố giác, phải giáng điệu.

Bấy giờ anh ông là ông Đạt đang làm tri huyện huyện Nông Cống (Thanh Hóa) có chính tích hay, dân đang ái mộ, cũng vì ông mà phải bắt, đóng cũi giải về kinh, các quan thương ông Đạt là oan, đưa thuốc độc cho tự tận. Sau dân huyện Nông Cống thương tiếc bèn lập miếu để thờ.

Con ông Đạt là ông Cao Bá Nhạ 高伯迺 thì trốn đi mất, lưu lạc ở dân gian đã ngót tám năm, sau bị có kẻ tố giác, ông lại bị bắt, ông ở trong ngục có làm hai bài tự tình bằng chữ Hán và một bài bằng quốc âm, từ ý lâm ly bi thảm, ai đọc đến cũng phải vì ông mà sa giọt lệ đồng tình, các bài ấy đến nay dân gian hãy còn truyền tụng.

Sở Cuồng Lê Dư (Thảo trạch anh hùng, Tạp chí Nam Phong số 163, tháng 6/1931, trang 534-535)

Chú Thích

1. Nguyễn Đăng Giai (?-1854) tự Toản Phụ; là người làng Phù Chánh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Xuất thân trong một gia đình vọng tộc, nội ông là tiến sĩ Nguyễn Đăng Hoàn, cha ông là Hiệp biện Đại học sĩ Nguyễn Đăng Tuân (thầy dạy vua Thiệu Trị). Thuở nhỏ, Nguyễn Đăng Giai theo học với thân phụ. Năm Minh Mạng thứ nhất (1820), ông đỗ hương tiến (cử nhân). (Biên tập viên chú thích viết tắt là BT)

2. Viện Viễn Đông Bác cổ (tiếng Pháp: École française d'Extrême-Orient, viết tắt EFEO) là một trung tâm nghiên cứu của Pháp về Đông phương học. (BT)

3. Ổn thỏa và thỏa đáng. (BT)

4. Cự là to lớn, cự tộc là gia tộc, dòng họ lớn. (BT)

5. Nghèo mà trong sạch. (BT)

6. Thao: chí nguyện, phẩm cách, đức hạnh; thủ: giữ vững nắm chắc. Thao thủ là luôn giữ chí nguyện bình sinh, giữ chắc phẩm hạnh của mình. (BT)

7. Thiết: thành lập, sáng lập, dựng lên. (BT)

8. Cảnh tượng không thật. (BT)

9. Ý nói ông đồ nghèo kiệt xác. (BT)

10. Cả đời, cả cuộc đời. (BT)

11. Theo sách Luận ngữ tứ thư huấn nghĩa, đời Chu có một nhà bốn lần sinh đôi, cặp đầu đặt tên: Bá Đạt, Bá Quát; cặp kế: Trọng Đột, Trọng Hốt; cặp thứ ba: Thúc Dạ, Thúc Hạ; và cặp cuối là: Quý Tuy, Quý Oa. Lớn lên đều đỗ tiến sĩ. Ông Đồ họ Cao lấy điển tích này mà đặt tên con là: Bá Đạt, Bá Quát (vì hai người con này cũng sinh đôi). (BT)

12. Sai không phải tên gọi của một bệnh mà là tên gọi các Chứng (triệu chứng của các bệnh khác nhau). Chứng sai thường dùng để gọi những triệu chứng bất thường của trẻ nhỏ từ sơ sinh đến 2-3 tuổi, cũng có khi là chứng của một bệnh lạ, hoặc bệnh nặng, bệnh nguy hiểm... (BT)

13. Chu Thần là tên tự của ông Cao Bá Quát. Cao Bá Quát là chú, còn cháu là ông Cao Bá Nhạ, tác giả Tự tình khúc.

14. Tuấn là tài giỏi xuất chúng, đỉnh là thông minh vô cùng. Tuấn đỉnh ám chỉ người có tài năng hơn người. (BT)

15. Trác là cao siêu xuất chúng, lạc là nổi bật, rõ ràng. Trác lạc nghĩa là xuất chúng, trác tuyệt siêu quần. (BT)

16. Hiếu: bảo cho mà biết; bảo: bảo ban răn dạy. (BT)

17. Sách là quy tắc, khuôn phép. Sách lệ là Bá Đạt coi lời cha như là khuôn phép mà mình phải noi theo. (BT)

18. Lãng tăng nghĩa gốc là chập trùng cao vút, nghĩa bóng là chỉ người tính tình cương trực, kiên trinh, bất khuất. (BT)

19. Tập là học đi học lại nhiều lần, tập văn là vừa học văn thơ và vừa thực hành làm văn thơ. (BT)

20. Phát là dấy lên, hưng khởi, trở nên, phát việt là trở nên siêu việt, giỏi dang, xuất sắc. (BT)

21. Phú thân 富紳, một vị quan thân giàu có.
22. Vì nề nghĩa là kiêng nề. (BT)
23. Nghĩa là kẻ hậu sinh đáng sợ, lời cụ Khổng.
24. Trình, Chu là hai vị đại nho đời Tống, tức Trình Di và Chu Hy.
25. Thất niêm nghĩa là mất sự dính nhau. Phép làm thơ luật, nếu hai câu trên thế này: bằng bằng bằng trắc trắc, trắc trắc trắc bằng bằng, thì hai câu dưới phải là: trắc trắc bằng bằng trắc, bằng bằng trắc trắc bằng, như thế tức là đúng niêm. Nếu câu thứ ba ở đây lại mở đầu bằng hai tiếng bằng bằng thì đối với trên tức là thất niêm.
26. Đỗ thứ nhì.
27. Những thuyết nói hai anh em cùng đỗ một khoa, Quát đỗ giải nguyên, Đạt đỗ á nguyên, chỉ là ngoa truyền.
28. Níp là rương tre, đồ đựng sách vở. (BT)
29. Nếu là sách vở hay văn cũ thì còn phải tội và bị tước mất cả chân củ, tú đã có.
30. Chuốc lấy, rước lấy. (BT)
31. Thuộc tỉnh Hưng Yên ngày nay. (BT)
32. Rừng đao núi kiếm, ý nói đao kiếm lắm le chọc giết. (BT)
33. Căng người ra để đánh đòn, dùng hết sức bình sinh để đánh. (BT)
34. Kiểm duyệt xóa hơn 1 dòng.
35. Ánh mắt nhìn chéch về một hướng, mi hơi khép lại, thường tỏ ý sợ hãi hay gian xảo. (BT)
36. Nay thuộc Hà Nội. (BT)
37. Có lòng phản nghịch, giành mất quyền của vua. (BT)
38. Như khật khuờng, từ gợn tả dáng đi không vững, lúc nghiêng bên này, lúc ngả bên kia. (BT)
39. Nghỉ ngơi. (BT)

40. Từ mô phỏng tiếng động mạnh và đột ngột. (BT)
41. Cô đầu là danh từ thuộc loại từ cũ, để chỉ các ả đào. Thú chơi cô đầu thịnh hành nhất vào những năm thuộc Pháp và ở phía Bắc.
42. Người đẹp khó được lần thứ hai.
43. Chàng tài tử phong lưu có nhiều xuân tứ, nàng Tiêu đút ruột ở trong một bức thư. Hai câu thơ này của Dương Cự Nguyên (tự Cảnh Sơn, người Hà Trung, đỗ tiến sĩ năm Trinh Nguyên thứ 5 (790) đời Đường) vịnh nàng Thôi Oanh Oanh. Nàng Tiêu trở Oanh Oanh, mà đó là tiếng trở chung về con gái. Các bản khác để là Trường đoạn Tiêu lang là nhầm.
44. Việc đòi thăng trầm anh đừng hỏi, kìa hãy xem giữa chỗ khói sóng mù mịt, có chiếc thuyền đánh cá lênh đênh.
45. Duy ngọn gió mát ở trên sông, với bóng trăng ở ngàn núi.
46. Kìa anh chẳng thấy nước sông Hoàng hà từ chỗ cao như trên trời chảy xuống. Câu này ở đầu bài Tương tiễn tửu của Lý Bạch.
47. Phương Bắc có một cô gái đẹp tuyệt vời. Câu này trong bài thơ của Lý Duyên Niên.
48. Thái độ đùa cợt thái quá, thiếu đúng đắn, không lịch sự. (BT)
49. Ô tướng quân là quan tướng quân Qua; Mao động chủ là bà Chúa động Lộng (nói nhả).
50. Âm dương nung đúc.
51. Rời, chuyển.
52. Bá Di đòi Ân khi Vũ Vương dấy quân đánh Trụ, ông giằng cương ngựa can ngăn không được. Trụ mất nước, Vũ vương lập nhà Chu, Bá Di cùng em là Thúc Tề không ăn thóc nhà Chu, bỏ lên núi Thú Dương hái rau vì ăn thay cơm rồi chết ở đó.
53. Lã Vọng tức Khương Tử Nha nhà nghèo, làm các nghề vặt kiếm sống nhưng nhiều lần thất bại. Vợ kèo nèo, ông nói: người ta dù khát cũng không uống nước song đục. Ông thường ngồi câu cá trên sông Vị Thủy, sau giúp Vũ vương khởi nghiệp lập ra nhà Chu, lúc ông đã ngoài tám mươi tuổi.
54. (Từ cũ) nghĩa là mãi, mãi mê.

55. Khóa lợi, giảm danh: Danh lợi trói buộc người ta như cái khóa và cái dây buộc mõm ngựa.

56. Chăm lo, nuôi nấng chu đáo hoặc giúp đỡ một cách ân cần. (BT)

57. Kiểm duyệt xóa hơn 2 dòng.

58. Sự bốn cột bằng lời nói. (BT)

59. Kẻ sĩ tham gia ứng thí gọi là thí sĩ. (BT)

60. Nghĩa như phát lưu, đày người có tội đi nơi xa. (BT)

61. Theo sách Đại Nam liệt truyện của Quốc sử quán thì ông Quát cùng bạn đồng sự là Phan Nhạ dung khỏi đèn chữa những 24 quyển văn, rồi có năm quyển được đỗ. Việc võ ra, quan Giám sát trường thi là Hồ Trọng Tuấn đàn hặc, ông Quát bị kết vào tội tử. Vua Thiệu Trị gia ân giảm xuống giảo giam hậu. Sau ông được ân xá và khởi dụng.

62. Tân là vị cay, khổ là vị đắng. Tân khổ là cay đắng, nhọc nhằn, vất vả. (BT)

63. Đào Trí Phú (? - 1854?), trước có tên là Đào Trí Kính, là quan triều Nguyễn, sinh tại làng Phước Kiến, thuộc Long Thành, dinh Trấn Biên (nay thuộc xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai). (BT)

64. Phối là đày tội nhân đi xa, sở là nơi, chỗ, trụ sở. Phối sở là chỉ nơi mà Cao Bá Quát bị đi đày, nơi quản giáo ông. (BT)

65. Hiệu là cống hiến, phụng sự; lực là sức lực. Ý nói dốc sức trợ giúp. (BT)

66. Quyền là chức quyền, quyền hành; yếu là trọng yếu, quan trọng. Ở đây ám chỉ những trọng thần của triều đình. (BT)

67. Con trai thứ 10 của vua Minh Mạng, và là em vua Thiệu Trị. (BT)

68. Túc là Tùng Thiện công. (BT)

69. Con thứ 11 của vua Minh Mạng. (BT)

70. Ông là con thứ mười hai của vua Minh Mạng, là anh em cùng cha khác mẹ với Miên Thẩm (Tùng Thiện Vương), Miên Trinh

(Tuy Lý Vương) (BT)

71. Nguyễn Phúc Miên Định là con trai thứ 3 của vua Minh Mạng.
(BT)

72. Nguyễn Phúc Miên Thủ - con trai thứ 9 của vua Minh Mạng.
(BT)

73. Nguyễn Phúc Miên Triệu - con trai thứ 66 của vua Minh Mạng.
(BT)

74. Từ biểu thị mức gần là như thế. (BT)

75. Viết tắt của Tùng Thiện công và Tuy Lý công. (BT)

76. Là từ cũ, chỉ chung người đi ở, phải đem thân ra hầu hạ, phục dịch kẻ khác. (BT)

77. Lễ trọng bậc hiền, nhún nhường kẻ sĩ.

78. Câu chuyện này nhiều người truyền lại, nhưng tác giả hơi ngờ. Theo sách Đồi tài hoa của Nguyễn Văn Đệ thì việc này là của ông Thủ khoa Nguyễn Hàm Ninh. Cũng có người lại cho việc này là của người Tàu. Xin cứ tạm để vào đây để đợi xét.

79. Vời tức mời. (BT)

80. Túc Hồng lĩnh ở Nghệ An. (BT)

81. Kiểm duyệt xóa hai dòng.

82. 莫我知也夫, nghĩa là đời chẳng có kẻ nào biết ta.

83. Khuất Nguyên phẫn uất rồi tự trầm ở sông Mịch La.

84. Kiểm duyệt xóa hai dòng.

85. Lương vàng: Thừa xưa quan lại thường lĩnh lương bằng thóc.

86. Nguyễn Bá Nghi (1807-1870), hiệu là Sư Phần, là một đại thần nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam, người làng Thời Phố (sau đổi là Lạc Phố), huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Năm ông làm Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên là vào năm 1862. (BT)

87. Chỉ vẽ điều linh, thê lương, ảm đạm. (BT)

88. Tôi đã được thấy Tản Đà nôn tháo sau một bữa rượu quá say ở

nhà người bạn tôi.

89. Túc thám hoa, bảng nhãn. (BT)

90. Tế tướng, phụ chánh. (BT)

91. Kiểm duyệt xóa hơn ba dòng.

92. Súc là cất, chứa lại; nhuệ: bèn sắc. Dưỡng uy súc nhuệ là nuôi dưỡng uy phong, giữ gìn sự bèn nhọn. (BT)

93. Kiểm duyệt xóa bỏ mấy dòng.

94. Cao Chu Thần quả có chí nguyện đế vương, cứ xem đôi câu đối ông làm sau khi bị bắt vào ngục như sau:

Một chiếc cùm lim chân có đế,

Ba vòng xích sắt bước thì vương.

Nhà văn hào của chúng ta nếu không có cái mộng đế vương, thì sao lại gò chữ như vậy.

95. Bấy giờ ông Hoan làm Hộ lý Ninh Thái Tổng đốc, tức là quyền sung Tổng đốc Bắc Ninh và Thái Nguyên.

96. Có sách nói là Lê Duy Uẩn và Lê Duy Đồng, nhưng đây theo sách Đại Nam thực lục chính biên đề là Lê Duy Cự 黎維矩. Sách Đại Nam thực lục cả Tiền biên và Chính biên gồm những mấy trăm quyển, tư gia ít nhà có. Tôi đọc được ở viện Bác cổ Viễn Đông.

97. Bình Dương là kinh đô của vua Đường Nghiêu, nay là huyện lỵ Lâm Phần tỉnh Sơn Tây nước Tàu. Bồ Bản là kinh đô của vua Ngụ Thuấn, nay ở huyện Vĩnh Tế tỉnh Sơn Tây.

98. Minh Điều và Mục Dã là hai nơi Thang, Võ đánh đuổi Kiệt, Trụ. Minh Điều ở Sơn Tây; Mục Dã ở Hà Nam.

99. Mỗi tiền quý là 60 đồng kẽm; mỗi tiền gián là 36 đồng.

100. Vĩnh Tường và Tam Dương khi ấy thuộc Sơn Tây, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. (BT)

101. Sách Đại Nam Thực lục chính biên nói ông Cao Bá Quát chết ở trận này, người bắn chết ông là viên xuất đội Đinh Thế Quang. Song xem những ký tái (ghi chép) của các tư gia và hợp với lời truyền thuyết của các cố lão thì ông bị bắt sống rồi bị trảm khiêu

chứ không phải là chết trận. Vì thấy cái thuyết bắt sống có nhiều chứng cứ hơn, nên ở đây tác giả đi theo thuyết ấy.

102. Tài diệu khó định được anh, em, trên, dưới.

103. Kiểm duyệt xóa hơn 2 dòng.

104. Từ biệt. (BT)

105. Âu là con le.

106. Tự tích này do ông Dương Tự Quán, chủ hiệu sách Đông Tây Hà Nội là người xuất bản quyển Đồi tài hoa cho mượn. Đồi tài hoa là chuyện ông Nguyễn Hàm Ninh.

107. Ký vãng bắt cữu, lời cụ Khổng Tử, nói việc đã qua rồi không bắt lỗi đến nữa.

108. Đăng là chép lại.

109. Linh Đài là tiếng để trở về tấm lòng người ta.

110. Sông Thiên Đức, tức sông Đuống.

111. Lã Mông Chính đời Tống, nhà nghèo nhưng chăm học, đêm nào cũng chong đèn đọc sách, sau đỗ đến Trạng nguyên, quan đến Tể tướng.

112. Đồng Trọng Thư đời Hán rất siêng học, có khi vây màn đọc sách, ba năm không trông ra đến vườn.

113. Lưu Hưởng đời Hán, đêm nào cũng đốt đèn Thái ất, cặm cụi làm sách.

114. Tư Mã Tương Như tên tự là Trường Khanh, người đời Hán, có tài văn chương. Thừa còn hàn vi vào đất Thục, qua cầu Thăng Tiên, có đề vào cầu mấy chữ rằng: “Nếu không làm nên có xe ngựa, sẽ không lại qua cầu này nữa”.

115. Tiếng dùng gọi người cha đã mất.

116. Thú, lệnh là Tri phủ, Tri huyện.

117. Trương Kham đời Hán làm Thái thú quận Ngự Dương, có chính tích tốt. Gặp năm được mùa lúa tốt, dân đều ca tụng là do chính tích của Trương mà nên.

118. Phan Nhạc đời Tấn làm quan Lệnh huyện Hà Dương, trong huyện trồng toàn đào. Phan có chính tích tốt, dân đều ca tụng và gọi chỗ huyện lỵ là Thành Đào.

119. Triệu Biện đời Tống làm quan ưa sự giản dị, đi đến huyện nào cũng chỉ đem theo cái đàn và con hạc.

120. Mao Nghĩa đời Hán ở nhà nuôi mẹ, có chiếu vua bỏ dùng làm quan lệnh huyện Lư Dương. Thư phượng hoàng trở vào tờ chiếu nhà vua (phượng chiếu). Thủa xưa người Tàu thường dùng con phượng gổ để ngậm tờ chiếu.

121. Lý Bạch là một tay thi bá đời Đường, có làm bài tự về một bữa yến hội, trong có câu “hội đào lý chi phương viện, tự thiên luân chi lạc sự”, nghĩa là họp nhau ở vườn đào mạn, tỏ bày sự vui trong tình anh em.

122. Tử Văn là quan tướng nước Sở, đời Xuân Thu bị tội cả nhà mắc oan.

123. Lưỡi dao ngắn, nói sự tự tử của ông Cao Bá Đạt.

124. Tục ngữ: Cáo chết ba năm quay đầu về núi.

125. Phó: phó mặc, ngạnh (cành cây), tích (dấu vết). Chiến Quốc sách: Cành cây đẽo tượng, tượng bị dòng sông cuốn đi, ý nói người lãnh đênh lưu lạc. (BT)

126. Dương Hổ là một viên quan tốt đời Tấn. Sau khi mất, nhân dân ở Tương Dương dựng bia lập miếu để ghi ân đức ở trên núi Nghiễn là nơi bình sinh ông vẫn hay đến chơi. Ai đi qua núi Nghiễn trông thấy tấm bia, cũng thương nhớ ứa nước mắt, nhân thế tấm bia ấy thành tên là “bia trụ lệ”.

127. Áo lụa trắng

128. Khăn lượt đen.

129. Tang tử là cây dâu cây thị, nói chỗ quê hương của cha mẹ. Do chữ Kinh Thi: Duy tang dĩ tử, tất cung kính chi (cây dâu cây thị của cha mẹ trồng để lại, cũng phải cung kính).

130. Ông Dịch Lương Công đi xa nhớ nhà, ngoảnh về thấy đám mây trắng trên núi Thái Hàng, ngậm ngùi than rằng: “Nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây kia!”.

131. Cầu Bá Kiều ở phía đông thành Trảng An bên Tàu có cây liễu, người đi tiễn biệt thường đến đây bẻ cành liễu để tặng biệt, vì thế cũng gọi là cầu Chiết Liễu, nghĩa là bẻ liễu.

132. Âu Dương Tu tên tự là Vĩnh Thúc, một nhà văn hào đời Tống, trap Vĩnh Thúc là nói cái trap đựng sách của ông ấy.

133. Đỗ Phủ tên tự là Thiếu Lăng, một thi hào đời Đường, tập Thiếu Lăng là nói tập thơ của Đỗ Phủ.

134. Phong là dồi dào, sắc là nghèo ngặt, ý nói tạo hóa cho cái nọ dồi dào, lại bắt cái kia nghèo ngặt. Truyện Kiều: Lạ gì bỉ sắc tư phong.

135. Tư Mã Tương Như làm bài phú Lăng Vân, nổi tiếng là thánh phú.

136. Đào Am xưa có cái vườn trồng các thứ hoa.

137. Thanh dạ là đêm thanh.

138. Lưu niên là năm trôi, nói năm tháng trôi đi như nước.

139. Cây phần cây du, những thứ cây thường trồng ở thôn quê, nên người ta cũng gọi nơi quê hương là phần du.

140. Vương Sán là người nước Ngụy đời Tam Quốc, một nhà văn sĩ có danh, có làm bài phú Đăng lầu, tả mối tình khi đứng trên lầu cao trông về quê cũ.

141. Hướng Tú là một nhà văn đời Tấn, có bài thơ nhớ quê.

142. Chữ gấm, chiếu vàng, đều là nói về sắc mệnh của nhà vua. Ý nói mong mỗi được tha.

143. La võng là lưới bẫy.

144. Kiều Tử là tên hai thứ cây, kiêu là thứ cây to, tử là thứ cây nhỏ, nghĩa bóng để ví với cha con.

145. Cơ là cái thúng, cừ là áo cừ. Hai chữ này dùng để nói con cháu biết nối được nghiệp của cha ông, ví như con nhà thợ làm cung, biết bắt chước cách làm cung mà uốn tre đan thành cái thúng, con nhà thợ hàn, biết bắt chước chắp vá các miếng da để làm thành áo cừ.

146. Đan là cái giỏ, biêu là cái bầu. Xưa ông Nhan Hồi, học trò đức

thánh Khổng ở trong một ngõ hẻm, chỉ có một giỏ cơm, một bầu nước, lấy đó để sống mà vui với đạo học.

147. Nhặng vo ve là nói những tiếng lao xao của quân lính đến bắt. Truyện Kiều tả lúc Vương Ông bị bắt cũng có câu: Đây nhà vang tiếng ruồi xanh.

148. Cầu này ở về vùng Mỹ Đức.

149. Túc núi chùa Hương.

150. Ông Nhạ bị nhốt trong cũi, do 8 người khiêng.

151. Cửu mạch là chín lối.

152. Lục nhai là sáu đường, ở đây ám chỉ các đường lối ở những nơi dinh thự phố phường.

153. Bảo kính là gương báu.

154. Con tê, sùng nó có một vết sáng thông lên trời. Đuốc linh tê là nói đuốc sáng, ví với lòng công minh của người trên.

155. Tỉnh Đông, tức Hải Dương.

156. Tỉnh Bắc Ninh.

157. Bến Ái Mộ ở tỉnh Bắc Ninh.

158. Huyện Gia Lâm ở Bắc Ninh.

159. Hiến chỉ là ý chỉ của quan đại thần. Lệnh tiễn là cái tên lệnh. Theo phép nhà Thanh, quan đại thần sai người đi truyền lệnh, có trao cho một lá cờ và một mũi tên mang đi để làm tin; trong lá cờ và trong mũi tên, đều có viết ba chữ “Thanh Hán lệnh”.

160. Đồng khí: Cùng chung khí mạch, ý nói cùng một tông phái.

161. Bình di: giữ đạo luân thường.

162. Phi tai: Tai bay, tai bay vạ gió.

163. Tiên nhân tích lũy: Sự tu nhân tích đức của người trước.

164. Phát phu: Tóc da.

165. Mộng hùng là chiêm bao thấy con gấu. Kinh Thi có một bài

thơ nói chiêm bao thấy con gấu thì sinh con trai, chiêm bao thấy con rắn thì sinh con gái. Xin chó ngâm chương mộng hùng, ý nói đừng sinh con giai mà nên tai vạ.

166. Sái lạc: tưới rảy.

167. Tiên phần: mồ mả người trước.

168. Khoan thải: Khoan tha cho.

169. Gia đình tự tục: Việc nối dõi của gia đình.

170. Đan thâm: Tắm lòng son.

171. Thơ Nam cai nói người con hiếu lần theo cái thềm phía nam hái hoa lan mà lòng quyến luyến cha mẹ. Vì thế người ta thường dùng tiếng Nam cai để nói về nơi con hầu hạ cha mẹ.

172. Ngọc khuê ngọc chương.

173. Ngựa trắng tức là bạch câu, nói ví mặt trời đi nhanh như ngựa.

174. Chó xanh tức là đám mây xanh như hình con chó. Thơ ông Đỗ Phủ: Thiên thượng phù vân như bạch y, tư tu biến huyễn vi thương cầu = Đám mây nổi trên giong như tấm áo trắng, thoát chốc biến thành con chó xanh. Nói ví việc biến đổi không thường.

175. Túc Hương sơn, núi chùa Hương.

176. Bến Hán là bến sông Ngân Hán; hai sao là sao Ngâu sao Nữ, tức vợ chồng Ngâu.

177. Thất tịch: Đêm mùng 7 tháng 7.

178. Mao ốc: cái nhà lợp gianh.

179. Lương Hồng đời Hán là một nhà ẩn sĩ, có vợ là nàng Mạnh Quang, đối với chồng rất là cung kính, mỗi khi bưng cơm cho chồng, thường nâng mâm lên ngang lông mày.

180. Thuần là rau rút, lư là cá mè. Trương Hàn làm quan ở Kinh đô, thấy gió thu thổi, nhớ đến cá mè rau rút là những món ăn ở quê hương Giang Nam, bèn cáo quan về.

181. Bút giá: Cái giá gác bút.

182. Thi bình: Bức bình đề thơ.

183. Ông Đào Uyên Minh từng làm quan huyện Bành Trạch, nên cũng gọi là Đào Bành Trạch. Ông cáo quan về, thường có thần hoa cúc hiện lên thành người mặc áo trắng đến đưa rượu tặng.

184. Phạm Lãi thôi làm tướng nước Việt, về đi tiêu dao năm hồ, vui thú phong nguyệt, đổi tên là Đào Chu.

185. Dữu Tín ở ẩn trên một trái núi, trồng rất nhiều mai, sau người ta gọi núi ấy là Dữu Lĩnh, nghĩa là núi Dữu.

186. Hòn Cô Sơn ở Tây Hồ, thuộc tỉnh Chiết Giang nước Tàu. Lâm Bô đời Tống ở ẩn tại đây.

187. Tường vi tức là hoa tầm xuân. Thơ Đường: Bất hướng Đông sơn cửu, tường vi kỷ độ hoa? Nghĩa là: Đã lâu không tới non Đông, tầm xuân không biết đã nở hoa mấy lần?

188. Tiễn xuân la: Tên một loài cây có hoa đẹp. Giống cây này, sách Quần phương phổ gọi là tiễn hồng la. Thân cao hơn thước, dọc mềm lá xanh. Hoa nở về mùa hạ, có sáu cánh, tròn xoe như cát. Còn một thứ nữa gọi là tiễn thu la.

189. Võng Xuyên là nơi thôn cư thanh vắng mà nhà thi sĩ kiêm họa sĩ đời Đường là Vương Duy ở. Vương vẽ toàn cảnh chỗ ấy, tức là bức đồ Võng Xuyên.

190. Tất xuất: Con đế.

191. Hạ cửu: Chín mươi ngày mùa hạ.

192. Sương tảo sương cam là cây táo, cây cam đượm sương.

193. Thanh hạ nghĩa là lúc thanh thả, nhàn rỗi.

194. Thông là hanh thông, tắc là ách tắc.

195. Cầm độc là chim muông; quan thường là mũ xiêm. Ý câu này nói lễ đầu ăn ở như loài chim muông để làm cho ô danh cả đám sĩ phu.

196. Thiên la: Lưới giời.

197. Tùy ngộ nhi an: Tùy theo cảnh ngộ mà an phận.

198. Hóa cơ vãng phục: Cơ giời vận đi chuyển lại. Ý nói thái rồi

đến bĩ, bĩ rồi lại thái.

199. Tác thiện: Làm điều lành. Lục trầm: Chết chìm trên cạn. Người làm lành mà phải chết chìm trên cạn, ý nói làm lành mà chẳng gặp lành.

200. Thận độc: Giữ nét thận trọng dù trong lúc vắng vẻ một mình.

201. Mạc ai: Đừng buồn nào. Khúc hát mạc ai nói đừng nên buồn nào làm gì.

202. Quang âm: Bóng sáng, tức trở vào thì giờ.

203. Do tôn trọng nguyên bản nên có một số thông tin, nội dung, chữ Hán chưa thực sự chính xác. Chúng tôi giữ nguyên bản gốc. (BT)

204. Câu này thấy xuất hiện trong bài Đăng Vương các tự của Vương Bột. Nguyên văn là 關山難越，誰悲失路之人？萍水相逢，盡是他鄉之客。(Quan san nan việt, thủy bi thất lộ chi nhân? Bình thủy tương phùng, tận thị tha hương chi khách.) Trần Trọng San dịch là: Quan san khó vượt, nào ai sót thương người lạc lối? Bèo nước gặp nhau, hết thấy đều là khách tha hương. (BT)

205. Câu này xuất phát từ Kinh Thi, nghĩa là nhà Chu tuy là nước cũ, mà mệnh trời thời mới. (BT)

206. Nghĩa là: Núi nếu có thần thì hô chúc tuổi vua Hán (Hán Vũ đế); Biển như sinh thánh nhân thì làm im lặng sóng gió nhà Chu. (BT)

207. Là Tùng Thiện Công mới đúng. (BT)

208. Có lẽ tác giả bị nhầm, bởi Cao Bá Quát là một người kiêu căng, mà ở đây lại không nhận bồ chữ nào thì khá phi lý. Nguyên văn câu đúng phải là “Cả thiên hạ có bốn bồ chữ, một mình tôi chiếm hai bồ, anh tôi Bá Đạt và bạn tôi Nguyễn Văn Siêu giữ một bồ, còn một bồ thì phân phát cho các kẻ học.” Với tôn chỉ tôn trọng sách gốc, nên chúng tôi không sửa mà chỉ mạn phép chú thích ở đây, mong độc giả lượng xét. (BT)

209. Nguyên văn trong Nam Phong tạp chí chép là “Đào Trí Phú sang Tây Ban Nha”, có lẽ do nhầm lẫn. Bởi theo thông tin chúng tôi được biết thông qua phần nội dung trong sách Cao Bá Quát của Trúc Khê thì Đào Trí Phú chỉ sang Tân-gia-ba (tức Singapore ngày nay) công cán mà thôi. (BT)

210. Tạm dịch: Có rượu làm người ta say, nên ta không biết khách là ai. (BT)

TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN - GÓC NHÌN SỬ VIỆT

Là một trong những quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời, nhưng một vấn đề Việt Nam đang phải đối mặt chính là sự đứt gãy về mặt lịch sử - văn hóa. Tức thế hệ trẻ ngày nay không còn được đọc hay hiểu được những gì ông cha ta đã viết. Ngoại trừ giới nghiên cứu, đại bộ phận học sinh, sinh viên ít hoặc không có thói quen tìm đọc những thư tịch cổ của ông cha. Góp phần dẫn đến tình trạng đó là việc rất nhiều tài liệu thư tịch cổ quý giá của ông cha ta hoặc nằm sâu trong các kho tàng của các viện nghiên cứu như Viện Sử học Việt Nam, Viện Triết, Viện Hán-Nôm, Thư viện Quốc gia..., hoặc thuộc về các tổ chức cá nhân sưu tầm sách cổ.

Trước thực tế trên, Công ty cổ phần sách Alpha (Alpha Books) xây dựng đề án Alpha Di sản, mục đích dịch thuật, tái bản các tài liệu, thư tịch cổ có giá trị... Hơn hết, Alpha Books mong muốn xây dựng lại nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, chất lượng cho các cơ quan, trường học, thư viện, các trung tâm nghiên cứu và cá nhân, nhằm gìn giữ vốn quý văn hóa của dân tộc.

Xuất bản tháng 10/2014

1. Quang Trung (1788-1792) - Hoa Bằng
2. Trần Hưng Đạo - Hoàng Thúc Trâm
3. Nữ tướng thời Trung Vương - Nguyễn Khắc Xương
4. Phan Đình Phùng - Đào Trinh Nhất
5. Lương Ngọc Quyến - Đào Trinh Nhất
6. Nguyễn Thái Học - Nhượng Tống
7. Vua Hàm Nghi - Phan Trần Chúc
8. Việt - Pháp bang giao sử lược - Phan Khoang
9. Việt - Hoa bang giao sử - Huyền Quang, Xuân Khôi, Thi Đạt Chí

10. Việt - Hoa thông sứ sử lược -Bế Lãng Ngoạn, Lê Văn Hòe
11. Việt Nam ngoại giao sử - Ứng Trình
12. Sử ký Đại Nam Việt - Khuyết Danh